Ngày soạn: 27/08/2023
Tiết 1:

CHƯƠNG V. TẾ BÀO
BÀI 18:TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ BẢN CỦA SỰ SỐNG

I. Mục tiêu
1. Về kiến thức:
- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.
- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.
- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.

2. Về năng lực:
2.1 Năng lực chung
Năng lực tự chủ và tự học: Tim kiếm thông tin, đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về tế bào, hình dạng và kích thước của tế bào.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để trả lời được các câu hỏi khó: "Tại sao tế bào là đơn vị cơ bản của các cơ thể sống.", "Vì sao mỗi loại tế bào lại có hình dạng và kích thước khác nhau"…

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: lấy ví dụ để chứng minh tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên:
+ Nêu được tế bào là đơn vị cấu tạo của các cơ thể sống, mỗi tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau.

+ Giải thích được "Tại sao tế bào là đơn vị cơ bản của các cơ thể sống.", "Vì sao mỗi loại tế bào lại có hình dạng và kích thước khác nhau".

- Chứng minh mỗi tế bào có hình dạng kích thước khác nhau phù hợp với chức năng của chúng.

3. Về phẩm chất:
Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

Chăm học: thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ học tập.Chịu khó tìm tòi tài liệu.

- Có trách nhiệm trong công việc được phân công, phối hợp với các thành viên khác trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm tìm hiểu về tế bào – đơn vị cấu tạo của cơ thể sống, và giải thích được "tại sao tế bào là đơn vị cơ bản của các cơ thể sống.", "Vì sao mỗi loại tế bào lại có hình dạng và kích thước khác nhau".

Trung thực, cẩn thận trong : làm bài tập trong vở bài tập và phiếu học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu
GV : Hình ảnh : H1.1: Hình dạng một số loại tế bào.
H1.2: Cấu trúc các bậc cấu trúc của thế giới sống.
Hình ảnh ngôi nhà được xây nên từ những viên gạch.
Máy tính, máy chiếu.
Phiếu học tập: Tế bào

- **HS.** Đọc trước bài mới

III. Tiến trình dạy học

1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là: Tế bào (7')

*** Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được bài học hôm nay: học về tế bào

*** Tổ chức thực hiện**

Hướng dẫn/trợ giúp của GV – HĐ của HS và sản phẩm của HĐ	Nội dung
Giao nhiệm vụ: GV lấy 2 đội chơi, mỗi đội 3 HS, chiếu hình ảnh bị che bởi các miếng ghép. HS thực hiện nhiệm vụ: 2 đội bốc thăm, đội nào được lật ô trước sẽ trả lời câu hỏi "Hình ảnh đó là gì?". Nếu đội đó không trả lời được thì đội thứ 2 sẽ giành quyền trả lời…. Đội nào đưa ra được đáp án thì đội đó sẽ thắng cuộc. Kết luận: GV sẽ chốt kết quả: đội chiến thắng là đội trả lời được: hình ảnh đó là hình ảnh tế bào	Tế bào

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

1.1 Tìm hiểu: Tế bào là gì?

* Mục tiêu: Nêu được khái niệm tế bào. Học sinh biết được tế bào là đơn vị cấu tạo của các cơ thể sống.

Học sinh trả lời được: tại sao tế bào là đơn vị cơ bản của các cơ thể sống?

* Tổ chức thực hiện:

Hướng dẫn/Trợ giúp của GV – HĐ của HS	Nội dung
GV giao nhiệm vụ: HS đọc thông tin SGK + quan sát hình ảnh , trao đổi nhóm trả lời câu hỏi: + GV chiếu hình ảnh quả tim được cấu tạo từ các tế bào cơ tim. + Tế bào là gì? + Tại sao nói tế bào là đơn vị cấu tạo của cơ thể sống? + Tại sao tế bào được coi là đơn vị cơ bản của các cơ thể sống? - HS thực hiện nhiệm vụ: đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm để trả lời được câu hỏi của nhiệm vụ được giao. - HS báo cáo: Cử đại diện trả lời câu hỏi. - GV gọi một nhóm trình bày đáp án, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung ý kiến. - GV nhận xét và chốt kiến thức.	+ Tế bào là đơn vị cấu tạo của cơ thể. + Mọi cơ thể sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào + Tế bào thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản như: sinh sản, sinh trưởng, hấp thụ chất dinh dưỡng, hô hấp, cảm giác, bài tiết, do vậy tế bào được xem là "Đơn vị cơ bản của sự sống"

1.2. Hình dạng tế bào

* Mục tiêu: Nêu được một số hình dạng khác nhauc của tế bào

* Tổ chức thực hiện:

Có nhiều loại tế bào với các hình dạng khác nhau

Các loại tế bào khác nhau về kích thước, nhưng hầu hết là rất nhỏ bé

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/Trợ giúp của GV – HĐ của HS	Nội dung
- GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh quan sát hình 18.1. gv bổ sung them một số hình dạng tế bào trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi: + Nêu nhận xét về hình dạng tế bào. + Các nhóm thảo luận gọi tên hình dạng một số loại tế bào HS thực hiện nhiệm vụ: học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên: quan sát hình 18.1, Hình bổ sung trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi. HS báo cáo: Các nhóm cử đại diện trả lời theo yêu cầu của GV. GV kết luận: GV kết luận kiến thức bằng cả kênh chữ và kênh hình trên slide: + Có nhiều loại tế bào với các hình dạng khác nhau	Tế bào có nhiều hình dạng khác nhau: hình đa giác, hình trứng, hình hạt….

1.3. Kích thước tế bào

* Mục tiêu: HS nêu được sự khác nhau về kích thước của các loại tế bào.

* Tổ chức thực hiện

Hướng dẫn/Trợ giúp của GV – HĐ của HS	Nội dung
GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh quan sát hình 18.2.. trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi: + Cho biết tế bào nào có thể quan sát bằng mắt thường, tế bào nào phải quan sát bằng kính hiển vi? + Em có nhận xét gì về kích thước của tế bào? HS thực hiện nhiệm vụ: học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên: quan sát hình 1.1, 1.2, trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi. HS báo cáo: Các nhóm cử đại diện trả lời theo yêu cầu của GV.	- Các loại tế bào khác nhau về kích thước, nhưng hầu hết là rất nhỏ bé.

3. Hoạt động 3: Luyện tập 6’

* Mục tiêu: Hệ thống được một số kiến thức đã học về tế bào

* Tổ chức thực hiện:

Hướng dẫn/Trợ giúp của GV – HĐ của HS và sản phẩm của HĐ	Nội dung
GV giao nhiệm vụ: Quan sát hình, đọc thông tin trong SGK, sử dụng kiến thức đã biết và thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi trong bài 1- phiếu HT: **Bài 1: Bốn bạn học sinh phát biểu về hình dạng,**	D

kích thước của các loại tế bào khác nhau như sau: A.Tất cả các loại tế bào đều cùng hình dạng, nhưng chúng luôn có kích thước khác nhau. B.Tất cả các lọai tế bào đều có hình dạng và kích thước giống nhau. C.Tất cả các loại tế bào đều có cùng kích thước nhưng hình dạng giữa chúng luôn khác nhau. D.Các loại tế bào khác nhau luôn có kích thước và hình dạng khác nhau Thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi sau: 1. Phát biểu của bạn nào đúng? 2. Lấy ví dụ để giải thích tại sao các phát biểu khác không đúng. Học sinh thực hiện nhiệm vụ: học sinh thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ của giáo viên giao. HS báo cáo: Các tổ cử đại diện báo cáo . Giáo viên sẽ chọn ngẫu nhiên 2-3 nhóm báo cáo. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến GV chốt kiến thức: bằng cả kênh chữ và hình trên slide. HS vẽ sơ đồ tư duy nội dung kiến thức bài học trong 2’ ai nhanh nhất gv sẽ chấm điểm	

4. Hoạt động 4: Vận dụng 2’

***** *Mục tiêu:*

Học sinh giải thích được :

Tại sao nói “ Tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống”

Tại sao mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau?

** Tổ chức thực hiện:*

GV giao nhiệm vụ: HS đọc câu hỏi, thảo luận nhóm, chọn đáp án đúng, trong bài 2- phiếu HT

Bài 2: Khoanh tròn vào đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Tại sao nói “tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống”

a. Vì tế bào rất nhỏ bé.

b. Vì tế bào có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản: Tế bào thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản như: sinh sản, sinh trưởng, hấp thụ chất dinh dưỡng, hô hấp, cảm giác, bài tiết.

c. Vì tế bào Không có khả năng sinh sản.

d. Vì tế bào rất vững chắc.

Câu 2. Tại sao mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau?

a. Mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau để phù hợp với chức năng của chúng.

b. Mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau để chúng không bị chết.

c. Mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau để các tế bào có thể bám vào nhau dễ dàng.

d. Mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau để tạo nên sự đa dạng của các loài sinh vật.

- HS thực hiện nhiệm vụ: học sinh làm việc nhóm: Đọc câu hỏi , chọn đáp án đúng, trong bài 2- phiếu HT theo yêu cầu của GV
- HS báo cáo: Các nhóm cử đại diện trả lời. GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả
- GV chốt đáp án đúng. Câu 1. b: câu 2.a.

- Tại sao hầu hết tế bào đều có kích thước rất nhỏ?
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ai tinh mắt và nhớ nhanh

Ngày soạn: 03/9/2023
Tiết 2-3:

BÀI 19: CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CÁC THÀNH PHẦN CỦA TẾ BÀO

I. Mục tiêu

1.Kiến thức: Sau khi học bài này, học sinh sẽ:

- Trình bày được cấu tạo và chức năng các thành phần chính của tế bào.
- Phân biệt được tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực; tế bào động vật, tế bào thực vật thông qua quan sát hình ảnh.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tim kiếm thông tin, đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào. Phân biệt được tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực, tế bào động vật và tế bào thực vật.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để trả lời được các câu hỏi khó: "Trên màng tế bào có các lỗ nhỏ li ti. Em hãy dự đoán xem vai trò của những lỗ này là gì.", "Cấu trúc nào của tế bào thực vật giúp cây cứng cáp dù không có hệ xương nâng đỡ như ở động vật?
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tạo mô hình mô phỏng tế bào động vật và tế bào thực vật.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên:

- Năng lực nhận biết KHTN

+ Nêu được cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào

+ Nhận biết được tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực; tế bào động vật, tế bào thực vật thông qua quan sát hình ảnh.

+ Thông hiểu: Giải thích được "Trên màng tế bào có các lỗ nhỏ li ti. Em hãy dự đoán xem vai trò của những lỗ này là gì.", "Cấu trúc nào của tế bào thực vật giúp cây cứng cáp dù không có hệ xương nâng đỡ như ở động vật?". "Những điểm khác nhau giữa tế bào động vật và tế bào thực vật có liên quan gì đến hình thức sống khác nhau của chúng?"

- Năng lực vận dụng kiến thức: Tạo mô hình mô phỏng tế bào động vật và tế bào thực vật. trả lời được câu hỏi "Túi nilon, hộp nhựa, rau củ, quả và gelatin mô phỏng cho thành phần nào của tế bào? Loại tế nào có thể xếp chặt hơn và đưa ra lời giải thích?"

3. Phẩm chất: Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học: thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ học tập.
-Có trách nhiệm trong công việc được phân công, phối hợp với các thành viên khác trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm tìm hiểu cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào
- Trung thực, cẩn thận trong: làm bài tập trong vở bài tập và phiếu học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Hình ảnh: H2.1: Sơ đồ các thành phần chính của tế bào.
H2.2: Cấu tạo tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.
H2.3: Tế bào động vật
H2.4: Tế bào thực vật

Hình ảnh trái đất

Hinh ảnh một số loại tế bào: tế bào mỡ, tế bào biểu bì, tế bào cơ, tế bào hồng cầu…

Hình ảnh ngôi nhà được xây nên từ những viên gạch.

Máy tính, máy chiếu.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là: cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào.

*** Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được bài học hôm nay học về cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào.

* **Tổ chức thực hiện**

Hướng dẫn/Trợ giúp của GV – HĐ của HS	Nội dung
* **Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên chiếu hình ảnh các loại tế bào, và đưa ra câu hỏi: Tại sao tế bào được coi là đơn vị cơ bản của các cơ thể sống? Đưa ra câu hỏi dẫn dắt: Tế bào được cấu tạo từ thành phần nào? Và chúng có những chức năng gì để giúp tế bào thực hiện những quá trình sống đó? *** HS thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao, mỗi cá nhân suy nghĩ tìm câu trả lời. ***HS báo cáo kết quả**: GV gọi ngẫu nhiên 1-2 HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung. * **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.** Giáo viên đưa ra kết luận bằng hình ảnh và dẫn dắt bằng lời để vào bài mới.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về: cấu tạo của tế bào

*** Mục tiêu:**

Học sinh biết được các thành phần chính của tế bào và chức năng của chúng.

Học sinh trả lời được: Trên màng tế bào có các lỗ nhỏ li ti. Em hãy dự đoán xem vai trò của những lỗ này là gì?

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/Trợ giúp của GV – HĐ của HS	Nội dung
***Chuyển giao nhiệm vụ** - GV giao nhiệm vụ: HS đọc thông tin SGK + quan sát hình ảnh H2.1, trao đổi nhóm trả lời câu hỏi: + Nêu thành phần chính của tế bào và chức năng của chúng? + Trên màng tế bào có các lỗ nhỏ li ti. Em hãy dự đoán xem vai trò của những lỗ này là gì?	Tế bào gồm: + Màng tế bào: bao bọc tế bào chất, tham gia vào quá trình trao đổi chất giữa tế bào và môi trường. + Tế bào chất: gồm bào tương và các bào

*** HS thực hiện nhiệm vụ** : Đọc thông tin, quan sát hình ảnh H2.1, thảo luận nhóm tìm ra câu trả lời. Cử đại diện nhóm báo cáo. ***HS báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo: Sau khi thảo thuận xong, mỗi nhóm cử đại diện để trả lời. GV gọi ngẫu nhiên 1-2 nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung. *** Đánh giá kết qảu thực hiện nhiệm vụ** - GV chốt kiến thức: giáo viên chốt kiến thức bằng cả kênh chữ và kênh hình trên slide	quan, là nơi diễn ra phần lớn các hoạt động trao đổi chất của tế bào. + Nhân/vùng nhân: Là nơi chứa vật chất di truyền và là trung tâm điều khiển các hoạt động sống của tế bào.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực

*** Mục tiêu:**

Học sinh phân biệt đươc tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.

*Tổ chức thực hiện

Hướng dẫn/Trợ giúp của GV – HĐ của HS	**Nội dung**
***Chuyển giao nhiệm vụ** GV giao nhiệm vụ: Học sinh quan sát hình 2.2, trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi: chỉ ra điểm giống và khác nhau về thành phần cấu tạo giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực? ***HS thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV, các nhóm quan sát hình và thảo luận để tim ra câu trả lời. ***HS báo cáo kết quả thảo luận**: cử đại diện để trả lời . GV gọi đại diện một nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét bổ sung *** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV kết luận: về sự giống và khác nhau giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, chiếu bảng phân biệt trên slide.	Bảng dưới

	Tế bào nhân sơ (Tế bào vi khuẩn)	**Tế bào nhân thực (Tế bào động vật, thực vật)**
Giống	Cả hai loại tế bào đều có màng tế bào và tế bào chất	
Tế bào chất	Không có hệ thống nội màng, các bào quan không có màng bao bọc, chỉ có một bào quan duy nhất là Ribosome	Có hệ thống nội màng, Tế bào chất được chia thành nhiều khoang, các bào quan có màng bao bọc, có nhiều bào quan khác nhau.
Nhân	Chưa hoàn chỉnh: không có màng nhân	Hoàn chỉnh: có màng nhân

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về tế bào động vật và tế bào thực vật

*** Mục tiêu:**

- Học sinh phân biệt đươc tế bào tế bào động vật và tế bào thực vật

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/Trợ giúp của GV – HĐ của HS	Nội dung
*** Chuyển giao nhiệm vụ** - GV giao nhiệm vụ: Học sinh quan sát hình 2.3, trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi: + Chỉ ra điểm giống và khác nhau về thành phần cấu tạo giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực? + Cấu trúc nào của tế bào thực vật giúp cây cứng cáp dù không có hệ xương nâng đỡ như ở động vật? + Những điểm khác nhau giữa tế bào động vật và tế bào thực vật có liên quan gì đến hình thức sống khác nhau của chúng? ***HS thực hiện nhiệm vụ**: HS quan sát hình 2.3, trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời mà GV đã giao. ***HS báo cáo kết quả:** theo yêu cầu của GV, các nhóm cử đại diện báo cáo. Gióa viên gọi ngẫu nhiên một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm còn lại nhận xét , bổ sung ý kiến *** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.** GV chốt đáp án: GV chốt kiến thức về điểm giống và khác nhau về thành phần cấu tạo giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực bằng bảng; câu trả lời của câu hỏi "cấu trúc nào của tế bào thực vật giúp cây cứng cáp dù không có hệ xương nâng đỡ như ở động vật? Những điểm khác nhau giữa tế bào động vật và tế bào thực vật có liên quan gì đến hình thức sống khác nhau của chúng?" bằng kênh chữ trên slide	Bảng dưới Cấu trúc nào của tế bào thực vật giúp cây cứng cáp dù không có hệ xương nâng đỡ như ở động vật: đó là tế bào thực vật có thành tế bào cứng cáp nên nó vừa quy định hình dạng tế bào, vừa bảo vệ tế bào và vừa giúp cây cứng cáp. Điểm khác nhau lớn nhất giữa tế bào động vật và tế bào thực vật là: tế bào thực vật có diệp lục để giúp cây hấp thụ năng lượng ánh sáng mặt trời để tổng hợp chất dinh dưỡng cho cây.

Thành phần	Tế bào động vật	Tế bào thực vật
Thành tế bào	Không có	Có, giữ hình dạng tế bào được ổn định
Màng tế bào	có	có
Tế bào chất	Có chứa : ti thể, 1 số tế bào có không bào nhỏ	Có chứa: ti thể, không bào lớn, lục lạp chứa diệp lục giúp hấp thụ ánh

		sang mặt trời.
Nhân	Có nhân hoàn chỉnh	Có nhân hoàn chỉnh
Lục lạp	Không có	Có lục lạp

3. Hoạt động 3: Luyện tập

*** Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học về cấu tạo tế bào

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/Trợ giúp của GV – HĐ của HS	**Nội dung**
- GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các yêu cầu sau: + Hoạt động nhóm: Tạo mô hình mô phỏng tế bào động vật và tế bào thực vật. + Trả lời câu hỏi:Túi nilon, hộp nhựa, rau củ, quả và gelatin mô phỏng cho thành phần nào của tế bào? Loại tế nào có thể xếp chặt hơn và đưa ra lời giải thích? + GV hướng dẫn: Tạo mô hình mô phỏng tế bào động vật và tế bào thực vật:	Hs mô phỏng được tế bào thực vật và động vật

Các bước	**Mô phỏng tế bào động vật**	**Mô phỏng tế bào động vật**
Bước 1	Chuẩn bị một túi nilon có khóa	Chuẩn bị một túi nilon có khóa đặt vào hộp đựng thực phẩm trong suốt
Bước 2	Dùng thìa chuyển gelatin dạng lỏng vào mỗi túi cho đến khi đạt ½ thể tích mỗi túi	
Bước 3	Chọn các loại rau củ, quả(hoặc đất nặn, xốp) mà em thấy có hình dạng giống các bào quan ở tế bào động vật và thực vật, sau đưa vào mỗi túi tương ứng với mô phỏng tế bào động vật và thực vật (cố gắng xếp xếp chặt các loại rau củ, quả), sau đó đổ gelatin gần đầy rồi kéo khóa miệng túi lại.	

Trả lời câu hỏi: Túi nilon, hộp nhựa, rau củ, quả và gelatin mô phỏng cho thành phần nào của tế bào? Loại tế nào có thể xếp chặt hơn và đưa ra lời giải thích?

HS về nhà thực hiện theo yêu cầu của giáo viên, giờ sau các nhóm mang sản phẩm đến và trả lời các câu hỏi.

Các nhóm sẽ nhận xét các sản phẩm và nội dung câu trả lời của nhóm khác .

GV kết luận: sẽ chốt lại kiến thức bằng hình ảnh trên slide.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

*** Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng kiến thức đã học để giải thích được hiện tượng thực tế:

Nếu em nhìn trái đất từ vũ trụ, em sẽ thấy hầu hết các vùng đất liền là màu xanh lá cây. Màu xanh đó do đâu?

***Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: Quan sát hình ảnh trái đất được chiếu trên màn hình , thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: Nếu em nhìn trái đất từ vũ trụ, em sẽ thấy hầu hết các vùng đất liền là màu xanh lá cây. Màu xanh đó do đâu?

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV, thảo luận nhóm để tìm ra câu trả lời.

- Học sinh báo cáo kết quả thảo luận: cử đại diện của nhóm trả lời . GV chọn một nhóm ngẫu nhiên trả lời, các nhóm khác nhận xét , bổ sung ý kiến.

GV chốt kiến thức bằng hình ảnh tế bào thực vật và hình ảnh trái đất trên slide cho HS .

Câu 1: Hãy tìm những từ/cụm thích hợp để hoàn thành nội dung sau:

Các loại tế bào khác nhau thường có……(1)……,……..(2)……và …….(3)……..khác nhau.

Màng tế bào là thành phần có ở mọi……(4)……giúp……(5)…….và……(6)……. các thành phần bên trong tế bào, đồng thời tham gia vào quá trình…….(7)…….. giữa tế bào và môi trường.

Tế bào chất là nơi diễn ra phần lớn các hoạt động…….(8)……..của tế bào. Nhân hoặc vùng nhân là nơi chứa……..(9)……, là trung tâm……(10)…….. các……(11)……..của tế bào.

Câu 2: Vẽ các thành phần của tế bào vào vở

GV yêu cầu hs hoàn thành vẽ tranh các thành phần của tế bào vào vở

Ngày soạn: 17/9/2023
Tiết 4-5:

BÀI 20: SỰ LỚN LÊN VÀ SINH SẢN CỦA TẾ BÀO

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

Sau khi học xong bài học này học sinh sẽ khám phá được quá trình lớn lên và sinh sản của TB bao gồm

- Trình bày được quá trình lớn lên và quá trình sinh sản (phân chia) dựa trên hình ảnh.
- Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản (phân chia) TB.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: tự tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh, đoạn video để mô tả được sự lớn lên và phân chia của TB, hoàn thành các nhiệm vụ của giáo viên.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm xác định được sự thay đổi (lớn lên) của TB non; kết quả của việc phân chia (sinh sản) liên tục của TB.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề trong thực tiễn liên quan đến sự lớn lên và phân chia TB: Hiện tượng mọc lại đuôi ở thằn lằn; Các vết thương lõm sau một thời gian thì đầy lại.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên (sinh học)

* Nhận thức sinh học:

- Trình bày được các bước cơ bản trong sự sinh sản (phân chia) của TB. Kết quả của sự phân chia đó.
- Xác định được nhờ đâu TB có thể lớn lên, tăng trưởng về kích thước, khối lượng.
- Thực hiện được bài tính toán đơn giản về số lượng TB sau một số lần sinh sản (phân chia) liên tiếp

* Tìm hiểu thế giới sống

- Đưa ra nhận định, phán đoán về vấn đề mở được đưa ra ở phần đặt vấn đề: Từ 1 TB có thể tạo ra một cơ thể mới hay không?

* Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học

- Giải thích được nguyên nhân bên trong giúp cơ thể tăng trưởng về khối lượng, kích thước; Hiện tượng mọc lại đuôi ở thằn lằn; Các vết thương lõm sau một thời gian thì đầy lại

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó đọc SGK và các tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân để giải quyết các vấn đề trong các phiếu về lớn lên và sinh sản của TB
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động thực hiện các nhiệm vụ tìm hiểu sự lớn lên và phân chia của TB.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Hình ảnh, đoạn phim về quá trình lớn lên và phân chia TB
- Phiếu học tập bài 3 - Sự lớn lên và sinh sản của TB.
- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: phiếu học tập nhóm trên khổ giấy A1

2. Học sinh:

- Ôn tập kiến thức đã học, đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu (6phút)

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giáo viên chiếu hình ảnh đơn vị cấu tạo của ngôi nhà và cơ thể - Giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động cặp đôi trong thời gian 3 phút để hoàn thành hai câu hỏi bài tập 1 - phiếu học tập + Từ 1 viên gạch có thể xây được một ngôi nhà không? Giải thích. + Từ một TB, ta có thể tạo được một cơ thể hoàn thiện? Giải thích vì sao? - Giáo viên gọi ngẫu nhiên các học sinh trình bày về dự đoán của nhóm và giải thích dựa vào kiến thức đã biết → ghi lại vào góc bảng các quan điểm khác nhau. - Giáo viên đặt vấn đề: Để xem dự đoán và giải thích của bạn nào đúng nhất, hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu về TB: Bài 3 – Sự lớn lên và sinh sản của TB.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Sự lớn lên của TB (8phút)

* Mục tiêu:

- Mô tả được sự lớn lên của TB (thay đổi vị trí kích thước của nhân và TB chất)
- Xác định được cơ sở của sự lớn lên của TB là hoạt động trao đổi chất.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của GV – Hoạt động của HS	**Nội dung**
*** Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu cá nhân học sinh thực hiện nhiệm vụ hoàn thành bài tập 1 PHT - Phát vấn các câu hỏi nhận thức về quá trình lớn lên của TB: Nhờ hoạt động sống nào mà TB có thể lớn lên? TB có lớn lên mãi không? Tại sao? *** HS thực hiện nhiệm vụ** - Cá nhân học sinh hoàn thành bảng so sánh - Đọc sgk và tìm ra nhận định về nguyên nhân bên trong dẫn tới sự lớn lên của TB, nhận định về giới hạn trong sự lớn lên của TB và giải thích. ***HS báo cáo kết quả** - 1-2 học sinh đại diện trình bày kết quả và nhận xét hoàn thiện bảng so sánh và quan	**<u>I. Sự lớn lên của tế bào:</u>** - Các tế bào con có kich thước nhỏ, nhờ quá trình trao đổi chất mà chúng lớn dần thành những tế bào trưởng thành *- TB không lớn lên mãi vì đến một giới hạn xác định (màng TB sẽ vỡ)*

điểm cá nhân về nguyên nhân bên trong và giới hạn lớn lên của TB. *** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - Giáo viên nhận xét kết quả nhận thức của cá nhân về kết quả so sánh và trả lời câu hỏi nhận thức - Giáo viên chốt lại về sự lớn lên của TB bằng một sơ đồ chữ về sự lớn lên của TB là hệ quả của quá trình trao đổi chất của TB.	

Nội dung	**TB non**	**TB trưởng thành**
Kích thước nhân	Nhỏ	Lớn hơn
TB chất	Ít	Nhiều hơn
Vị trí của nhân	ở trung tâm TB	Nằm lệch về 1 phía
Kích thước, khối lượng TB	Kích thước, khối lượng nhỏ	Kích thước, khối lượng tăng hơn so với ban đầu

Hoạt động 2.2: Sự sinh sản (phân chia) của tế bào (18phút)

*** Mục tiêu:**

- Mô tả được quá trình sinh sản của TB và kết quả
- Phân tích được mối quan hệ giữa quá trình lớn lên với quá trình phân chia TB và phát hiện được kết quả của sự lớn lên và sinh sản của TB

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của GV – Hoạt động của HS	**Nội dung**
*** Chuyển giao nhiệm vụ** - Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân quan sát đoạn phim, tìm kiếm thông tin để lựa chọn những nội dung phù hợp hoàn thành bài tập 2- PHT tìm hiểu về sự phân chia của TB và mối quan hệ giữa quá trình lớn lên và phân chia TB. - Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động nhóm (3 phút) thống nhất kết quả. *** HS thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh hoạt động cá nhân hoàn thành bài 2 PHT, sau đó trao đổi nhóm 4-6 hs trong 3 phút, dựa vào đoạn phim và hình 3.2 SGK hoàn thành tìm hiểu về quá trình phân chia và mối quan hệ *** HS báo cáo kết quả** - Giáo viên yêu cầu 2 nhóm nhanh nhất đại diện lên báo cáo kết quả hoạt động nhóm. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung và thống nhất chốt lại kết quả cuối cùng về sự phân chia	**II. Sự sinh sản (phân chia) của tế bào** - Tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định thì sinh sản (phân chia) → từ một tế bào mẹ thành hai tế bào con. *- TB non nhờ quá trình lớn lên mà thành TB trưởng thành có khả năng phân chia (sinh sản). Kết quả quá trình phân chia lại sinh ra những TB non mới.*

của TB và mối quan hệ với sự lớn lên. *** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - Giáo viên nhận xét kết quả hoạt động của các nhóm. - Chốt lại hai bước của quá trình phân chia và mối quan hệ giữa phân chia và lớn lên.	

Hoạt động 2.3: Ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào (15phút)

*** Mục tiêu:**

- HS Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của TB với cơ thể.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của GV – Hoạt động của HS	Nội dung
*** Chuyển giao nhiệm vụ** - Giáo viên giao nhiệm vụ cho hs quan sát các hình 20.2 và 20.3, thảo luận cặp đôi trả lời hệ thống các câu hỏi trong SGK và rút ra ý nghĩa của quá trình lớn lên, phân chia TB. - Giáo viên quay lại giải quyết câu hỏi đặt vấn đề? + Từ một viên gạch không thể xây được một ngôi nhà. Nhưng từ một TB có thể xây dựng được một cơ thể. Giải thích tại sao có sự khác nhau đó? (câu hỏi nêu vấn đề ở hoạt động 1) Theo em câu trả lời của bạn nào là đúng nhất? Nếu cho rằng chưa có câu trả lời đúng thì em hãy đưa ra nhận định mới chính xác hơn. *** HS thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh quan sát hình 20.2 →20.3, hoạt động cặp đôi trả lời hệ thống câu hỏi. *** HS báo cáo kết quả** - Giáo viên yêu cầu đại diện 1-2 nhóm đưa quan điểm báo cáo kết quả hoạt động cặp đôi. - Các học sinh khác nhận xét, bổ sung và thống nhất chốt lại kết quả cuối cùng về ý nghĩa của sự lớn lên, phân chia TB. *** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - Giáo viên nhận xét kết quả hoạt động của các nhóm. - Chốt lại ý nghĩa của lớn lên và phân chia TB giúp cơ thể lớn lên và thay thế các TB già chết tự nhiên.	**III. Ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản tế bào:** - Sự sinh sản tế bào làm tăng số lượng tế bào, thay thế các tế bào già, các tế bào bị tổn thương, các tế bào chết, giúp cơ thể lớn lên (sinh trưởng) và phát triển.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (13phút)

*** Mục tiêu:**

Hệ thống lại được các kiến thức về lớn lên và sinh sản của TB vừa học tham gia trò chơi " đấu trường 35"

án cho các câu hỏi:

1.A	2.B	3.B	4.B	5.A	6.B	7.D	8.B

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của GV – Hoạt động của HS	**Nội dung**
Giáo viên giao nhiệm vụ Trò chơi đấu trường 35 với học sinh cả lớp. Lưu ý thao tác giáo viên: Thay đổi sĩ số học sinh phù hợp: 32, 30…. Bấm vào số để ra câu hỏi theo thứ tự Bấm vào biểu tượng quyển sách ở slide trả lời để quay về màn hình chính Bấm vào tên học sinh trả lời sai. Loại trực tiếp Giáo viên phổ biến luật chơi: - Mỗi học sinh sẽ có 1 bảng ghi đáp án đúng cho mỗi câu hỏi trong vòng 5 giây suy nghĩ. - Học sinh nào có đáp án sai sẽ dừng cuộc chơi và bị loại khỏi danh sách chơi → thành khán giả cổ vũ. - HS Thực hiện nhiệm vụ Tham gia chơi, theo dõi cổ vũ khi bị loại khỏi cuộc chơi. - Tổng kết, trao thưởng cho người chiến thắng - Giáo viên đánh giá cuối cùng, nhận xét về tinh thần, kỉ luật, nhắc nhở hoặc động viên kịp thời….	

4. Hoạt động 4: Vận dụng (giao về nhà và báo cáo vào buổi học sau) (5phút)

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học, năng lực tìm hiểu thế giới sống thông qua hệ thống được kiến thức về lớn lên và sinh sản của TB và vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự lớn lên và sinh sản của TB.

b) Nội dung:

- Hs tìm các hiện tượng thực tế có thể giải thích bằng sự lớn lên và phân chia của TB?

c) Sản phẩm:

+ Hiện tượng mọc lại đuôi ở thăn lằn

+ Các vết thương lõm sau một thời gian thì đầy lại.

+ Cơ thể động, thực vật lớn lên ….

d) Tổ chức thực hiện:

Giáo viên giao về nhà học sinh tìm hiểu và báo cáo ở buổi sau.

Phụ lục nội dung câu hỏi trò chơi "Đấu trường 35"

Câu 1. Một TB mẹ sau khi phân chia (sinh sản) sẽ tạo ra bao nhiêu TB con?

A. 2 B. 1 C. 4 D. 8

Câu 2. Cơ thể sinh vật lớn lên chủ yếu dựa vào những hoạt động nào dưới đây?

1. Sự hấp thụ và ứ đọng nước trong dịch TB theo thời gian.
2. Sự gia tăng số lượng TB qua quá trình phân chia.

3. Sự tăng kích thước của từng TB do trao đổi chất.

A. 1, 2, 3 B. 2, 3 C. 1, 3 D. 1, 2

Câu 3. Hiện tượng nào dưới đây không phản ánh sự lớn lên và phân chia của TB?

A. Sự gia tăng diện tích bề mặt của một chiếc lá

B. Sự xẹp, phồng của các TB khí khổng

C. Sự tăng dần kích thước của một củ khoai lang

D. Sự vươn cao của thân cây tre

Câu 4. Sự lớn lên của TB có liên quan mật thiết đến quá trình nào dưới đây?

A. Trao đổi chất, cảm ứng và sinh sản B. Trao đổi chất

C. Sinh sản D. Cảm ứng

Câu 5. Một TB mô phân sinh ở thực vật tiến hành phân chia liên tiếp 4 lần. Hỏi sau quá trình này, số TB con được tạo thành là bao nhiêu?

A. 32 TB B. 4 TB C. 8 TB D. 16 TB

Câu 6. Quá trình phân chia TB gồm hai giai đoạn là:

A. Phân chia TB chất → phân chia nhân

B. Phân chia nhân → phân chia TB chất.

C. Lớn lên → phân chia nhân

D. Trao đổi chất → phân chia TB chất.

Câu 7. Phát biểu nào dưới đây về quá trình lớn lên và phân chia của TB là **đúng**?

A. Mọi TB lớn lên rồi đều bước vào quá trình phân chia TB.

B. Sau mỗi lần phân chia, từ một TB mẹ sẽ tạo ra 3 TB con giống hệt mình.

C. Sự phân tách chất TB là giai đoạn đầu tiên trong quá trình phân chia.

D. Phân chia và lớn lên và phân chia TB giúp sinh vật tăng kích thước, khối lượng.

Câu 8. Điều gì sẽ xảy ra với cơ thể nếu không kiểm soát được quá trình phân chia TB?

A. Cơ thể lớn lên thành người khổng lồ.

B. Xuất hiện các khối u ở nơi phân chia mất kiểm soát.

C. Cơ thể phát triển mất cân đối (bộ phận to, bộ phận nhỏ không bình thường).

D. Cơ vẫn thể phát triển bình thường.

*** Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài
- Chuẩn bị cho giờ thực hành: củ hành tây, trứng cá

Đã duyệt, ngày …. tháng….năm….

TMT

Lê Thị Thanh

Ngày soạn: 01/10/2023
Tiết 6-7:

BÀI 21: QUAN SÁT VÀ PHÂN BIỆT MỘT SỐ LOẠI TẾ BÀO

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Quan sát được tế bào lớn hơn bằng mắt thường và tế bào nhỏ bằng kính hiểu vi
- Làm được tiêu bản tế bào biểu bì thực vật
- Quan sát và nhận biết được các thành phần cơ bản trong tế bào
- Vẽ hình và so sánh được sự khác nhau giữa các tế bào quan sát được

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: tự tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh, đoạn video để ghi lại được các bước làm một tiêu bản sinh học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm xác định được các bước làm tiêu bản tế bào biểu bì hành tây, tế bào niêm mạc miệng.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình làm thí nghiệm.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

* Nhận thức sinh học
- Năng lực thực hành thí nghiệm: làm tiêu bản thực vật, động vật
- Nhận biết được các cấu tạo và giới hạn một tế bào thực vật, động vật trên mẫu quan sát
- So sánh được sự giống và khác nhau giữa tế bào thực vật với tế bào động vật.
* Tìm hiểu thế giới sống
- Viết, vẽ báo cáo trình bày về kết quả thực hành của nhóm
* Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học
- Làm các tiêu bản tế bào khác để quan sát dưới kính hiển vi.

3. Về phẩm chất: Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
- Chăm học, chịu khó đọc SGK và các tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động thực hiện các hoạt động thực hành quan sát tế bào thực vật.
- Trung thực, báo cáo chính xác, nhận xét khách quan kết quả thực hiện, cẩn thận trong việc sử dụng các dụng cụ thí nghiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Thiết bị thí nghiệm theo hướng dẫn: kính hiển vi, kính lúp, đĩa petri, dao mổ, thìa inox sạch, giấy thấm, lam kính, lam men, ống nhỏ giọt, kim mũi mác, nước cất đựng trong cốc thủy tinh.
- Mẫu vật: củ hành tây, trứng cá

2. Học sinh: Vở ghi, sgk, dụng cụ học tập
- Mẫu vật: mỗi nhóm chuẩn bị củ hành tây, trứng cá

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Chuẩn bị, khởi động, mở bài (5phút)

* Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được nhiệm vụ của nhóm và kiểm tra được thiết bị, dụng cụ, mẫu vật đầy đủ để tiến hành thực hành.

Sản phẩm: Hoàn thành bài tập

1. Sắp xếp lại trình tự các bước làm tiêu bản bằng cách viết số vào ô vuông đầu dòng	
Làm tiêu bản biểu bì vảy hành	**Làm tiêu bản trứng cá**
☐ Đặt lam kính lên bàn kính và quan sát.	☐ Dùng thìa (sạch) lấy một ít trứng cá cho vào đĩa, nhỏ một ít nước vào đĩa
☐ Tách 1 vảy hành → tạo vết cắt hình vuông → lột lấy lớp biểu bì trên cùng	☐ Quan sát tế bào trứng cá bằng mắt thường hay bằng kín lúp.
☐ Nhỏ 1 giọt nước trên lam kính → đặt lớp biểu bì lên giọt nước → đậy lamen → thấm nước thừa	☐ Dùng kim mũi mác khoắng nhẹ để trứng cá rời nhau.
☐Vẽ hình quan sát được	☐ Vẽ hình quan sát được

* Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên yêu cầu các nhóm thực hành (6-8 học sinh) thảo luận nhóm

+ Phân công nhóm trưởng, thư kí….

+ Xác định mục tiêu của nhóm, kiểm tra dụng cụ mẫu vật, cách tiến hành.

2. Hoạt động 2: Tiến hành thực hành (25phút)

* Mục tiêu: HS làm tiêu bản quan sát và phân tích mẫu vật

* Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đưa ra nhiệm vụ cụ thể cho từng nội dung thực hành như: thời gian, yêu cầu cần đạt được.

<table>
<tr><th>Nội dung thực hành</th><th>Thời gian đề xuất</th><th>Yêu cầu cần đạt được</th></tr>
<tr><td>Làm tiêu bản, quan sát tế bào biểu bì hành tây</td><td>10-15 phút</td><td>- Lớp biểu bì được lột mỏng</td></tr>
<tr><td>Quan sát tế bào trứng cá</td><td>5-7 phút</td><td>- Quan sát được hình dạng từng tế bé trứng cá bằng mắt thường hoặc kính lúp
- Xác định được thành phần quan sát được là cấu trúc nào của tế bào</td></tr>
</table>

- GV tổ chức để HS lần lượt tiến hành các nội

</td><td>

1. Làm tiêu bàn, quan sát và vẽ tế bào biểu bì hành tây

+ Bước 1: Dùng dao mỏ tách lấy một vảy hành, sau đỏ tạo một vết cắt hình vuông nhỏ kích thước 7-8 mm ở mặt trong của vảy hành. Sử dụng panh/kim mũi mác lột nhẹ lớp tế bảo trên cùng của vết cắt (lớp tế bào biểu bì).

+ Bước 2: Đặt lớp tế bào này lên lam kinh đã nhỏ sẵn một giọt nước cất rồi đậy lamen lại bằng cách trượt lamen từ một cạnh. Sử dụng giấy thấm để thấm phần nước thừa.

+ Bước 3: Đặt lam kính lên bàn kính của kính hiển vi và quan sát ở vật kính 10x rồi chuyển sang vật kính 40x. (Quan sát tiêu bán bằng kính hiển vi theo các bước đã học ở bài 4 - chương l).

</td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>dung thực hành:
- GV hướng dẫn quy trình các bước làm tiêu bản tế bào vảy hành (video hướng dẫn)
- GV quan sát và hỗ trợ HS, đồng thời nhắc nhở HS đảm bảo về mặt thời gian để hoàn thành toàn bộ nội dung bài thực hành.
- GV cố kiến thức về thành phần tế bào đựa trên việc trình chiếu và phân tích ảnh chụp một tiêu bản quan sát bằng kính hiển vi của một nhóm HS
Các nhóm tiến hành quan sát tế bào trứng cá theo các bước và trả lời phiếu học tập:
<table>
<tr><th>Câu hỏi</th><th>Đáp án</th></tr>
<tr><td>1. Tế bào trứng cá có thể quan sát bằng mắt thường được hay không?
2. Tế bào trứng cá có hình dạng gì?
3.Tế bào trứng cá có kích thước như thế nào?</td><td></td></tr>
</table>
* HS thực hiện nhiệm vụ
- Các nhóm tiến hành làm tiêu bản tế bào vảy hành theo các bước giáo viên đã hướng dẫn
- HS mỗi nhóm luân phiên quan sát hình ảnh tiêu bản tế bào
- HS vẽ hình tế bào quan sát được vào vở
* HS báo cáo kết quả
- Đại diện 1- 2 nhóm lên trình bày kết quả quan sát, các nhóm khác nhận xét.
* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, nhận xét hoàn chỉnh phiếu 1.</td>
<td>2. Quan sát và vẽ tế bào trứng cá
+ Bước 1. Dùng thìa lấy một ít trứng cá cho vào đĩa petri.
+ Bước 2. Nhỏ một ít nước vào đĩa.
+ Bước 3. Dùng kim mũi mác khoắng nhẹ để trứng cá tách rời nhau.
+ Bước 4. Quan sát tế bào trứng cá bằng mắt thường hoặc bằng kính lúp.
+ Bước 5. Vẽ hình tế bào em quan sát được.</td>
</tr>
</table>

3. Hoạt động 3: Thu hoạch (7phút)

* Mục tiêu: HS hoàn thành bài thu hoạch

* Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr>
<td>- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài thu hoạch vào phiếu học tập

- HS đọc nhiệm vụ và hoàn thiện bài thu hoạch
- GV yêu cầu HS thu lại bài thu hoạch
- GV xem và đánh giá bài thu hoạch HS</td>
<td>Phiếu học tập của học sinh
1. HS vẽ hình tế bào biểu bì hành tây, tế bào trứng cá. Hình vẽ có chú thích cụ thể thành phần quan sát được
2. Bảng mô tả hình dạng và các thành phần tế bào quan sát được. HS có thể có đáp án khác phụ thuộc vào kết quả quan sát thực tế.
<table>
<tr><th></th><th>Tế bào</th><th>Tế bào</th></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

	hành tây	**trứng cá**
Thành phần quan sát được	Thành tế bào, nhân tế bào	Màng tế bào, tế bào chất
Thành phần không quan sát được	Màng tế bào, các bào quan	Nhân, các bào quan
Hình vẽ		

3.
a) HS dựa vào kết quả quan sát thực tế để trả lời câu hỏi
b) Đặc điểm để phân biệt tế bào hành tây và tế bào trứng cá là: kích thước, sự có mặt của thành tế bào.

Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố (7phút)

GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập:

Câu 1. Nêu các đặc điểm nhận biết tế bào thực vật và tế bào động vật.

Câu 2. Màng nhân là cấu trúc không thể quan sát thấy ở tế bào của nhóm sinh vật nào?

A. Động vật. B. Thực vật. C. Người. D. Vi khuẩn.

Câu 3. Trứng gà là một ví dụ về tế bào có kích thước lớn. Theo em, lòng đỏ và lòng trắng của trứng gà là thành phần nào trong cấu trúc của tế bào? Vai trò của chúng trong quá trình phát triển của trứng thành gà con là gì?

Gợi ý:

Câu 1. Tế bảo thực vật: có thành tế bào (tế bào thường có hình đa giác, hình chữ nhật; có lục lạp và có thể quan sát thấy một không bào trung tâm có kích thước lớn. Tế bào động vật: không có thành tế bào, bao bên ngoài là màng (tế bào thường có dạng hình tròn hoặc không định hình); không có lục lạp

Câu 2. D

Câu 3. Trứng gà là một tế bào, lòng đỏ và lòng trắng thuộc cấu trúc của tế bào chất. Nếu trứng được thụ tỉnh, phôi nằm ở phần lòng đỏ sẽ phát triển thành gà con nhờ chất dinh dưỡng được cung cấp bởi lòng đỏ (chủ yếu là protein) và lòng trắng (chủ yếu là nước và muối khoáng).

*** Hướng dẫn về nhà: (1phút)**

- Ôn lại các kiến thức đã học trong chương V

Đã duyệt, ngày …. tháng….năm….
TMT

Lê Thị Thanh

Ngày soạn: 15/10/2023
Tiết 8:

ÔN TẬP GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến Thức

Ôn tập kiến thức đã học

2. Năng lực, phẩm chất

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Các ứng dụng trong đời sống và sản xuất

3. Phẩm chất :

- Chăm học, chịu khó.
- Có trách nhiệm trong khi thực hiện nhiệm vụ.
- Trung thực, cẩn thận trong khi làm bài, ghi chép cẩn thận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên:

- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh:

- Vở ghi, sgk, dụng cụ học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn tập trắc nghiệm

1.1 Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào.

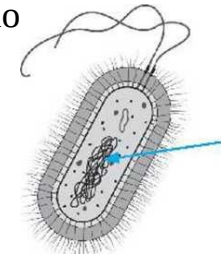

A.Màng tế bào.
B. Chất tế bào.
C.Nhân tế bào.
D. Vùng nhân.

1.2 Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào.

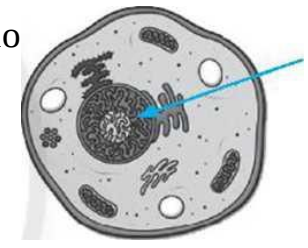

A. Màng tế bào.
B. Chất tế bào.
C. Nhân tế bào.
D. Vùng nhân.

1.3 Đặc điểm của tế bào nhân thực là

A. có thành tế bào. B.có chất tếbào.
c. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền. D. có lục lạp.

1.4 Hoàn thành các yêu cầu sau:

a) Cho biết tế bào là gì.
b) Điền thông tin còn thiếu về tế bào:

(1)... cấu tạo nên tế bào thực hiện các chức năng khác n hau trong tế bào.
(2)... bao bọc xung quanh và bảo vệ tế bào

2. Tự luận

Câu 1. Điên các thông tin còn thiêu vào bảng sau:

Thành phần cấu tạo nên tê bào	Chức năng
	Điếu khiển mọi hoạt động sống của tế bào.
	Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.
	Bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào.
	Bao bọc khói vật chất di truyền.

Câu 2. Quan sát sơ đồ cấu tạo tế bào thực vật và tế bào động vật dưới đây.

Tê bào A Tê bàoB

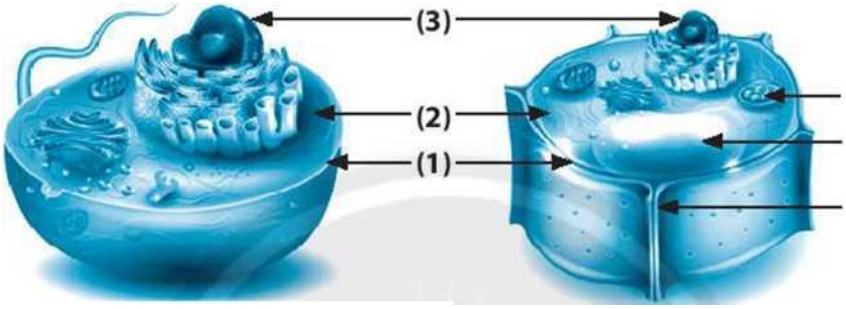

(4) Không bào

Thành tê bào

Gợ/'ý:Thành tế bào tạo thành bộ khung giúp tế bào có hình dạng nhất định, bảo vệ các thành phần bên trong tế bào; Không bào chứa các chất thải, chất dự trữ.

a) Hãy chú thích tên các thành phần cấu tạo của hai tế bào trên và mô tả chức năng của mỗi thành phần.

b) Xác định tên của tế bào A và B.

c) Lập bảng chỉ ra ba điểm khác nhau giữa hai tế bào.

Câu 3. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào là một chuỗi các thay đổi về kích thước, số lượng các thành phần trong tế bào. Ở tế bào nhân thực, sự lớn lên là một giai đoạn chuẩn bị dài, sự sinh sản là quá trình tạo ra tế bào mới.

a.Sự lớn lên của tế bào biểu hiện nhưthế nào?

b. Sự sinh sản làm thay đổi số lượng thành phần nào của tế bào?

c. Một tế bào sau khi sinh sản tạo thành mười sáu tế bào mới. Tế bào đó đã trải qua mấy lần sinh sản?

IV. Dăn dò

Học sinh học bài và ông tập để kiểm tra

Ngày soạn: 22/10/2023
Tiết 9:

ÔN TẬP CHƯƠNG V

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến Thức

Ôn tập kiến thức đã học

2. Năng lực, phẩm chất

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Các ứng dụng trong đời sống và sản xuất

3. Phẩm chất :

- Chăm học, chịu khó.
- Có trách nhiệm trong khi thực hiện nhiệm vụ.
- Trung thực, cẩn thận trong khi làm bài, ghi chép cẩn thận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên:

- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh:

- Vở ghi, sgk, dụng cụ học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hệ thống lại kiến thức

Trò chơi: Ăn khế trả vàng

- Mỗi hs đại diện cho mỗi nhóm sẽ chọn quả khế tương ứng với câu hỏi
- Nhóm trả lời đúng sẽ được điểm cộng, sai thì nhóm khác sẽ giành quyền trả lời

C1. Thế nào là sự lớn lên và sinh sản của tế bào?
C2. Có thể phân loại tế bào như thế nào?
C3. Em hãy nêu cấu tạo của tế bào và chức năng của các thành phần đó?
C4. Em hãy nêu nhận xét về hình dạng và kích thước của tế bào?
C5. Thế nào là tế bào?

2. Bài tập

Bài 1. Cho bảng sau:

Tế bào	Vùng nhân	Nhân	Lục lạp
(1)	Có	Không	Không
(2)	Không	Có	Không
(3)	Không	Có	Có

Hãy cho biết trong các tế bào (1), (2), (3):
Tế bào nào là tế bào động vật?
Tế bào nào là tế bào nhân thực?

Bài 2: Quan sát và so sánh tế bào qua hình vẽ sau:

a) Nêu tên các thành phần cấu tạo nên tế bào được đánh số từ (1) đến (5).

b) Dựa vào đặc điểm cấu trúc nào em xác định tên của tế bào (A), (B), (C).
c) Phân biệt tế bào (B), (C).
d) Trình bày hai chức năng chính của màng tế bào.

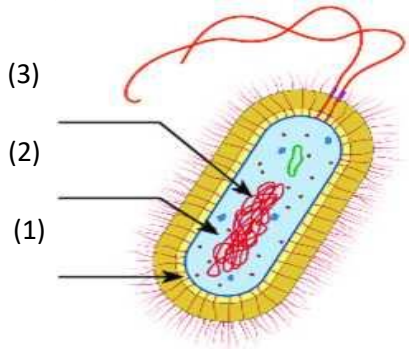

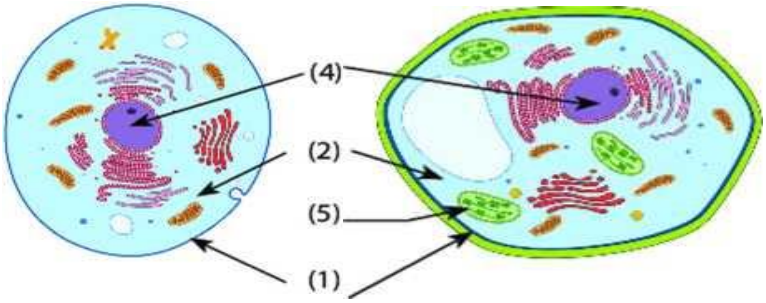

IV. Dăn dò

Học sinh học bài và ông tập để kiểm tra

Đã duyệt, ngày …. tháng….năm….
TMT

Lê Thị Thanh

Ngày soạn: 29/10/2023
Tiết 10-11:

CHƯƠNG 6: TỪ TẾ BÀO TỚI CƠ THỂ
BÀI 22: CƠ THỂ SINH VẬT

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

Cơ thể là cấp tổ chức có khả năng thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản

Cơ thể đơn bào được cấu tạo từ một tế bào

Cơ thể đa bào được cấu tọa từ nhiều tế bào, các tế bào phối hợp với nhau cùng thực hiện các quá trình sống của cơ thể

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học:

+ Học sinh tự tìm hiểu, khám phá thiên nhiên xung quanh

+ Học sinh tìm hiểu thông tin trong sách giáo khoa để hoàn thành nhiệm vụ học tập: hình ảnh giáo viên cung cấp, hình ảnh và thông tin trong sách giáo khoa trang 92; 93.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập (phiếu học tập – phân biệt vật sống và vật không sống).

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến nội dung học tập

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Lấy được ví dụ về các cơ thể sống đơn bào và đa bào

Xác định được các dấu hiệu nhận biết cơ bản của cơ thể sống

3. Phẩm chất:

Chăm học: chịu khó tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa cũng như các thông tin thêm về các cơ thể sống khác nhau.

Có trách nhiệm trong các hoạt động học tập: thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập mà Giáo viên giao phó hoặc thực hiện các hoạt động học tập được phân công khi tham gia hoạt động nhóm.

Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ các loài sinh vật sống quanh mình.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Hình ảnh tranh phóng to các hình SGK

Phiếu học tập :

+ Nhận biết và phân biệt vật sống và vật không sống

+ Phân biệt cơ thể đa bào và cơ thể đơn bào

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

*** Mục tiêu:**

- Giúp học sinh hứng thú hơn trước khi vào bài.
- Xác đinh được nội dung trọng tâm của bài học

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
+ GV yêu cầu HS đọc thể lệ trò chơi + HS đọc thể lệ trò chơi và đăng kí tham gia chơi + GV đọc nội dung các câu hỏi Câu 1: Con gì chân ngắn/ mà lại có màng/ mỏ bẹt màu vàng/ hay kêu cạp cạp? Câu 2: Cái mỏ xinh xinh/ hai chân tí xíu/ lông vàng mát dịu/ "chiếp, chiếp" suốt ngày? Câu 3: con gì ăn cỏ/ đầu có hai sừng/ lỗ mũi buộc thừng/ kéo cày rất giỏi? Câu 4: con gì hai mắt trong veo/ thích nằm sưởi nắng thích trèo cây cau? Câu 5: Cái gì đen khi bạn mua nó, đỏ khi bạn dùng nó và xám xịt khi vứt nó đi? Câu 6: Cắm vào run rẩy toàn thân/ rút ra nước chảy từ chân xuống sàn/ hỡi chàng công tử giàu sang/ cắm vào xin chớ vội vàng rút ra +HS đưa ra các phương án trả lời cho các câu hỏi + HS khác lắng nghe, nhận xét hoặc đưa ra phương án khác nếu có + GV chốt các phương án đúng +GV nối vào bài: Nếu phân loại, em sẽ phân các đối tượng vừa tìm được thành mấy nhóm? Là những nhóm nào? + GV đưa ra một số ví dụ các loài sinh vật: con trâu, con voi, con cá, cây ngô, cây bưởi, trùng biến hình, trùng giày, vi khuẩn….. em thấy các loài SV trên có kích thước và tổ chức cơ thể của khác nhau không? - Từ đó GV đưa ra những câu hỏi nêu vấn đề như: Vậy, thế nào được coi là sinh vật sống? Sinh vật sống có những đặc trưng nào? Cơ thể sinh vật có những đặc điểm gì? Cô trò chúng ta cùng nghiên cứu trong bài học ngày hôm nay.	Câu 1: con vịt Câu 2: con gà con Câu 3: con trâu Câu 4: con mèo Câu 5: hòn than Câu 6: cái tủ lạnh

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về khái niệm cơ thể

*** Mục tiêu:**

HS Nêu được khái niệm cơ thể

HS Trình bày được đặc điểm của một cơ thể sốngvà phân biệt được vật sống với vật không sống

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK và hình ảnh 22.1 trang 75 SGK. - Phát phiếu học tập - HS đọc thông tin trong SGK và quan sát hình ảnh - GV hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành	Cơ thể là một cá thể SV có khả năng thực hiện các quá trình sống cơ bản: cảm

phiếu học tập. - HS thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập. - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: + Cơ thể là gì? + Cơ thể gồm những hoạt động chủ yếu nào? - HS trả lời các câu hỏi - HS khác nhận xét, bổ sung - GV yêu cầu HS đại diện cho các nhóm lên báo cáo kết quả phiếu học tập. - HS báo cáo kết quả phiếu học tập HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức - HS lắng nghe và tự tổng hợp kiến thức vào vở.	ứng, dinh dưỡng, sinh trưởng, sinh sản….

Phiếu học tập: Phân biệt vật sống và vật không sống.

Nội dung	Vật sống	Vật không sống
Ví dụ		
Đặc điểm phân biệt		

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào

*** Mục tiêu:**

Giúp HS Phân biệt được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.

HS Kể được một số đại diện của cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV nêu luật chơi của trò chơi nhanh tay nhanh mắt, GV chia nhóm HS tham gia chơi (2 đội chơi). HS tập hợp thành nhóm, đọc kĩ luật chơi. Trò chơi: "Nhanh tay nhanh mắt": sắp xếp các sinh vật cho sẵn vào 2 nhóm: Sinh vật đơn bào và sinh vật đa bào. Các sinh vật cho sẵn gồm: tảo tiểu cầu, tảo silic, thủy tức, voi, sư tử, sán dây, trùng đế giày, trùng roi xanh, trùng biến hình, cáo, châu chấu, dương xỉ sừng hươu. - HS tham gia trò chơi nhanh tay nhanh mắt - GV đặt câu hỏi: + Dấu hiệu căn bản giúp nhận diện sinh vật đơn bào và sinh vật đa bào là gì? + Chức năng của các tế bào trong cơ thể sinh vật đa bào có đặc điểm gì? - HS suy nghĩ và tìm phương án trả lời cho các câu hỏi. - GV mời nhóm học sinh trình bày kết quả phân chia	- Cơ thể được cấu tạo từ 1 tế bào - Cơ thể đa bào được cấu tạo từ nhiều tế bào, Các tế bào phối hợp với nhau cùng thực hiện các quá trình sống của cơ thể

của nhóm mình - HS trình bày bảng phân chia. - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung - HS tiếp tục trả lời các câu hỏi của GV: + Số lượng tế bào trong cơ thể. + Các tế bào trong cơ thể đa bào có thể được phân chia theo nhóm chức năng khác nhau. - GV chốt kiến thức - HS lắng nghe, hoàn thiện kiến thức vào vở	

3. Hoạt động 3: Luyện tập

*** Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV lựa chọn nhóm chuyên gia để ghi nhận câu trả lời đúng - GV chiếu câu hỏi -HS quan sát tìm câu trả lời và ghi thật nhanh ra giấy - Nhóm chuyên gia sẽghi lại các bạn trả lời đúng Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm Câu 1. Nhận định nào dưới đây **không** đúng khi nói về sinh vật đơn bào? A. Cả cơ thể chỉ cấu tạo gồm 1 tế bào B. Có thể di chuyển được C. Có thể là sinh vật nhân thực hoặc là sinh vật nhân sơ . D. Luôn sống cùng với nhau để hình thành nên tập đoàn. Câu 2. Đâu là sinh vật đơn bào A. Cây chuối B. Trùng kiết lị C. Cây hoa mai D. Con mèo Câu 3. Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở cơ thể đa bào? A. Có thể sinh sản B. Có thể di chuyển C. Có thể cảm ứng D. Có nhiều tế bào trong cùng một cơ thể. Câu 4. Đâu là vật sống? A. Xe hơi B. Hòn đá C. Vi khuẩn lam D. Cán chổi Câu 5. Quá trình sinh vật lấy, biến đổi thức ăn và hấp thụ chất dinh dưỡng được gọi là A. Tiêu hóa B. Hô hấp C. Bài tiết D. Sinh sản - GV đưa ra đáp án chuẩn để HS đối chiếu. - HS đối chiếu đáp án chuẩn với đáp án của bản thân.	Câu 1. D Câu 2. B Câu 3. D Câu 4. C Câu 5. A

4. Hoạt động 4: Vận dụng

*** Mục tiêu:** Giải quyết được một số tình huống thực tế liên quan đến kiến thức của bài học

* **Tổ chức thực hiện:**

- GV Giao nhiệm vụ học tập: Hãy nêu tên các tế bào chuyên hóa đặc biệt có trong cơ thể con người. Giải thích vì sao tế bào hồng cầu trong máu người lại có hình đĩa, lõm hai mặt?
- HS suy nghĩ, tìm các loại tế bào có trong cơ thể người và vẽ hình, liệt kê
- HS thảo luận để tìm câu trả lời cho câu hỏi
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét kết quả hoạt động của học sinh (bản vẽ, câu trả lời) và khẳng định kiến thức.
- HS lắng nghe, ghi nhớ.

Đã duyệt, ngày …. tháng….năm….
TMT

Lê Thị Thanh

Ngày soạn: 12/11/2023
Tiết 12-13:

- BÀI 23: TỔ CHỨC CƠ THỂ ĐA BÀO

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Nêu được mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể
- Nêu được các khái niệm mô cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể và lấy ví dụ.
- Xác định vị trí, tên gọi các cơ quan ở cơ thể người và thực vật
- Giải thích một số hiện tượng thực tế → biết cách chăm sóc và bảo vệ cơ thể.

2. **Năng lực:**

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học:

+ Học sinh tự tìm hiểu thiên nhiên xung quanh và áp dụng lấy các ví dụ vào trong bài học.
+ Học sinh tự tìm hiểu thông tin trong sách giáo khoa để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến nội dung học tập

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Lấy được ví dụ về các cơ thể sống.

Phân tích được mối quan hệ giữa các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.

2. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

Chăm học, có trách nhiệm trong các hoạt động học tập.

Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ các loài sinh vật sống quanh mình.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

Hình ảnh các cơ thể sống khác nhau: gồm cả cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.

Hình ảnh các tế bào thuộc các loại mô khác nhau của cơ thể.

Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: phiếu học tập

+ Phiếu học tập số 1: dựa vào H23.5 và mẫu vật nêu tên và chức năng của 1 số cơ quan của con người

Cơ thể sinh vật	Cơ quan	Chức năng
Con người		

+ Phiếu học tập số 2: dựa vào H23.6 và mẫu vật nêu tên và chức năng của 1 số cơ quan của thực vật

Cơ thể sinh vật	Cơ quan	Chức năng
Thực vật		

+ Phiếu học tập số 3 : Sơ đồ mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức của cơ thể

2. Học sinh

+ mỗi nhóm 1 cây nhỏ đủ các cơ quan: rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt

+ Đọc trước nội dung bài mới

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: khởi động (6 phút)

*** Mục tiêu: -** Giúp học sinh hứng thú hơn trước khi vào bài.

- Xác đinh được nội dung trọng tâm của bài học

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV hướng dẫn học sinh tham gia đoán tên tế bào - HS lắng nghe hướng dẫn của GV và đăng kí tham gia chơi - GV chiếu hình ảnh các loại tế bào - HS quan sát và suy nghĩ phương án trả lời - HS đưa ra các phương án trả lời cho các hình ảnh tương ứng - HS khác lắng nghe, nhận xét hoặc đưa ra phương án khác nếu có - GV chốt các phương án đúng - GV nối vào bài: Vì sao các tế bào lại có hình dạng khác nhau? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.	Tế bào hồng cầu - Tế bào thần kinh - Tế bào cơ Tế bào tinh trùng - Tế bào trứng…

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (60 phút)

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các cấp tổ chức của cơ thể đa bào (15 phút)

*** Mục tiêu:**

HS Nêu được các cấp độ tổ chức của một cơ thể sống.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh các cấp độ tổ chức sống, từ đó nêu tên các cấp độ ấy theo thứ tự từ nhỏ đến lớn. - GV chiếu hình ảnh khác của các cấp độ tổ chức sống và yêu cầu HS quan sát. - HS quan sát hình ảnh và thực hiện nhiệm vụ được giao - GV có thể hướng dẫn, gợi ý cho học sinh. - GV yêu cầu HS trả lời lệnh + HS trả lời các cấp độ tổ chức sống từ thấp đến cao theo gợi ý trên hình ảnh + HS khác nhận xét hoặc nhắc lại kiến thức. - GV yêu cầu HS khác lên nhận diện các cấp độ tổ chức sống dựa vào một số hình ảnh khác mà GV cung cấp. + HS trả lời các cấp độ tổ chức sống theo gợi ý trên hình ảnh + HS khác nhận xét hoặc nhắc lại kiến thức - GV nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức - HS lắng nghe và tự tổng hợp kiến thức vào vở.	**I. Các cấp độ tổ chức của cơ thể đa bào** Cơ thể đa bào được cấu tạo từ nhiều tế bào thực hiện các chức năng khác nhau Các tb phối hợp với nhau qua một số cấp độ tổ chức: Tế bào-> Mô->Cơ quan ->Hệ cơ quan → để tạo thành cơ thể

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu nội dung từ tế bào thành mô (16 phút)

a) Mục tiêu:

Nêu được khái niệm mô

Nêu được tên một số mô trên cơ thể người hoặc cơ thể thực vật, động vật khác.

b) Nội dung:

HS quan sát hình ảnh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên –Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh 23.3 và 23.4 trang 80 sgk và nêu tên các loại mô có trong cơ thể người và cơ thể thực vật. - GV yêu cầu HS nêu khái niệm mô. - HS suy nghĩ và tìm phương án trả lời cho các câu hỏi. - GV mời nhóm học sinh trình bày câu trả lời của mình - HS trình bày câu trả lời: + Mô liên kết + Mô cơ + Mô biểu bì + Mô mạch gỗ, mô mạch rây,… - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có) - GV nhận xét phần trả lời câu hỏi của các HS. - GV chốt kiến thức - HS lắng nghe, hoàn thiện kiến thức vào vở	**II. Từ tế bào tạo thành mô** Mô: là 1 nhóm các tế bào cùng thực hiện 1 chức năng liên kết với nhau - VD + Ở người: mô liên kết, mô mỡ, mô thần kinh, mô biểu bì + Ở thực vật: mô mạch gỗ, mô mạch rây, mô biểu bì

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu nội dung từ mô tạo thành cơ quan (15 phút)

*** Mục tiêu:**

Nêu được mối quan hệ giữa mô và cơ quan.

Nêu được tên một số cơ quan trên cơ thể người hoặc cơ thể thực vật, động vật khác và chức năng của một số cơ quan ấy.

*** Tổ chức thực hiện:**

<table>
<tr><th>Trợ giúp của giáo viên –Hoạt động của học sinh</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>- GV yêu cầu HS:
+ Nhóm 1, 3, 5 quan sát hình ảnh 23.5 sách giáo khoa, thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập số 1.
<table>
<tr><td>Cơ thể sinh vật</td><td>Cơ quan</td><td>Chức năng</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Con người</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td></tr>
</table>
+ Nhóm 2, 4, 6 quan sát hình ảnh 23.6 sách giáo khoa thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập số 2.</td><td>III. Từ mô tạo thành cơ quan
Các mô cùng thực hiện một hoạt động sống nhất định tạo thành cơ quan.
-VD:
+ Một số cơ quan trên cơ thể người: não, tim, gan, ruột,</td></tr>
</table>

Cơ thể sinh vật	Cơ quan	Chức năng
Thực vật		

thận…
+ Một số cơ quan thường trên cơ thể thực vật: thân, rễ, lá, hoa quả, hạt

- HS quan sát hình ảnh
- HS thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập được giao
- GV mời nhóm học sinh trình bày câu trả lời của mình
- HS trình bày câu trả lời:
+ Đại diện nhóm 1 trình bày phiếu học tập số 1
Các nhóm 3,5 lắng nghe, nhận xét
+ Đại diện nhóm 2 trình bày phiếu học tập số 2
Các nhóm 4, 6 lắng nghe, nhận xét.
- GV nhận xét phần trả lời câu hỏi của các nhóm.
- GV chốt kiến thức
- HS lắng nghe, hoàn thiện kiến thức vào vở

Hoạt động 2.4: Tìm hiểu nội dung từ cơ quan tạo thành hệ cơ quan (14 phút)

*** Mục tiêu:**

Nêu được tên các hệ cơ quan trong cơ thể

Nêu được tên các cơ quan cấu tạo nên hệ cơ quan và một số chức năng quan trọng của một vài hệ cơ quan trong cơ thể.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV nêu luật chơi - HS lắng nghe luật chơi và đăng kí tham gia chơi - HS quan sát hình ảnh và tham khảo nội dung bảng phụ phần khởi động. - HS thảo luận và sắp xếp các cơ quan vào nhóm các hệ cơ quan. - GV nhận xét, bổ sung. - GV mời nhóm học sinh trình bày: + các hệ cơ quan gồm những cơ quan nào và chức năng chính của mỗi hệ cơ quan đó? - HS khác lắng nghe, nhận xét (nếu có) - GV nhận xét phần trò chơi của các nhóm và nhận xét kết quả - GV chốt kiến thức; giáo viên có thể giới thiệu thêm về hệ chồi và hệ rễ ở các loài thực vật. - HS lắng nghe, hoàn thiện kiến thức vào vở	**IV. Từ cơ quan tạo thành hệ cơ quan** Nhiều cơ quan cùng phối hợp thực hiện 1 nhiệm vụ nào đó gọi là hệ cơ quan. -VD: trên cơ thể người có hệ: tiêu hóa, vận động, bài tiết, hệ cơ, hệ thần kinh Thực vật có hệ rễ và hệ chồi

3. Hoạt động 3: Luyện tập (8 phút)

*** Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học

b) Nội dung:

Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm:

c) Sản phẩm:

Câu 1. C Câu 2.B

a) Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV hướng dẫn HS sử dụng thiết bị bảng thông minh để tham gia trả lời các câu hỏi. - HS đọc câu hỏi và trả lời: ***Bài 1***: Câu 1. Mô là gì? A. Tập hợp nhiều cơ quan có chức năng giống nhau B. Tập hợp nhiều hệ cơ quan có chức năng giống nhau C. Tập hợp nhiều tế bào có chức năng giống nhau D. Tập hợp toàn bộ các tế bào trong cơ thể Câu 2. Loại mô thực hiện chức năng liên kết, nâng đỡ các cơ quan? A. Mô mỡ B. Mô liên kết B. C. Mô cơ D. Mô biểu bì - Trong quá trình luyện tập của HS, GV trình chiếu lên màn chiếu kết quả của HS - GV đưa ra đáp án chuẩn để HS đối chiếu. - HS đối chiếu đáp án chuẩn với đáp án của bản thân. ***Bài 2*** Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm: Câu 1. Chọn câu trả lời đúng: A. Cơ thể đa bào cấu tạo gồm 1 tế bào B. Cơ thể đa bào cấu tạo gồm nhiều tế bào giống nhau C. Cơ thể đa bào cấu tạo gồm nhiều tế bào khác loại D. Cơ thể đa bào cấu tạo gồm nhiều hệ cơ quan phức tạp Câu 2. Cơ quan, thành phần nào dưới đây không thuộc cấu tạo của hệ tuần hoàn? A. Tim B. Mạch máu C. Máu D. Phổi Câu 3. Ở thực vật, người ta chia cơ thể thành mấy hệ cơ quan chính? A. 1 B. 2 C. 3 D. 4 Câu 4. Hệ cơ quan nào dưới đây thực hiện chức năng thải nước tiểu? A. Hô hấp B. Tuần hoàn C. Bài tiết D. Sinh dục Câu 5. Hệ cơ quan có nhiều cơ quan nhất trong cơ thể là A. Tiêu hóa B. Hô hấp C. Bài tiết D. Sinh sản	Đáp án: ***Bài 1*** Câu 1. C Câu 2. B ***Bài 2:*** Câu 1. C Câu 2. D Câu 3. B Câu 4. C Câu 5. A

4. Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố (5 phút)

***Mục tiêu:** Giải quyết được một số tình huống thực tế liên quan đến kiến thức của bài học

*** Tổ chức thực hiện:**

- GV chia HS làm 2 nhóm, sau đó giao nhiệm vụ chó 2 nhóm:

+ Yêu cầu các nhóm cử 1 bạn lên điền chú thích vào tranh câm H23.2. Đội thắng sẽ được thưởng 1 tràng vỗ tay.

HS chia 2 nhóm, thảo luận, cử 1 bạn đại diện lên làm bài

HS 2 đội nhận xét chéo bài nhau

GV chiếu đáp án đúng.

- GV yeu cầu HS hoàn thành sơ đồ

GV phát phiếu học tập số 3

- GV Giao nhiệm vụ học tập: Hãy hoàn thiện sơ đồ ở phiếu sau để chứng minh "các hệ cơ quan trong cơ thể là một thể thống nhất"

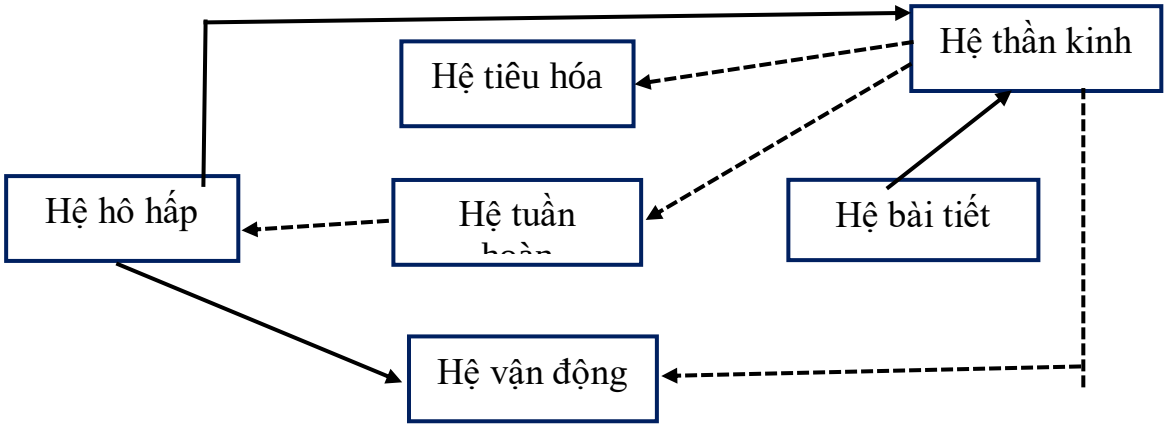

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập
- HS suy nghĩ, hoàn thiện sơ đồ
- GV có thể hỗ trợ học sinh trong quá trình làm bài, thảo luận, vẽ hình.
- GV yêu cầu HS trình bày phần kết quả hoạt động của mình
- HS trình bày bản vẽ; trả lời câu hỏi
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét kết quả hoạt động của học sinh (bản vẽ, câu trả lời) và khẳng định kiến thức.
- HS lắng nghe, ghi nhớ.

- **Hướng dẫn về nhà:**

Ghi nhớ nội dung đã học

Các nhóm chuẩn bị nước ao hồ

Đã duyệt, ngày …. tháng….năm….

TMT

Lê Thị Thanh

Ngày soạn: 19/11/2023
Tiết 14:

BÀI 24: THỰC HÀNH QUAN SÁT VÀ MÔ TẢ CƠ THỂ ĐƠN BÀO, CƠ THỂ ĐA BÀO.

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

HS mô tả và vẽ được hình một cơ thể đơn bào.

HS quan sát và mô tả được cấu tạo cơ thể người.

HS quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cơ thể thực vật.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, mẫu vật để

+ nêu được tên các thiết bị, dụng cụ cần thiết để làm tiêu bản quan sát và quan sát cơ thể đơn bào trong nước ao hồ.

+ trình bày được các bước tiến hành làm tiêu bản và quan sát cơ thể đơn bào.

+ nhận biết được sinh vật đơn bào.

Năng lực giao tiếp và hợp tác:

+ Hoạt động nhóm để làm tiêu bản và quan sát cơ thể đơn bào trong nước ao hồ và hoàn thành vào bảng thu hoạch của nhóm

+ Hoạt động nhóm để quan sát một số cơ quan của cơ thể người và thực vật.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

GQVĐ: Để quan sát được trùng roi chúng ta cần lưu ý gì khi lấy mẫu nước ao hồ? Vì sao?

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Phân biệt cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào.

Mô tả cơ thể đơn bào, cấu tạo cơ thể người, cấu tạo cơ thể thực vật.

Thực hiện được thí nghiệm để quan sát cơ thể đơn bào.

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

Chăm học chịu khó tìm tòi tài liệu thực hiện nhiệm vụ cá nhân để

Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ tiến hành làm tiêu bản và quan sát cơ thể đơn bào, quan sát cấu tạo cơ thể người và thực vật.

Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm làm tiêu bản và quan sát cơ thể đơn bào.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Hình ảnh: một số cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào, một số hệ cơ quan của cơ thể người, một số hình ảnh về thực vật.

Bảng phụ trò chơi "ai nhanh hơn"

Phiếu thu hoạc của nhóm.

Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh:

+ Dụng cụ: Lam kính, lamen, cốc đong, kính hiển vi, ống nhỏ giọt, giấy thấm, thìa thủy tinh.

+ Mẫu vật: Nước ao hồ, nước ngâm rơm hoặc cỏ, một số cây (Hs có thể tự chuẩn bị)

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là thực hành quan sát cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào. (3')

*** Mục tiêu:** Giúp học sinh biết được nội dung tìm hiểu là thực hành quan sát cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào.

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV tổ chức cho Học sinh tham gia trò chơi "Ai nhanh hơn" - GV: thông báo luật chơi. GV: Chiếu hình các sinh vật cho các nhóm thảo luận và hoàn thành bảng phụ trong 3p - HS: 1 nhóm cử đại diện lên hoàn thành bảng phụ trên bảng cùng các nhóm. Dưới lớp các nhóm làm ra bảng phụ - GV yêu cầu học sinh đổi bảng phụ giữa các nhóm để chấm - GV: chiếu bảng phụ, học sinh quan sát và hoàn thành đáp án đúng vào bảng phụ. - GV: cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào trên thực tế có sự khác nhau như thế nào về cấu tạo và tổ chức cơ thể ? Điều này chúng ta cùng tìm hiểu ở bài 24: Thực hành quan sát và mô tả cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào.	

Cơ thể đơn bào	**Cơ thể đa bào**
Trùng biến hình, tảo lục, phẩy khuẩn tả gây bệnh tả, vi khuẩn HP, trùng roi, trùng giày, vi khuẩn gây bệnh uốn ván.	Cây xanh, em bé, con thỏ, con gà.

2. Hoạt động 2: Thực hành.

Hoạt động 2.1: Thực hành quan sát và mô tả cơ thể đơn bào.

*** Mục tiêu:**

HS làm được tiêu bản để quan sát cơ thể đơn bào.

HS sử dụng được kính hiển vi để quan sát cơ thể đơn bào.

- HS nhận biết được cơ thể đơn bào đang quan sát.

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV trợ giúp HS kiểm tra lại thiết bị, dụng cụ và mẫu vật của nhóm mình. - GV: Bổ xung thêm dụng cụ và mẫu vật thiếu của các nhóm(Nếu có nhóm thiếu) - GV yêu cầu HS nêu ba nội dung chủ yếu của tiết thực	-Cách làm tiêu bản và

hành: HS xác định được trong tâm là làm tiêu bản và mô tả ít nhất 2 sinh vật đơn bào -GV chiếu 4 bốn bước thực hành và yêu cầu HS đọc SGK sắp sếp trình tự làm tiêu bản và quan sát cơ thể đơn bào theo thứ tự: 1. Dùng ống nhỏ giọt hút một giọt nước trong cốc nhỏ lên lam kính rồi nhẹ nhàng đậy lamen lại 2: Dùng thìa quấy đều nước ao (hồ) trong cốc 3.Quan sát tiêu bản bằng ính hiển vi ở vật kính: 10x và 40x 4.: Dùng giấy thấm hút nước tràn ra ngoài lamen. - HS nêu được trình tự: 2-1-4-3. -GV: nêu có 4 bước để làm làm tiêu bản và quan sát cơ thể đa bào trong nước ao HS tiến hành làm tiêu bản: GV trợ giúp các nhóm có thao tác chưa chuẩn trong lấy mẫu vật, đặt lamen,(Nhắc học sinh chú ý không để có bọt khí trong lamen) -HS quan sát cơ thể đơn bào bằng kính hiển vi với các vật kính 10x và 40x. -GV trợ giúp HS: lấy ánh sáng,chỉnh tiêu cự… -GV yêu cầu các nhóm vừa quan sát vừa thảo luân và nhận xét xem đã quan sát được những cơ thể đơn bào nào GV gợi ý cho HS quan sát hình 22.4 để trả lời câu hỏi 2: cơ thể đơn bào có khả năng quang hợp và dấu hiệu nhận biết?	quan sát: SGK trang83 -Ghi tên sinh vật quan sát được vào bảng thu hoạch -Vẽ mô tả 2 sinh vật đơn bào

Hoạt động 2.2: Thực hành quan sát và mô tả cấu tạo cơ thể người.

*** Mục tiêu:**

HS nêu được các hệ cơ quan trong cơ thể người.

HS trình bày được các cơ quan trong hệ tiêu hóa, tuần hoàn, thần kinh và vị trí của chúng trên cơ thể.

*** Tổ chức thực hiện:**

<table>
<tr><th>Hướng dẫn/Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>- Giao nhiệm vụ học tập:
Hoạt động nhóm (Chia cả lớp thành 4-6 nhóm): Yêu cầu các nhóm tiến hành thực hành tìm hiểu các hệ cơ quan trong cơ thể người theo các bước sau:
+ Bước 1: Quan sát, nghiên cứu tranh, về các hệ cơ quan trong cơ thể người + mô hình cơ thể người tìm ra những kiến thức cần thiết ghi vào phiếu học tập số 2. (5p)
+ Bước 2: xem video ghi nhớ thông tin mà video cung cấp và hoàn thiện phiếu học tập số 2.(8p)
+ Bước 2: Gv mở video
Sau khi video kết thúc gv nhắc nhở hs thời gian còn lại để ghi thông tin tìm hiểu được vào phiếu học tập, có thể</td><td>Phiếu học tập của nhóm đã tự hoàn thiện
<table>
<tr><th>Đặc điểm
Hệ cơ quan</th><th>Các cơ quan cấu tạo</th><th>Vị trí trên cơ thể</th></tr>
<tr><td>Hệ tiêu hóa</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Hệ</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

thảo luận nhóm và xem lại tranh ảnh, mô hình để hoàn thành phiếu học tập của nhóm. - Hết thời gian thực hành gv yêu cầu các nhóm thu gọn tranh ảnh và mô hình của nhóm và chuyển sang phần thu hoạch	tuần hoàn		
	Hệ hô hấp		
	Hệ thần kinh		

- Hoàn thành bài thu hoạch của nhóm:

Đặc điểm / Hệ cơ quan	Các cơ quan cấu tạo	Vị trí trên cơ thể
Hệ tiêu hóa	Miệng, thực quản, dạ dày, ruột, gan, tụy, hậu môn	Nằm trong khoang bụng
Hệ tuần hoàn	Tim và mạch máu	Tim: Nằm trong khoang ngực Mạch máu ở khắp mọi nơi trong cơ thể
Hệ hô hấp	Mũi, khí quản, phế quản và phổi	Khí quản nằm ở cổ và khoang ngực trên; phế quản và phổi nằm trong khoang ngực
Hệ thần kinh	Não, tủy sống, dây thần kinh	Não: Nằm ở phần đầu Tủy sống: Nằm trong xương cột sống Dây thần kinh: Phân bố khắp cơ thể.

Giao nhiệm vụ học tập:

+ GV: Yêu cầu HS quan sát tranh và băng hình để hoàn thành nội dung số 2 trong bảng thu hoạch nhóm

+ GV: Yêu cầu HS vận dụng kiến thức xác định các cơ quan trong cơ thể người trên mô hình.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS quan sát tranh và băng hình hoàn thành bản nội dung số 2 trong bảng thu hoạch nhóm

+ HS xác định các cơ quan trong cơ thể người trên mô hình.

- Báo cáo thảo luận: GV yêu cầu 1- 2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét bổ sung.

- GV: Nhận xét và chốt lại kiến thức trên mô hình.

Hoạt động 2.3: Thực hành quan sát và mô tả cấu tạo cơ thực vật.

*** Mục tiêu:**

HS nêu được các cơ quan trong cơ thể thực vật.

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: Hoạt động nhóm (Chia cả lớp thành 4-6 nhóm): Yêu cầu các nhóm tiến hành thực hành tìm hiểu các cơ quan của thể thực vật. - GV yêu cầu HS mang mẫu vật để lên bàn để kiểm tra sự chuẩn	HS điền vào phiếu bài tập Tên cây | Cơ quan

bị của các nhóm - HS để mẫu vật , tranh ảnh lên bàn theo nhóm - Gv hướng dẫn học sinh quan sát từng bộ phận của từng mẫu vật mà HS mang đến + Lá: màu sắc, kích thước,… + Hoa : màu sắc,…. + Thân: kích thước, màu sắc,… + Rễ: màu sắc + Quả: ăn được hay không ăn được, màu sắc, lúc nhỏ có màu gì, khi chin có màu gì,…. - Hs quan sát theo gợi ý của giáo viên để hoàn thành phiếu học tập của nhóm - Gv đi đến các nhóm đôn đốc hướng dẫn Hs quan sát, hoàn thành phiếu học tập.		quan sát được		
		Rễ		
		Thân		
		lá		
		oa		
		Quả		

3. Hoạt động 3: Thu hoạch- Luyện tập.

*** Mục tiêu:** Hệ thống được kiến thức qs được trong bài thực hành.

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/ Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
+ GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung đã làm trong bài thực hành. + GV yêu cầu các nhóm hoàn thiện và nộp bài thu hoạch nhóm. + GV yêu cầu các nhóm vệ sinh và sắp xếp lại đồ dùng củ nhóm. - Kết luận: GV nhận xét phần thực hành của các nhóm.	Bài thu hoạch

4. Hoạt động 4: Vận dụng

*** Mục tiêu:** Phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

*** Tổ chức thực hiện:** Đưa vấn đề yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời. Câu trả lời cho câu hỏi: Để quan sát được trùng roi chúng ta cần lưu ý gì khi lấy mẫu nước ao hồ? Vì sao?

Đã duyệt, ngày …. tháng….năm….

TMT

Lê Thị Thanh

Ngày soạn: 26/11/2023
Tiết 15:

ÔN TẬP CHƯƠNG VI

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến Thức

Ôn tập kiến thức đã học

2. Năng lực, phẩm chất

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Các ứng dụng trong đời sống và sản xuất

3. Phẩm chất :

- Chăm học, chịu khó.
- Có trách nhiệm trong khi thực hiện nhiệm vụ.
- Trung thực, cẩn thận trong khi làm bài, ghi chép cẩn thận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên:

- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh:

- Vở ghi, sgk, dụng cụ học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hệ thống lại kiến thức

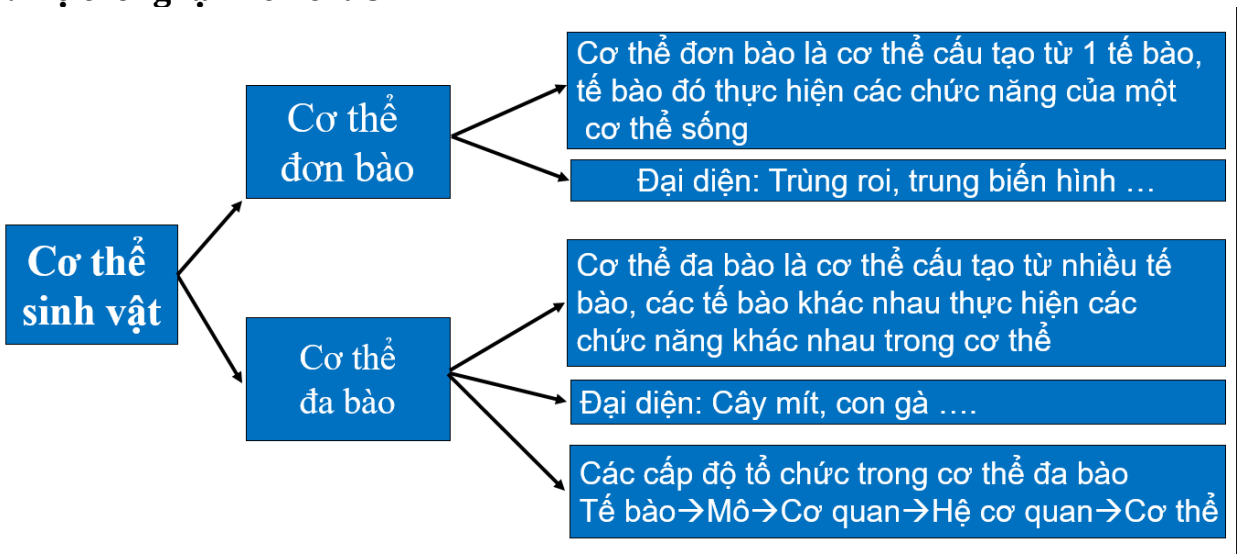

2. Bài tập tự luận

Câu 1: Mô là gì? Hãy kể các mô động vật

Câu 2: Cơ quan là gì? Hãy kể tên các cơ quan của thực vật

Câu 3: Nêu tên cấp độ tổ chức tương ứng với mỗi cấu trúc đã cho trong bảng và tên của cấp độ tổ chức liền kề cao hơn nó trong thứ tự tổ chức cơ thể

Cấu trúc				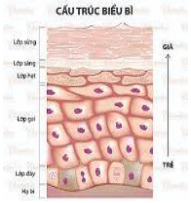
Tên cấp độ tổ chức				
Tên cấp độ tổ chức liền kề cao				

Câu 4: Lấy ví dụ về tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể động vật, thực vật mà em biết theo gợi ý trong bảng

Cấu trúc	Động vật	Thực vật
Tế bào		
Mô		
Cơ quan		
Hệ cơ quan		

Câu 5: Điền số thích hợp vào các ô trống sau để chỉ các cơ quan trong hệ tiêu hóa của cơ thể người

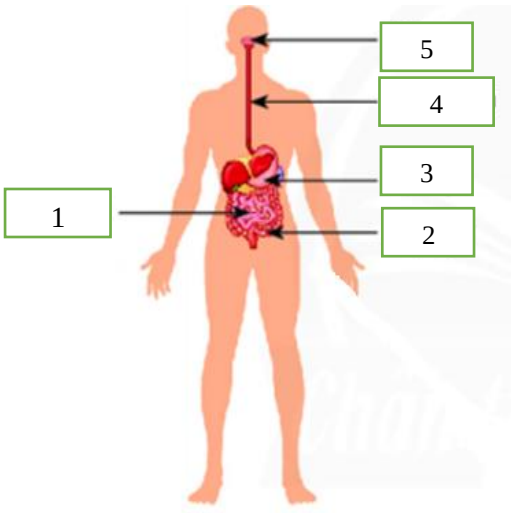

Hệ tiêu hoá

IV. Hướng dẫn học ở nhà

- Học bài, làm bài tập 1,2,3,4 SGK
- Chuẩn bị bài 21 thực hành

Ngày soạn: 26/11/2023
Tiết 16:

BÀI 25: HỆ THỐNG PHÂN LOẠI SINH VẬT

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học bài này, học sinh sẽ:

Phân biệt được các đơn vị phân loại sinh vật.

Nêu được hai cách gọi tên sinh vật: tên địa phương và tên khoa học

Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.

Nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: Tim kiếm thông tin, đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về việc phân loại thế giới sống. Nhận biết được năm giới sinh vật: Khởi sinh, Nguyên sinh vật, Nấm, Thực vật, Động vật. Phân biệt được các đơn vị phân loại sinh vật.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để trả lời được các câu hỏi khó: "Trên thế giới có hàng triệu loài sinh vật khácn nhau. Vậy các nhà khoa học phân loại như thế nào?", "Dựa vào đâu để xếp các loài sinh vật vào các giới khác nhau?"

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên:

- Kể tên được các đơn vị phân loại sinh vật theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

Biết được hai cách gọi tên sinh vật: tên địa phương và tên khoa học.

Nhận biết được Sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.

Kể tên được năm giới sinh vật: Khởi sinh, Nguyên sinh vật, Nấm, Thực vật, Động vật.

- Giải thích được câu hỏi: "Trên thế giới có hàng triệu loài sinh vật khácn nhau. Vậy các nhà khoa học phân loại như thế nào?", "Dựa vào đâu để xếp các loài sinh vật vào các giới khác nhau?"

- HS trả vận dụng kiến thức trả lời được các câu hỏi liên hệ thực tế: Các nhà khoa học đã phân loại sinh vật thành các đơn vị phân loại khác nhau nào? ", "Em hãy sắp xếp các loài trong hình sau vào các giới Nấm, giới Động vật, Giới thực vật sao cho phù hợp. Nêu lí do vì sao em sắp xếp như vậy?", "Thỏ thuộc giới sinh vật nào?"

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:.

Chăm học: thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ học tập. chăm chỉ, chịu khó tìm hiểu về bài học và tìm tòi các tài liệu liên quan đến bài học.

Có trách nhiệm trong công việc được phân công, phối hợp với các thành viên khác trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm tìm hiểu về phân loại sinh vật.

Trung thực, cẩn thận trong : làm bài tập trong vở bài tập và ghi chép bài cẩn thận.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Hình ảnh : Hình 25.1: Một số loài sinh vật.

Hình 25.2:Sơ đồ các đơn vị phân loại sinh vật.

Hình 25.3:Loài ong mật châu Á

Hình 25.4:Sơ đồ hệ thống phân loại năm giới

Hình 25.5: Một số loài sinh vật

Một số hình ảnh khác:Hình ảnh một số loài sinh vật, hình ảnh đồ dùng học tập, hình ảnh giá sách gọn gàng, hình ảnh phân nhóm các động vật…

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là: Hệ thống phân loại sinh vật

*** Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được bài học hôm nay học về hệ thống phân loại sinh vật.

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/ Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV giao nhiệm vụ: GV chiếu hình ảnh hiệu sách, hình ảnh các sinh vật trong thiên nhiên và hình ảnh đồ dùng học tập ,yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Khi vào một hiệu sách lớn, em có dễ dàng tìm được quyển sách mình cần không? Vì sao? Em hãy sắp xếp sách vở và đồ dùng học tập thành từng nhóm dựa vào đặc điểm chung giữa chúng. Phân loại đó giúp ích gì cho em? Để dễ dàng tìm ra một loài sinh vật trong vô số các loài sinh vật trong tự nhiên, các nhà khoa học đã phân loại thế giới sống như thế nào? HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV giao: thảo luận, trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời. Cử đại diện trả lời câu hỏi. HS báo cáo thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên đại diện một nhóm trả lời câu hỏi. các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến. - GV kết luận bằng lời: để dễ dàng tìm ra một loài sinh vật trong vô số các loài sinh vật trong tự nhiên, các nhà khoa học đã phân loại thế giới sống như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu bài " Hệ thống phân loại sinh vật".	Học sinh sẽ nhận ra được bài học hôm nay học về hệ thống phân loại sinh vật.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống

***Mục tiêu:**

- Học sinh nêu được khái niệm về phân loại sinh học.

Học sinh Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/ Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Giáo viên giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin sách giáo khoa(SGK) kết hợp quan sát hình ảnh trên màn hình về các nhóm	- Phân loại sinh học là sự sắp xếp các đối tượng sinh vật có những đặc điểm chung vào

động vật và Hình 25.1-SGK/87, trao đổi nhóm trả lời câu hỏi: + Thế nào là phân loại sinh học? + Việc phân loại thế giới sống có ý nghĩa gì? - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên, thảo luận nhóm tìm câu trả lời, cử đại diện trả lời. - HS báo cáo thảo luận: Các nhóm đã tìm được câu trả lời, cử đại diện trả lời . Giáo viên gọi một nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến. - GV nhận xét và chiếu đáp án.	từng nhóm, theo thứ tự nhất định. - Phân loại sinh học giúp xác định được vị trí của các loài sinh vật trong thế giới sống và tìm ra chúng giữa các nhóm sinh vật dễ dàng hơn

Hoạt động 2.2: Hệ thống phân loại sinh vật

***Mục tiêu:**

- Học sinh phân biệt được các đơn vị phân loại sinh vật

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/ Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Giáo viên giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin sách giáo khoa(SGK) kết hợp quan sát hình ảnh trên màn hình về các nhóm động vật và Hình 25.1-SGK/87, trao đổi nhóm trả lời câu hỏi: + Trên thế giới có hàng triệu loài sinh vật khác nhau, các nhà khoa học dựa vào những tiêu chí nào để phân loại các loài sinh vật? + Các nhà khoa học phân loại sinh vật thành các đơn vị phân loại nào? + Có mấy các gọi tên sinh vật? - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên, thảo luận nhóm tìm câu trả lời, cử đại diện trả lời. - HS báo cáo thảo luận: Các nhóm đã tìm được câu trả lời, cử đại diện trả lời . Giáo viên gọi một nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến. - GV nhận xét và chiếu đáp án.	- Các nhà khoa học đã dựa vào các tiêu chí để phân loại sinh vật như: đặc điểm tế bào, mức độ tổ chức cơ thể, môi trường sống, kiểu dinh dưỡng… - Thế giới sinh vật được phân chia thành các đơn vị phân loại theo thứ tự từ lớn đến nhỏ: giới, ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài. về hệ thống phân loại sinh vật.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về Giới và hệ thống phân loại năm giới

*** Mục tiêu:**

Học sinh nhận biết được sinh vật chia thành năm giới sinh vật: Khởi sinh, Nguyên sinh vật, Nấm, Thực vật, Động vật. và lấy được VD minh họa

b) Nội dung:

Học sinh quan sát Hình 25.4 – SGK/88, trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi:

Giới sinh vật là gì?

Hãy cho biết sinh vật được chia thành mấy giới? Kể tên các giới.

c) Sản phẩm:

- Giới là bậc phân loại cao nhất, bao gồm các nhóm sinh vật có chung những đặc điểm nhất định.

- Sinh vật được chia thành năm giới:giới khởi sinh, giới nguyên sinh vật, giới nấm, giới thực vật và giới động vật.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh quan sát Hình 25.4 – SGK/88, trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi:

Giới sinh vật là gì?

Hãy cho biết sinh vật được chia thành mấy giới? Kể tên các giới.

- HS thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu, thảo luận nhóm để tìm ra câu trả lời. Cử đại diện trả lời.

- HS báo cáo thảo luận: Các nhóm đã tìm được câu trả lời, cử đại diện trả lời . Giáo viên gọi một nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét và kết luận bằng slide kết hợp ghi tóm tắt trên bảng.

Hoạt động 2.3:Tìm hiểu về giới và hệ thống phân loại 5 giới

*** Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được sinh vật chia thành năm giới sinh vật: Khởi sinh, Nguyên sinh vật, Nấm, Thực vật, Động vật.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh quan sát Hình 25.4 – SGK/88, trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi: Giới sinh vật là gì? Hãy cho biết sinh vật được chia thành mấy giới? Kể tên các giới. - HS thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu, thảo luận nhóm để tìm ra câu trả lời. Cử đại diện trả lời. - HS báo cáo thảo luận: Các nhóm đã tìm được câu trả lời, cử đại diện trả lời . Giáo viên gọi một nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trong vòng 3 phút để hoàn thành yêu cầu số 1 trong PHT: - HS thảo luận nhóm, đại diện nhóm phát biểu câu trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét và chốt đáp án đúng. Đưa ra chốt kiến thức về đặc điểm riêng của từng giới. - GV yêu cầu HS dựa vào đặc điểm của từng giới thảo luận nhóm trong 2 phút lấy ví dụ về các giới. -HS thảo luận nhóm, đại diện các nhóm trình bày và GV nhận xét. Chốt kiến thức. **Phiếu học tập** *1. Điền các từ sau: **"Khởi sinh, Nấm, Động vật, Nguyên sinh, Thực vật"** vào hình ảnh mà em cho là phù hợp với các đặc điểm của chúng.*	**III. 5 giới và hệ thống phân loại 5 giới.** - Giới là bậc phân loại cao nhất, bao gồm các nhóm sinh vật có chung những đặc điểm nhất định. - Sinh vật được chia thành năm giới: giới khởi sinh, giới nguyên sinh vật, giới nấm, giới thực vật và giới động vật.

a)..... b)..... c).....

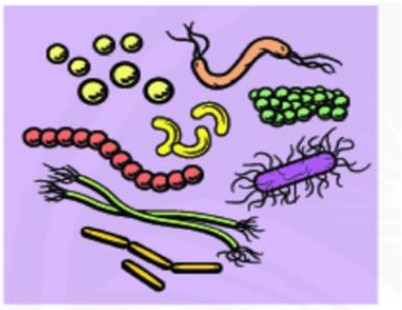

d)..... e).....

2. Cho hoàn thành bảng sau

Giới	**Ví dụ**
Thực vật	
Động vật	
Nấm	
Nguyên sinh	
Khởi sinh	

3. Hoạt động 3: Luyện tập

*** Mục tiêu:** củng cố kiến thức về giới và hệ thống phân loại năm giới.

*** Tổ chức thực hiện:**

Hướng dẫn/ Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
GV giao nhiệm vụ: yêu cầu học sinh mỗi cá nhân quan sát Hình 25.5 – SGK/89 và trả lời câu hỏi: Em hãy sắp xếp các loài trong Hình 25.5 – SGK/89 vào các giới Nấm, giới Động vật, Giới thực vật sao cho phù hợp. Nêu lí do vì sao em sắp xếp như vậy? Dựa vào đặc điểm nào của các loài sinh vật để xếp các loài sinh vật vào các giới khác nhau? HS thực hiện nhiệm vụ: mỗi cá nhân sẽ quan sát Hình 25.5 – SGK/89 kết hợp với kiến thức đã biết để tìm câu trả lời. Báo cáo kết quả: GV gọi ngẫu nhiên 1 học sinh báo cáo kết quả, các HS khác sẽ nhận xét và bổ sung ý kiến.	- Sắp xếp các loài trong hình vào các giới: Giới Nấm: B. Giới Động vật: D,E,G . Giới thực vật: A,C. - Dựa vào đặc điểm (tiêu chí) để xếp các loài sinh vật vào các giới: đặc điểm tế bào, mức độ tổ chức cơ thể, môi trường sống, kiểu dinh dưỡng…

4. Vận dụng

a) Mục tiêu:

Học sinh hệ thống được kiến thức về phân loại sinh vật.

a) Nội dung:

Vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Học sinh làm việc nhóm: Trao đổi nhóm chọn đáp án đúng cho câu hỏi:

1. Các nhà khoa học đã phân loại sinh vật thành các đơn vị phân loại khác nhau từ lớn đến nhỏ, lần lượt là:

a. Giới, lớp, bộ, họ, chi, loài , ngành.

b. Giới, ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài.

c. Giới, ngành, bộ, họ, lớp, chi, loài.

d. Ngành, bộ, họ, lớp, chi, loài, giới.

2. Em hãy cho biết thỏ thuộc giới sinh vật nào?

a. Giới Nấm.

b. Giới Thực vật.

c. Giới Động vật.

d. Giới Nguyên sinh vật.

e. Giới Khởi sinh.

- Đọc " Em có biết?"
- Vẽ sơ đồ tư duy tổng quát bài học

b) Sản phẩm:

Các nhà khoa học đã phân loại sinh vật thành các đơn vị phân loại khác nhau từ lớn đến nhỏ, lần lượt là: Giới, ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài.

Trong năm giới sinh vật, thỏ thuộc giới sinh vật: Giới Động vật.

Ngoài hệ thống phân loại năm giới, hiện có một số nhà khoa học đưa ra hệ thống phân loại sinh vật gồm ba lãnh giới: vi sinh vật cổ, vi khuẩn và lãnh giới thứ ba gồm các sinh vật nhân thực.

Vẽ sơ đồ tư duy

d) Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ:

+ Giáo viên chiếu câu hỏi trên slide, yêu cầu học sinh làm việc nhóm: Trao đổi nhóm chọn đáp án đúng cho câu hỏi:

1. Các nhà khoa học đã phân loại sinh vật thành các đơn vị phân loại khác nhau từ lớn đến nhỏ, lần lượt là:

a. Giới, lớp, bộ, họ, chi, loài , ngành.

b. Giới, ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài.

c. Giới, ngành, bộ, họ, lớp, chi, loài.

d. Ngành, bộ, họ, lớp, chi, loài, giới.

2. Em hãy cho biết thỏ thuộc giới sinh vật nào?

a. Giới Nấm.

b. Giới Thực vật.

c. Giới Động vật.

d. Giới Nguyên sinh vật.

e. Giới Khởi sinh.

+ Đọc phần " Em có biết" để hiểu thêm về các cách phân loại sinh vật.

+ Tóm tắt kiến thức bài học bằng sơ đồ tư duy.

Học sinh thực hiện nhiệm vụ : Trao đổi nhóm để thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu.

Học sinh báo cáo kết quả: GV gọi ngẫu nhiên 3 học sinh báo cáo kết quả, các HS khác sẽ nhận xét và bổ sung ý kiến.

GV nhận xét và chiếu đáp án.

+ Các nhà khoa học đã phân loại sinh vật thành các đơn vị phân loại khác nhau từ lớn đến nhỏ, lần lượt là: b. Giới, ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài.

+ Trong năm giới sinh vật, thỏ thuộc giới sinh vật: c. Giới Động vật.

+ GV nhấn mạnh bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.

Đã duyệt, ngày …. tháng….năm….
TMT

Lê Thị Thanh

Ngày soạn: 03/12/2023
Tiết 17:

BÀI 26: KHÓA LƯỠNG PHÂN

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

- Trình bày được khóa lưỡng phân là gì nguyên tắc xây dựng khóa lưỡng phân.
- HS biết các bước xây dựng khóa lưỡng phân.

2. Về năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh để tìm hiểu về khóa lưỡng phân.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để xây dựng khóa lưỡng phân.
- Năng lực nhận thức sinh học: phát biểu được định nghĩa khóa lưỡng phân; Mô tả được các bước xây dựng khóa lưỡng phân

3. Về phẩm chất:

- Cẩn thận trong sự quan sát các đặc điểm cấu tạo của sinh vật để phân loại, xây dựng khóa lưỡng phân.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. **Giáo viên:**

- Chuẩn bị đoạn video, hình ảnh về một số một khu vườn hoặc khu rừng với nhiều loài động vật, thực vật khác nhau.
- Chuẩn bị hình ảnh về nột số động vật, ảnh về một số thực vật.
- Chuẩn bị thiết bị chiếu tranh ảnh.

2. **Học sinh:**

- Tìm hiểu kiến thức về một số loài động vật: lươn, cá rô, chuồn chuồn, cua, khỉ, chim, rùa…

III. Tiến trình dạy học:

Hoạt động 1: Xác định vấn đề kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu. (10P)

*** Mục tiêu:**

Học sinh xác định được nội dung khóa lưỡng phân là gì và xý nghĩa của việc xây dựng khóa lưỡng phân

* Tổ chức hoạt động

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Kiểm tra bài cũ: + Em hãy vẽ sơ đồ các đơn vị phân loại. Lấy ví dụ minh họa. + Kể tên 5 giới sinh vật trong tự nhiên. - Đại diện HS trả lời. - Khởi động bài mới: GV cho hs xem đoạn video chiếu về các loài sinh vật trong tự nhiên. Đặt ra yêu cầu cho hs: Em nhận ra những loài sinh vật nào trong đoạn video trên, làm thế nào mà em có thể phân biệt được chúng. - Học sinh quan sát, hoạt động thảo luận theo nhóm nhỏ để đưa ra câu trả lời. - Gv gọi đại diện 1; 2 nhóm trả lời.	

- Sau khi hs trả lời giáo viên dẫn dắt vào bài học.	

Hoạt động 2.1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu khóa lưỡng phân là gì. (10'P)

*** Mục tiêu**:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để xây dựng khóa lưỡng phân.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Để giúp hs hình thành khái niệm khóa lưỡng phân, Gv đi từ những khái niệm đơn giản: + GV chiếu tranh ảnh một số đồ vật (VD: quần áo, mũ, trang phục, đồ dùng học tập) sau đó yêu cầu hs phân loại thành 2 nhóm. - Cho HS hoạt động cá nhân để thực hiện yêu cầu trên. - Hs tự làm việc cá nhân trong 2p - GV gọi hs trình bày về phân loại của nhóm mình, cho biết lí do vì sao phân loại 2 nhóm đó. - HS trình bày theo gợi ý của GV. - Sau khi HS phân thành 2 nhóm, trong mỗi nhóm nhỏ, Gv yêu cầu hs tiếp tục phân thành 2 nhóm nhỏ, cho biết dựa vào đâu để phân loại. - HS tiếp tục phân loại. - GV hướng dẫn hs biểu diễn cách phân loại đó qua sơ đồ. - Qua VD trên Gv dẫn dắt: Trong sinh học, các nhà khoa học cũng dùng cách phân loại như vậy để phân loại. - GV chiếu tranh ảnh một số loài động vật dễ phân loại và yêu cầu hs phân thành 2 nhóm, sau đó từ mỗi nhóm nhỏ đó lại phân thành 2 nhóm nhỏ tiếp, biểu diễn qua sơ đồ. - HS hoạt động nhóm trong vòng 2p. - GV yêu cầu hs đại diện của 2 nhóm lên bảng trình bày kết quả của mình. - Đại diện 2 nhóm lên trình bày, các nhóm khác có thể nhận xét, cho ý kiến. - Sau ý kiến phát biểu của các nhóm, GV dẫn dắt để giúp hs hình thành khái niệm khóa lưỡng phân. - HS tự rút ra khái niệm và ghi lại nội dung vào vở.	**I. KHÓA LƯỠNG PHÂN LÀ GÌ?** - Nguyễn tắc xây dựng khóa lưỡng phân là từ một tập hợp các đối tượng ban đầu được tách thành 2 nhóm có những đặc điểm đối lập nhau. - Sau mỗi lần tách, ta được 2 nhóm nhỏ hơn và khác nhau bởi các đắc điểm dùng để tách.

Hoạt động 2.2: Hướng dẫn học sinh xây dựng khóa lưỡng phân. (10P)

* Mục tiêu:

- Năng lực nhận thức sinh học: Mô tả được các bước xây dựng khóa lưỡng phân

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Qua 2 ví dụ đã làm ở phần hoạt động 1, Gv cho hs hoạt động đôi (theo cặp) để nêu ra các bước	**II. XÂY DỰNG KHÓA LƯỠNG PHÂN :**

xây dựng khóa lưỡng phân. - Hs thảo luận theo cặp đôi trong 2p. - GV gọi đại diện 1 đến 2 nhóm trình bày kết quả. - Đại diện hs trình bày các bước, những nhóm khác nhận xét.	Các bước xây dựng khóa lưỡng phân: - Bước 1: Lựa chọn đặc điểm để phân loại thành 2 nhóm. Tiếp tục cách làm như vậy ở từng nhóm nhỏ. - Bước 2: lập sơ đồ phân loại.

Hoạt động 3: Luyện tập: học sinh thực hành xây dựng khóa lưỡng phân. (12P)

* Mục tiêu:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để làm những bài tập xây dựng khóa lưỡng phân.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Trước khi cho hs làm bài tập thực hành GV yêu cầu hs nhắc lại các bước xây dựng khóa lưỡng phân. - GV ghi tóm tắt 2 bước lên bảng.	**XÂY DỰNG KHÓA LƯỠNG PHÂN :** - Bước 1: Lựa chọn đặc điểm để phân loại thành 2 nhóm. Tiếp tục cách làm như vậy ở từng nhóm nhỏ. - Bước 2: lập sơ đồ phân loại.
- GV chiếu hình ảnh hình 26.1 và hình cuối SGK tr91. - HS quan sát hình ảnh. - GV giao nhiệm vụ: Với BT về nhà các em đã được làm theo cá nhân, dựa trên bài tập đã làm các em sẽ tiến hành thảo luận nhóm. Để vẽ sơ đồ để xây dựng khóa lưỡng phân với từng hình. - HS hoạt động nhóm trong 5p, thảo luận vẽ sơ đồ khóa lưỡng phân, mỗi hình được vẽ vào 1 bảng phụ. - Sau hoạt động nhóm GV yêu cầu mỗi nhóm mang kết quả của nhóm mình treo lên tường ở vị trí cô đã quy định. - HS treo sản phẩm theo hướng dẫn của cô. - GV cho hs các nhóm di chuyển, mỗi nhóm sẽ đến xem sản phẩm của nhóm bạn, ghi lại nhận xét của mình nếu có ý kiến (thực hiện trong 7p) - HS di chuyển và nhận xét các nhóm khác.	**Bài 1:** Phân loại các loài sinh vật trong hình 26.1 theo khóa lưỡng phân. - Phân loại có chân hay không chân. + Nhóm 1: Cơ thể có chân: Chuồn chuồn, cua, nhặng, nhện. + Nhóm 2: Cơ thể không có chân: Lươn, cá rô. - Trong nhóm cơ thể không chân phân tiếp thành 2 nhóm nhỏ: + Cơ thể có vảy: Cá rô. + Cơ thể không vảy: Lươn. - Trong nhóm cơ thể có chân phân loại tiếp: + Cơ thể có cánh: Chuồn chuồn, nhặng. + Cơ thể không có cánh: cua, nhện. **Bài 2:** Phân loại các sinh vật trong hình cuối SGK tr 91 theo khóa lưỡng phân. - Phân loại theo có cánh và không có

- GV quan sát và chọn ra 1 đến 2 sản phẩm của một số nhóm đại diện treo lên bảng để các nhóm cho ý kiến nhận xét. - HS lắng nghe, theo dõi, cho nhận xét. - Qua hoạt động trên GV yêu cầu hs nêu các bước xây dựng khóa lưỡng phân.	cánh: + Cơ thể có cánh: Bọ ngựa, chim. + Loại không có cánh: rùa, cá heo, khỉ. - Trong nhóm không có cánh phân tiếp thành 2 loại: + Loại sống dưới nước: Rùa, cá heo. + Loại sống trên cạn: Khỉ.

Hoạt động 3: Vận dụng (5'p)

* Mục tiêu :

- Rèn năng lực tự chủ, tự học.
- Hình thành phẩm chất cẩn thận, quan sát tỉ mỉ

Tổ chức thực hiện :

- GV chiếu hình ảnh một số loài sinh vật, yêu cầu hs thực hiện phân loại theo khóa lưỡng phân.

VD: hổ, báo, sư tử, voi, te giác, mèo, lợn, gà, vịt, cá chép, cá trê, lươn, cá chắm.

- HS vận dụng kiến thức đã học làm việc cá nhân trong 2p.
- Sau khi hs tự làm bài vào vở, GV chiếu đáp án lên bảng rồi cho hs đổi bài cho nhau theo cặp.
- hs trao đổi với nhau để đánh giá bài làm của bạn.

- Hướng dẫn về nhà:

GV giao bài tập về nhà cho hs:

Bài tập: Thực hiên phân loại theo khóa lưỡng phân với các loài sinh vật trong Hình 26.1 và hình cuối bài trang 91 vào vở theo sơ đồ.

Ngày soạn: 03/12/2023
Tiết 18:

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Củng cố, hệ thống hóa các kiến thức đã học về tế bào, từ tế bào đến cơ thể, hệ thống phân loại sinh vật.
- Vận dụng kiến thức để giải các bài tập lý thuyết, các bài tập tính toán có liên quan và giải thích các hiện tượng trong thực tiễn.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp.
- Năng lực hợp tác.
- Năng lực tự chủ, tự học.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Năng lực phân tích, tổng hợp kiến thức.
- Năng lực vận dụng kiến thức sinh học trả lời câu hỏi, bài tập
- Năng lực vận dụng kiến thức sinh học giải thích các hiện tượng thực tiễn.
- Năng lực quan sát,năng lực ghi nhớ kiến thức.

3. Về phẩm chất:

- Sôi nổi hào hứng trong khi ôn tập.
- Làm việc nghiêm túc, tự giác, tích cực, hợp tác trong học tập.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập của cá nhân và phối hợp tích cực với các thành viên trong nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy chiếu, máy tính, nội dung câu hỏi và các hình ảnh
- Hình ảnh:

+ Các thành phần chính của tế bào; tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực; tế bào động vật, tế bào thực vật.
+ Quá trình lớn lên và sinh sản của tế bào
+ Một số sinh vật đơn bào, đa bào
+ Sơ đồ mô tả các cấp độ tổ chức từ tế bào đến cơ thể ở cây xanh.
+ Sơ đồ mô tả các cấp độ tổ chức của cơ thể người.
+ Mô hình: cơ thể người, một số cơ quan ở cây xanh.
+ Hình ảnh một số loài sinh vật
+ Sơ đồ các đơn vị phân loại sinh vật

2. Học sinh: Chuẩn bị nội dung ôn tập, sách, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Đặt vấn đề (3ph)

Để củng cố toàn bộ những kiến thức mà các em đã được tìm hiểu trong chương V, VI và bài "Hệ thống phân loại sinh vật" trong chương VII, cũng là chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra, đánh giá giữa kì I sắp tới chúng ta tiến hành ôn tập.

2. Hoạt động 2: Tổ chức ôn tập (40ph)

* Mục tiêu: Hệ thống được các kiến thức cơ bản trong chương V, VI và bài "Hệ thống phân loại sinh vật"
*Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>- Giáo viên cho HS trình bày tóm tắt kiến thức tổng kết về tế bào bằng sơ đồ tư duy.
- HS trình bày tóm tắt kiến thức tổng kết về tế bào bằng sơ đồ tư duy (đã chuẩn bị ở nhà).
- HS khác nhận xét bổ sung. GV nhận xét, cho điểm.
- Giáo viên hệ thống các kiến thức về tế bào bằng hệ thống câu hỏi
- GV ghi lại ý kiến của HS → dẫn dắt để HS quan tâm

- Giáo viên đưa hình vẽ
- Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên, quan sát hình để trả lời câu hỏi

- Giáo viên đưa phiếu học tập phân biệt sự khác nhau về thành phần cấu tạo giữa tế bào động vật và tế bào thực vật
- HS tiếp nhận yêu cầu giáo viên giao hoàn thành phiếu học tập
- Đại diện nhóm trình bày
- Nhóm khác bổ sung</td><td><u>I. Tế bào</u>:
* Vì sao nói tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống (vì tế bào thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản như: sinh sản,sinh trưởng, hấp thụ chất dinh dưỡng, hô hấp, cảm giác, bài tiết)
* Tại sao mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau? (Mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau để phù hợp với chức năng của chúng)
* Sơ đồ dưới đây mô tả tế bào của loài sinh vật nào? Điền các thành phần của tế bào vào hình vẽ (Tế bào thực vật)
 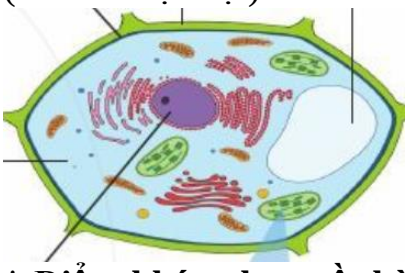
* Điểm khác nhau về thành phần cấu tạo giữa tế bào động vật và tế bào thực vật:
<table>
<tr><th>Thành phần</th><th>Tế bào động vật</th><th>Tế bào thực vật</th></tr>
<tr><td>Thành tế bào</td><td>Không có</td><td>Có, giữ hình dạng tế bào được ổn định</td></tr>
<tr><td>Màng tế bào</td><td>có</td><td>có</td></tr>
<tr><td>Tế bào chất</td><td>Có chứa : ti thể, 1 số tế bào có không bào nhỏ</td><td>Có chứa: ti thể, không bào lớn, lục lạp chứa diệp lục giúp hấp thụ ánh sang mặt trời.</td></tr>
<tr><td>Nhân</td><td>Có nhân hoàn chỉnh</td><td>Có nhân hoàn chỉnh</td></tr>
<tr><td>Lục lạp</td><td>Không có</td><td>Có lục lạp</td></tr>
</table>
* Sự sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì? (ý nghĩa của lớn lên và phân chia TB giúp cơ thể lớn lên và thay thế các TB già chết tự nhiên.)
<u>II. Từ tế bào đến cơ thể:</u>
* Phân biệt sinh vật đơn bào và sinh vật đa bào:</td></tr>
</table>

- Giáo viên đưa phiếu học tập: Phân biệt sinh vật đơn bào và đa bào

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ giáo viên giao hoàn thành phiếu học tập

- HS thảo luận theo cặp, quan sát, phân tích hình ảnh, nêu ý kiến.
- Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm nêu ý kiến, nhóm khác nhận xét, bổ sung
→ HS khái quát, thực hiện yêu cầu

- Gọi 1-> 2 HS trả lời
- HS khác nhận xét

- HS quan sát tranh, mô hình cơ thể người: nhận dạng và xác định vị trí một số cơ quan, hệ cơ quan, cấu tạo cơ thể người.
- HS vận dụng kiến thức bài học, trả lời câu hỏi.

- GV đưa câu hỏi
- HS tiếp nhận và trả lời

- GV đưa câu hỏi
- HS tiếp nhận nhiệm vụ trả

Tiêu chí	**Sinh vật đơn bào**	**Sinh vật đa bào**
Số lượng tế bào	1	Nhiều
Số loại tế bào	1 (Các hoạt động sống được thực hiện trong khuôn khổ 1 tế bào)	Nhiều loại với hình dạng, cấu tạo khác nhau và thực hiện chức năng khác nhau.
Cấu tạo từ tế bào nhân sơ hay tế bào nhân thực	- Có đại diện cấu tạo từ tế bào nhân sơ (vi khuẩn). - Có đại diện cấu tạo từ tế bào nhân thực (trùng giày, trùng biến hình,…)	Từ tế bào nhân thực
Ví dụ	Trùng biến hình, các loài vi khuẩn,…	Cây phượng, con gà, con thỏ…

*** Liệt kê các cấp độ tổ chức của cơ thể cây xanh theo thứ tự từ thấp đến cao** (Tế bào→ Mô→ Cơ quan → Hệ cơ quan→ Cơ thể)

*** Hệ cơ quan có những cơ quan nào? Nêu chức năng của hệ cơ quan đó đối với cơ thể?**

STT	**Tên hệ cơ quan**	**Tên các cơ quan của hệ**	**Chức năng**
1	Hệ hô hấp		
2	Hệ tuần hoàn		

*** Theo em, sinh vật đơn bào hay đa bào tiến hóa hơn? Vì sao?** (Sinh vật đa bào tiến hóa hơn sinh vật đơn bào vì cơ thể gồm nhiều tế bào, các tế bào chuyên hóa, được tổ chức chặt chẽ theo các cấp độ từ thấp đến cao: Tế bào → Mô → Cơ quan → Hệ cơ quan → Cơ thể.)

III. Đa dạng thế giới sống:

*** Vì sao cần phân loại thế giới sống?**

(Phân loại thế giới sống giúp cho việc gọi tên sinh vật và xác định mối quan hệ họ hàng giữa các nhóm sinh vật với nhau được thuận lợi)

lời câu hỏi

- HS Quan sát sơ đồ hình 25.2 gọi tên được các bậc phân loại của hoa li và sư tử theo các bậc phân loại của thế giới sống từ thấp đến cao: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.

- Yêu cầu HS quan sát sơ đồ hệ thống 5 giới trong hình 25.4. liệt kê các sinh vật thuộc mỗi giới vào bảng

- HS nêu liệt kê được các sinh vật thuộc mỗi giới vào bảng
- HS thực hiện nhiệm vụ: mỗi cá nhân sẽ quan sát Hình 25.5 – SGK/89 kết hợp với kiến thức đã biết để tìm câu trả lời.
- Báo cáo kết quả: GV gọi ngẫu nhiên 1 học sinh báo cáo kết quả, các HS khác sẽ nhận xét và bổ sung ý kiến.
- GV chốt đáp án: GV nhận xét và kết luận
- Giáo viên cho HS ôn một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Sinh vật nào dưới đây là đơn bào?

A. Người. B. Cây chuối.

C. Cây hoa hướng dương.

D. Tảo lục.

Câu 2: Nhóm sinh vật đa bào gồm

A. trùng roi, cây ổi, con ngựa vằn. B. cây bắp cải, con rắn, con ngựa vằn.

*** Nêu các bậc phân loại của hoa li và sư tử theo các bậc phân loại của thế giới sống từ thấp đến cao?**

Loài	**Chi**	**Họ**	**Bộ**	**Lớp**	**Ngành**	**Giới**
Hoa li	Loa kèn	Bách hợp	Hành	Một lá mầm	Hạt kín	Thực vật
Sư tử	Báo	Mèo	Ăn thịt	Thú	Dây sống	Động vật

*** Quan sát hình 25.4 . liệt kê các sinh vật thuộc mỗi giới vào bảng**

TT	**Tên giới**	**Tên sinh vật**
1	Giới Khởi sinh	Vi khuẩn, vi khuẩn lam
2	Giới Nguyên sinh	Trùng roi, rong, trùng biến hình, tảo lục đơn bào, trùng giày
3	Giới Nấm	Nấm bụng dê, nấm sò
4	Giới Thực vật	Hướng dương, dương xỉ, rêu, sen, thông…
5	Giới Động vật	Voi, rùa, chim, cá, mực, chuồn chuồn, ếch

*** Quan sát Hình 25.5 – SGK/89: Hãy sắp xếp các loài trong Hình vào các giới Nấm, giới Động vật, Giới thực vật sao cho phù hợp. Nêu lí do vì sao em sắp xếp như vậy?**

Giới Nấm: B.

Giới Động vật: D,E,G.

Giới thực vật: A,C.

- Dựa vào đặc điểm (tiêu chí) để xếp các loài sinh vật vào các giới: đặc điểm tế bào, mức độ tổ chức cơ thể, môi trường sống, kiểu dinh dưỡng…

***Bài tập trắc nghiệm**

Đáp án: D
Đáp án: B
Đáp án: A
Đáp án: C
Đáp án: B
Đáp án: A
Đáp án: B
Đáp án: B
Đáp án: D
Đáp án: A

C. Cây bắp cải, vi khuẩn, con rắn. D. cây bắp cải, trùng giày, con cua đỏ. **Câu 3:** Trong cơ thể người, loại tế bào nào có kích thước dài nhất? A. Tế bào thần kinh . B. Tế bào cơ vân. C. Tế bào xương. D. Tế bào da. **Câu 4:** Ở người tim, gan và tai là ví dụ cho cấp tổ chức nào của cơ thể? A. mô. B. tế bào. C. cơ quan. D. hệ cơ quan. **Câu 5:** Vi khuẩn là các cơ thể có cấu tạo A. đa bào, nhân sơ. B. đơn bào, nhân sơ. C. đa bào, nhân thực. D. đơn bào, nhân thực. **Câu 6:** Từ một tế bào sau khi phân chia liên tiếp tạo 32 tế bào con. Hãy cho biết số lần phân chia từ tế bào ban đầu? A. 5 B. 4 C. 3 D. 2 **Câu 7:** Ở người trưởng thành loại tế bào không có nhân là A. tế bào cơ. B. tế bào hồng cầu. C. tế bào gan. D. tế bào thần kinh. **Câu 8:** Cơ thể người trưởng thành có khoảng bao nhiêu tế bào? A. 10 nghìn tỉ tế bào. B. 30 - 40 nghìn tỉ tế bào.	

C. 20 nghìn tỉ tế bào D. 60 - 70 nghìn tỉ tế bào. **Câu 9:** Tế bào nhân thực thường có kích thước lớn gấp mấy lần tế bào nhân sơ? A. 8 lần. B. 15 lần. C. 5 lần. D. 10 lần. **Câu 10:** Trong cơ thể người, loại TB nào sau đây sau khi hình thành sẽ không phân chia thêm lần nào? A. Tế bào thần kinh. B. Tế bào gan. C. Tế bào da. D. Tế bào niêm mạc má.	

3. Hoạt động 3: Hướng dẫn về nhà: (2ph)

- Học bài, chuẩn bị kiểm tra, đánh giá giữa kì I

Đã duyệt, ngày …. tháng….năm….
TMT

Lê Thị Thanh

Ngày soạn: 17/12/2023
Tiết 19-20:

KIỂM TRA CUỐI KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Củng cố lại kiến thức đã học từ bài tế bào đến bài khóa lưỡng phân
- Khái quát lại được kiến thức cơ bản

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

- Tự học: tự học ôn lại kiến thức cũ
- Tự chủ: chủ động trong bài làm của mình
- Giải quyết vấn đề sang tạo: Hs có thể giải thích được các hiện tượng và vận dụng kiến thức linh hoạt

3. Phẩm chất

- Rèn phẩm chất chăm học chịu khó
- Trung thực khi làm bài

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Đề và đáp án phòng giáo dục chuẩn bị

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Gv cung cung cấp đề bài
- HS làm bài theo quy định

I. Khung ma trận

Chủ đề	**MỨC ĐỘ**								**Tổng số câu**		**Tổng điểm (%)**
	Nhận biết		**Thông hiểu**		**Vận dụng**		**Vận dụng cao**				
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Phần Vật lí *Chương I : Các phép đo (9 tiết)* *Chương VIII : Lực trong đời sống (7 tiết)* *Chương IX : Năng lượng (12 tiết)*	12			1				1	12	2	**5.0 (50%)**
2. Phần Hóa học *Chương I. Mở đầu về khoa học tự nhiên (8 tiết)*	2			2					2	2	**2.5 (25%)**

Chương II.											
3. Phần Sinh học *Chương V. Tế bào (8 tiết)*	2					1			2	1	**2.5 (25%)**
Tổng câu	**16**			**3**		**1**		**1**	**16**	**5**	**21**
Tổng điểm	**4**			**3**		**2**		**1**	**4,0**	**6,0**	**10,0**
% điểm số	**40%**		**30%**		**20%**		**10%**		**60 %**	**40%**	**100%**

II. BẢNG ĐẶC TẢ

Nội dung	**Mức độ**	**Yêu cầu cần đạt**	**Số câu hỏi**		**Câu hỏi**	
			TN	TL	TN	TL
1. Phần Hóa học *Chương I. Mở đầu về khoa học tự nhiên (8 tiết)* *Chương II : Chất quanh ta (10 tiết)*						
Giới thiệu về KHTN	Biết	Các chất trong dãy nào sau đây đều là chất?	1		C4	
An toàn trong phòng thí nghiệm		Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hóa học?	1		C7	
Sử dụng kính lúp	Hiểu	Mô tả được sự chuyển đổi thể		1		C19
Sử dụng kính hiển vi quang học Sự đa dạng của chất Các thể của chất và sự chuyển thể Oxygen và không khí		Nêu những hiểu biết của em về tính chất vật lí của oxygen.		1		C21
2. Phần Vật lí *Chương I : Các phép*						

đo (9 tiết) *Chương VIII : Lực trong đời sống (7 tiết)* *Chương IX : Năng lượng*						
Đo chiều dài Đo khối lượng Đo thời gian Đo nhiệt độ Lực là gì? Biểu diễn lực Biến dạng của lò xo Trọng lượng, lực hấp dẫn Lực ma sát Lực cản của nước Năng lượng và sự truyền năng lượng Một số dạng năng lực	Biết	Để đo thể tích của vật rắn không thấm nước, không bỏ lọt bình chia độ cần dụng cụ	1		C1	
		Xác định giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước trong hình	1		C2	
		Để xác định thời gian làm bài kiểm tra 15 phút, em sẽ lựa chọn loại đồng hồ nào sau đây là phù hợp nhất?	1		C3	
		Lò xo thường được làm bằng những chất nào	1		C5	
		Phát biểu nào sau đây **không** đúng về lực đàn hồi	1		C6	
		Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực **không** tiếp xúc?	1		C8	
		Quả bóng đang bay tới cầu gôn thì bị thủ môn bắt được. Lực của người thủ môn đã làm quả bóng bị … .	1		C9	
		Dụng cụ dùng để đo độ lớn của lực là?	1		C10	
		Chỉ có thể nói về trọng lực của vật nào sau đây?	1		C12	
		Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện không phải là lực ma sát?	1		C13	
		Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của nước?	1		C14	
		Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào là **sai**?	1		C16	
	Hiểu	- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.		1		C18
	Vận	- Biểu diễn được một lực bằng		1		C17

	dụng cao	một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.				
3. Phần Sinh học *Chương V. Tế bào (8 tiết)* *Chương VI: Từ tế bào đến cơ thể* *Chương VII: Đa dạng thế giơi sống*						
Tế bào- Đơn vị cơ bản của sự sống	Biết	Cơ thể sinh vật có khả năng thực hiện các quá trình sống cơ bản nào?	1		C11	
Cấu tạo và chức năng của các thành phần của tế bào		Trình từ sắp xếp các cấp tổ chức của cơ thể đa bào theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là?	1		C15	
Sự lớn lên và sinh sản của tế bào Cơ thể sinh vật Tổ chức cơ thể đa bào Hệ thống phân loại sinh vật Khóa lưỡng phân	Vận dụng	Xây dựng khóa lưỡng phân của 1 số sinh vật		1		C20

III. ĐỀ KIỂM TRA

A. TRẮC NGHIỆM (4 ĐIỂM)

Câu 1: Để đo thể tích của vật rắn không thấm nước, không bỏ lọt bình chia độ cần dụng cụ:

A. Bình chia độ
B. Bình chia độ, bình tràn
C. Bình chứa
D. Cả B và C

Câu 2: Xác định giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước trong hình

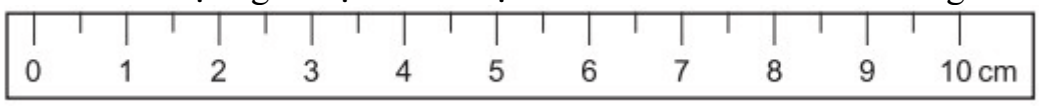

A. GHĐ 10 cm, ĐCNN 1 mm.
B. GHĐ 10 cm, ĐCNN 0,5 cm.
C. GHĐ 100 cm, ĐCNN 1 cm.
D. GHĐ 20 cm, ĐCNN 1 cm.

Câu 3. Để xác định thời gian làm bài kiểm tra 15 phút, em sẽ lựa chọn loại đồng hồ nào sau đây là phù hợp nhất?
A. Đồng hồ mặt trời B. Đồng hồ đeo tay
C. Đồng hồ cát D. Đồng hồ hẹn giờ
Câu 4: Các chất trong dãy nào sau đây đều là chất?
A. Đồng, muối ăn, đường mía B. Muối ăn, nhôm, cái ấm nước
C. Đường mía, xe máy, nhôm D. Cốc thủy tinh, cát, con mèo
Câu 5: Lò xo thường được làm bằng những chất nào?
A. Thép B. Chì C. Nhôm D. Cả 3 loại trên
Câu 6: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về lực đàn hồi?
A. Lực đàn hồi xuất hiện khi vật bị biến dạng.
B. Lực đàn hồi ngược hướng với lực làm nó bị biến dạng.
C. Lực đàn hồi luôn là lực kéo.
D. Lực đàn hồi tỉ lệ với độ biến dạng.
Câu 7: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hóa học?
A. Hòa tan muối vào nước
B. Đun nóng bát đựng muối đến khi có tiếng nổ lách tách
C. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng
D. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen
Câu 8: Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực **không** tiếp xúc?
A. Em bé đẩy cho chiếc xe đồ chơi rơi xuống đất.
B. Quả táo rơi từ trên cây xuống.
C. Cầu thủ đá quả bóng bay vào gôn.
D. Gió thổi làm thuyền chuyển động.
Câu 9: Quả bóng đang bay tới cầu gôn thì bị thủ môn bắt được. Lực của người thủ môn đã làm quả bóng bị … .
A. Biến dạng. B. Thay đổi chuyển động.
C. Biến dạng và thay đổi chuyển động. D. Dừng lại.
Câu 10: Dụng cụ dùng để đo độ lớn của lực là?
A. Lực kế B. Tốc kế C. Nhiệt kế D. Cân
Câu 11: Cơ thể sinh vật có khả năng thực hiện các quá trình sống cơ bản nào?
(1) Cảm ứng và vận động (4) Hô hấp
(2) Sinh trưởng (5) Bài tiết
(3) Dinh dưỡng (6) Sinh sản
A. (2), (3), (4), (6) B. (1), (3), (5), (6)
C. (2), (3), (4), (5), (6) D. (1), (2), (3), (4), (5), (6)
Câu 12: Chỉ có thể nói về trọng lực của vật nào sau đây?
A. Trái Đất B. Mặt Trời
C. Mặt Trăng D. Người đứng trên mặt đất
Câu 13: Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện không phải là lực ma sát?
A. Xe đạp đi trên đường
B. Đế giày lâu ngày đi bị mòn
C. Lò xo bị nén
D. Người công nhân đẩy thùng hàng mà nó không xê dịch chút nào

Câu 14: Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của nước?
A. Quả dừa rơi từ trên cây xuống.
B. Bạn Lan đang tập bơi.
C. Bạn Hoa đi xe đạp tới trường.
D. Chiếc máy bay đang bay trên bầu trời.
Câu 15: Trình từ sắp xếp các cấp tổ chức của cơ thể đa bào theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là?
A. Tế bào -> cơ quan -> hệ cơ quan -> cơ thể -> mô
B. Mô -> tế bào -> hệ cơ quan -> cơ quan -> cơ thể
C. Tế bào -> mô -> cơ quan -> hệ cơ quan -> cơ thể
D. Cơ thể -> hệ cơ quan -> cơ quan -> tế bào -> mô
Câu 16: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào là **sai**?
A. Người đang bơi trong nước chịu cả lực cản của không khí và của nước.
B. Người đi bộ trên mặt đất chịu lực cản của không khí.
C. Xe ô tô đang chạy chịu lực cản của không khí.
D. Máy bay đang bay chịu lực cản của không khí.
B. TỰ LUẬN (6 ĐIỂM)
Câu 17 (1đ): Diễn tả bằng lời các yếu tố của lực sau(biết 1cm ứng với 50N)

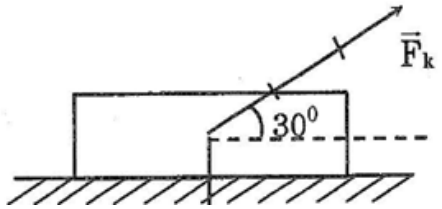

50N

Câu 18 (1đ): Hãy đổi những khối lượng sau đây ra kg.
a, 650g b, 2,4 tạ c, 150 yến d, 1,5 tấn
Câu 19 (1 điểm). Em hãy mô tả sự chuyển đổi thể của 2 quá trình sau
1. Sự chuyển thể của mỡ lợn khi đun nóng và sau khi đun xong để nguội
2. Sự chuyển thể của nên khi đốt nóng và khi đốt xong để nguội
Câu 20 (2,0 điểm)**.** Xây dựng khoá lưỡng phân để phân loại các loài sinh vật sau: Khỉ, rùa , cá mập , bọ ngựa , chim sẻ
Câu 21 (1,0 điểm) Nêu những hiểu biết của em về tính chất vật lí của oxygen.

ĐÁP ÁN
A. TRẮC NGHIỆM

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐA	D	B	D	A	A	C	D	B	C	A	D	D	C	B	C	A

B. TỰ LUẬN

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 17 1 điểm	+ Lực Fk có phương nghiêng góc 30 độ so với phương nằm ngang + Chiều từ trái qua phải và hướng lên, + Điểm đặt tại vật,	0.25 0.25 0.25

	+ Độ lớn 150N.	0.25
Câu 18 1 điểm	a, 0,65 kg b, 240 kg c,1500kg d. 1500kg	0.25 0.25 0.25 0.25
Câu 19 1 điểm	Sự chuyển thể của mỡ lợn: Khi đun nóng, mỡ lợn chuyển dần từ thể rắn sang thể lỏng; khi để nguội và gặp lạnh, mỡ lợn lại chuyển từ thể lỏng sang thể rắn. Sự chuyển thể của nến: Khi đốt nóng, nến chuyển dần từ thể rắn sang thể lỏng; khi để nguội nến lại chuyển từ thể lỏng sang thể rắn.	0.25 0.25 0.25 0.25
Câu 20 2 điểm	- Bước 1: Có chân và không có chân + Có chân: Chim, bọ ngựa, khỉ, rùa + Không chân: cá mập - Bước 2: Có cánh và không có cánh: + Có cánh: chim, bọ ngựa + Không có cánh: Khỉ, rùa - Bước 3: Có một đôi cánh và có hai đôi cánh + Có một đôi cánh: chim + Có hai đôi cánh: bọ ngựa - Bước 4: Có mai và không có mai + Có mai: rùa + Không có mai: khỉ	 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25
Câu 21 1 điểm	**- Tính chất vật lí của oxygen:** + Ở điều kiện thường, oxygen ở thể khí, + Không màu, không mùi, không vị, + Ít tan trong nước và nặng hơn không khí. + Oxygen hóa lỏng ở -183^{0}C, hóa rắn ở - 218^{0}C. Ở thể lỏng và rắn, oxygen có màu xanh nhạt.	 0.25 0.25 0.25 0.25

Đã duyệt, ngày …. tháng….năm….
TMT

Lê Thị Thanh

Ngày soạn: 24/12/2023
Tiết 21,22:

BÀI 27: VI KHUẨN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm vi khuẩn.
- Phân biệt được ba nhóm hình dạng điển hình của vi khuẩn: hình que, hình xoắn, hình cầu. Từ đó nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.
- Trình bày được các đặc điểm chính của vi khuẩn: kích thước, cấu tạo, nơi sống.
- Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra và trình bày được một số cách phòng và tránh bệnh.
- Nêu được một số vai trò và ứng dụng của vi khuẩn trong đời sống. Ứng dụng được vai trò của vi khuẩn có lợi vào đời sống

2. Về năng lực:

-Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, trao đổi thông tin, hợp tác, năng lực thực nghiệm
-Năng lực nhận biết KHTN
+ Nêu được các đặc điểm chính của vi khuẩn: hình dạng, kích thước, cấu tạo, nơi sống.
+ Thông hiểu: Giải thích được vì sao vi khuẩn là cơ thể đơn giản nhất trong thế giới sống

3. Về phẩm chất: rèn luyện các phẩm chất

Tự lập, tự tin, tự chủ, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu thích môn học

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Các tranh, ảnh một số loại vi khuẩn và cấu tạo vi khuẩn (Phương tiện hiện đại)

2. Học sinh:

- Sách, vở,đồ dùng học tập, đọc trước bài 27

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu (5phút)

-Kiểm tra bài cũ: Trình bày nguyên tắc xây dựng khóa lưỡng phân

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
GV:Vì sao thực phẩm, thức ăn để lâu sẽ bị ôi thiu? -Vì sao con người, con vật và cây cối bị bệnh? HS: Phát biểu, nhận xét, bổ sung GV: lọc thông tin, dẫn dắt theo mở bài sgk. Ngoài sống trên cơ thể người vi khuẩn còn có thể sống ở đâu, chúng có đặc điểm gì về hình dạng, cấu tạo…	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới(70phút)

Hoạt động 2.1:Đa dạng của vi khuẩn(15phút)

* Mục tiêu: HS mô tả được các đặc điểm của vi khuẩn: nơi sống, hình dạng, kích thước thể hiện sự đa dạng của vi khuẩn
* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
-GV chiếu sơ đồ hệ thống phân loại 5 giới yêu cầu hs nêu vị trí của vi khuẩn trong sơ đồ (thuộc giới khởi sinh) -Nêu đặc điểm của các sinh vật trong nhóm này? -HS phát biểu -GV nêu các hiện tượng trong đời sống liên quan đến vi khuẩn: nhiễm trùng, bệnh lao, thức ăn bị ôi thiu… - Có thể nhìn thấy được vi khuẩn trong các hiện tượng trên không? - Hãy nhận xét về kích thước và nơi sống của vi khuẩn - HS phát biểu -GV chiếu H27.1 yêu cầu hs hoạt động nhóm(3p) nêu nhận xét hình dạng của các loại vi khuẩn dựa vào đó xếp chúng vào các nhóm khác nhau, đặt tên cho nhóm - HS đại diện phát biểu, nhận xét, bổ sung -GV nhận xét, yêu cầu hs rút ra nội dung chính -GV bổ sung các dạng phân bố của vi khuẩn có thể sống độc lập hoặc thành từng đám, mỗi vi khuẩn là một đơn vị sống độc lập	I.**Đa dạng của vi khuẩn:** -Vi khuẩn là những cơ thể đơn bào, nhân sơ có kích thước nhỏ bé, chỉ có thể quan sát được bằng kính hiển vi - Vi khuẩn có nhiều hình dạng khác nhau: + Hình que:trực khuẩn, phẩy khuẩn +Hình cầu: liên cầu khuẩn, tụ cầu khuẩn + Hình xoắn: xoắn khuẩn

Hoạt động 2.2: Cấu tạo của vi khuẩn (15phút)

* Mục tiêu: HS nêu được cấu tạo của vi khuẩn

* Tổ chức thực hiện**:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
GV nhắc lại vi khuẩn thuộc giới khởi sinh, cơ thể đơn bào, nhân sơ. Yêu cầu hs mô tả lại tế bào nhân sơ -HS phát biểu, nhận xét, bổ sung -GV chiếu H27.2 yêu cầu hs trả lời câu hỏi sgk - GV nhận xét-> yêu cầu hs chốt kiến thức	II**. Cấu tạo của vi khuẩn:** _Cấu tạo vi khuẩn gồm: thành tế bào, màng tế bào, tế bào chất, vùng nhân, lông, roi - Vi khuẩn có cấu tạo cơ thể chỉ gồm một tế bào nhân sơ nên là cơ thể đơn giản nhất trong thế giới sống

Hoạt động 2.3: Vai trò của vi khuẩn(15phút)

* Mục tiêu: - Nêu được một số vai trò và ứng dụng của vi khuẩn trong đời sống. Ứng dụng được vai trò của vi khuẩn có lợi vào đời sống

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
GV yêu cầu hs nghiên cứu H27.3 nêu các vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên GV: Tại sao các chất hữu cơ sau một thời gian chôn vùi trong đất thì phân hủy hết? điều đó có ứng dụng và ý nghĩa gì trong đời sống?	**III. Vai trò của vi khuẩn** 1.Vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên -Tham gia vào quá trình phân hủy xác sinh vật và chất

HS phát biểu, nhận xét, bổ sung GV giải thích thêm trong tự nhiên vi khuẩn tham gia cố định đạm để cung cấp nguồn đạm mà thực vật hấp thụ được. Vi khuẩn phân giải xác sinh vật, chất thải thành chất dinh dưỡng cung cấp cho cây và góp phần làm sạch môi trường GV yêu cầu hs đọc sgk mục III, trả lời các câu hỏi mục III HS trả lời, nhận xét, bổ sung nêu được các ứng dụng của vi khuẩn, giải thích được trong sữa chua có vi khuẩn lactic hỗ trợ tiêu hóa GV giới thiệu mục" em có biết" GV: ngoài sữa chua còn có thực phẩm nào được tạo thành từ ứng dụng của vi khuẩn giúp kích thích tiêu hóa? Cần lưu ý gì khi sử dụng các thực phẩm đó để không gây hại cho sức khỏe HS: không ăn dưa cà chưa chín hoặc có váng, không nên ăn quá nhiều	thải hữu cơ giúp làm sạch môi trường -Vi khuẩn tham gia cố định đạm giúp cây trồng sử dụng nguồn đạm trong không khí 2.Vai trò của vi khuẩn trong đời sống con người Đa số vi khuẩn có lợi và được ứng dụng trong đời sống, y tế - Trong cơ thể người: vi khuẩn giúp bảo vệ da, tăng cường hệ miễn dịch, hỗ trợ tiêu hóa -Trong đời sống: chế biến thực phẩm, muối dưa cà, làm nước mắm.., sản xuất kháng sinh, thuốc trừ sâu, xử lí chất thải

Hoạt động 2.4: Một số bệnh do vi khuẩn (15phút)

* Mục tiêu: Tìm hiểu tác hại của vi khuẩn

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
GV yêu cầu hs nghiên cứu nội dung sgk và H27.4, 27.5, 27.6 nêu các tác hại của vi khuẩn gây ra cho con người và động thực vật GV chia lớp 3 nhóm Thảo luận trả lời 3 câu hỏi: -Kể tên những bệnh do vi khuẩn gây ra cho người, động vật, thực vật? -Khi mắc các bệnh do vi khuẩn gây ra (viêm họng, bệnh tả…) em thường có biện pháp gì để chữa trị? -Có nên sử dụng thức ăn bị ôi thiu không? Vì sao? Phải làm gì để thức ăn không bị ôi thiu? Giải thích cơ sở khoa học của các biện pháp đó HS đại diện trả lời- lớp nhận xét, bổ sung (bảo quản thực phẩm bằng nhiều cách: giữ lạnh, phơi khô, hun khói) GV nhận xét bổ sung-> yêu cầu hs rút ra kết luận về tác hại của vi khuẩn GV yêu cầu hs cho ví dụ về tác dụng 2 mặt của vi khuẩn	**IV. Một số bệnh do vi khuẩn** + Vi khuẩn gây các bệnh nguy hiểm cho người như: lao, viêm phổi, uốn ván, giang mai, phong tả… + Vi khuẩn gây bệnh trên động vật: tụ huyết trùng ở gia cầm, gia súc, bệnh đóng dấu ở lợn… + Vi khuẩn gây nhiều bệnh trên thực vật như: héo xanh ở cà chua, khoai tây, thối nhũn ở bắp cải… + Biện pháp phòng tránh: ăn chín, uống sôi, rửa tay,vệ sinh cơ thể và môi trường,không ăn thức ăn ôi thiu.

3. Hoạt động 3: Luyện tập(5phút)

a) Mục tiêu: Hệ thống được một số kiến thức đã học về vi khuẩn
b) Nội dung:
- Hoạt động nhóm: Yêu cầu hs phân biệt rõ về hình dạng các nhóm vi khuẩn
- Nêu chính xác cấu tạo của vi khuẩn
c) Sản phẩm học tập**:**
- Kết quả chính xác của hoạt động nhóm
d) Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của GV – Hoạt động của HS	**Nội dung**
- GV chiếu lần lượt từng tranh câm hình các loại vi khuẩn. Yêu cầu hs thảo luận nhóm chia vi khuẩn thành các nhóm - HS thảo luận nhóm, đại diện từng nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét bổ sung. - GV chiếu tranh câm cấu tạo vi khuẩn, yêu cầu hs điền chú thích các bộ phận	HS chia vi khuẩn thành 3 nhóm dựa vào hình dạng Cấu tạo vi khuẩn gồm: thành tế bào, màng tế bào, tế bào chất, vùng nhân, lông, roi

4. Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố (5phút)
Câu 1: dựa vào hình dạng có thể chia vi khuẩn thành những nhóm nào?
Câu 2: vi khuẩn có ở đâu?
Câu 3: điền từ thích hợp vào chỗ trống:
Vi khuẩn là những cơ thể….,có kích thước……, chỉ có thể quan sát được bằng……
*** Hướng dẫn về nhà:**
- Học bài , làm vở bài tập
- Đọc mục "Em có biết"
- Chuẩn bị: đọc trước phần III, IV bài 27 về vai trò của vi khuẩn

Đã duyệt, ngày …. tháng….năm….
TMT

Lê Thị Thanh

Ngày soạn: 13/11/2021

BÀI 28: THỰC HÀNH LÀM SỮA CHUA VÀ QUAN SÁT VI KHUẨN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Làm được tiêu bản vi khuẩn.
- Quan sát vi khuẩn bằng kính hiển vi và vẽ lại hình quan sát được.
- Biết cách làm sữa chua.
- Thực hiện được các bước làm sữa chua và sản phẩm tạo ra đạt chất lượng.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: Đọc sách giáo khoa, quan sát tranh, ảnh để tìm hiểu về cách thức quan sát một số loại tế bào vi khuẩn trong sữa chua, tự chuẩn bị được mẫu sữa chua; chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao và thảo luận nhóm.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra cách thức quan sát; trao đổi kết quả quan sát được, rút ra nhận xét và hoàn thiện báo cáo thu hoạch.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện quan sát và mô tả được đặc điểm của một số loại tế bào vi khuẩn,vẽ lại được hình đã quan sát.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bày được cách quan sát, mô tả được đặc điểm của một số loại tế bào vi khuẩn.

Tìm hiểu tự nhiên: Thực hiện quan sát bằng mắt thường, kính hiển để quan sát một số tế bào vi khuẩn; trình bày được kết quả thông qua báo cáo thu hoạch.

Vận dụng kiến thức: Nhận biết được một số loại vi khuẩn trong tự nhiên. Từ đó HS biết cách bảo quản thực phẩm, đồ dùng,vệ sinh nhà cửa… phòng bệnh do vi khuẩn gây ra.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học rèn luyện học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân và phối hợp tích cực với các thành viên trong nhóm.

Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép dựa theo kết quả quan sát được.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Thiết bị, dụng cụ: Kính hiển vi, lam kính và lamen, nhiệt kế, ống nhỏ giọt, giấy thấm, nước cất, cốc thủy tinh, ấm đun nước, thùng xốp, lọ thủy tinh nhỏ có nắp
- Nguyên liệu, mẫu vật: Hai hộp sữa chua không đường để ở nhiệt độ phòng (khoảng 25^0C trước khi thực hiện 1-2 giờ); Một hộp sữa đặc có đường (380 gam); Nước lọc hoặc sữa tươi tiệt trùng (1 lít)

2. Học sinh:

- Chuẩn bị theo nhóm: thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu và mẫu vật như chuẩn bị của giáo viên.
- Phiếu báo cáo thực hành.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động 1: Chuẩn bị, khởi động, mở bài (5')

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- HS chia theo nhóm: Mỗi nhóm: (8 – 10 HS) mỗi nhóm một bộ dụng cụ thực hành gồm: Kính hiển vi, lam kính và lamen, nhiệt kế, ống nhỏ giọt, giấy thấm, nước cất, cốc thủy tinh, ấm đun nước, thùng xốp, lọ thủy tinh nhỏ có nắp... - GV kiểm tra phần chuẩn bị của HS theo nhóm đã phân công. - GV hỏi HS: trước khi làm thực hành cần thực hiện yêu cầu gì? - HS: rửa tay trước và sau khi làm thí nghiệm, đeo găng tay, khẩu trang...để bảo vệ sức khỏe. - GV yêu cầu HS chuẩn bị nguyên liệu, mẫu vật, dụng cụ thực hành của nhóm mình lên mặt bàn thực hành. - HS đặt nguyên liệu, mẫu vật lên bàn: Nguyên liệu, mẫu vật gồm hai hộp sữa chua không đường; Một hộp sữa đặc có đường (380 gam); Nước lọc hoặc sữa tươi tiệt trùng (1 lít) - GV nêu câu hỏi, yêu cầu hs trả lời: Các em dự kiến cách làm tiêu bản để quan sát tế bào vi khuẩn trong sữa chua? Cách làm sữa chua? - HS nghe câu hỏi và trình bày - Dự đoán câu trả lời của hs.	I. Chuẩn bị: 1. Thiết bị, dụng cụ: Kính hiển vi, lam kính và lamen, nhiệt kế, ống nhỏ giọt, giấy thấm, nước cất, cốc thủy tinh, ấm đun nước, thùng xốp, lọ thủy tinh nhỏ có nắp 2. Nguyên liệu, mẫu vật: Hai hộp sữa chua không đường để ở nhiệt độ phòng (khoảng 25^0C trước khi thực hiện 1-2 giờ); Một hộp sữa đặc có đường (380 gam); Nước lọc hoặc sữa tươi tiệt trùng (1 lít)

2. Hoạt động 2: Tiến hành thực hành

Hoạt động 2.1: Quan sát vi khuẩn trong sữa chua (15')

* Mục tiêu: HS quan sát vi khuẩn trong sữa chua bằng kính hiển vi và vẽ lại hình quan sát được.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Chia HS thành các nhóm nhỏ và cung cấp cho mỗi nhóm một bộ thiết bị, dụng cụ và mẫu vật. - HS nghiên cứu thông tin SGK trang 96, trình bày các bước trong quy trình tiến hành quan sát vi khuẩn trong sữa chua. - Giải thích lí do tại sao mẫu sữa chua cần để ở nhiệt độ 25 °C trước khi tiến hành thí nghiệm. - HS dự đoán điều gì sẽ xảy ra nếu sữa chua ăn hằng ngày không được bảo quản trong tủ lạnh? - Hướng dẫn HS thực hành làm tiêu bản	I. Tiến hành: 1. Quan sát tế bào vi khuẩn trong sữa chua a, Chuẩn bị lam kính chứa mẫu vật - Bước 1: Lấy một thìa sữa chua không đường pha loãng với 10 ml nước cất - Bước 2: Dùng ống nhỏ giọt hút một lượng nhỏ dịch đã pha loãng, nhỏ một giọt lên lam kính. - Bước 3: Đậy lamen lên mẫu vật - Bước 4: Dùng giấy thấm nhẹ quanh viền lamen để loại bỏ nước

và quan sát. - GV quan sát và giúp đỡ các nhóm trong quá trình thực hiện. Nhắc nhở HS ghi chép lại các thông tin về hình dạng, cách sắp xếp của vi khuẩn và vẽ lại hình vi khuẩn đã quan sát.	thừa. b, Quan sát bằng kính hiển vi - Bước 1: Đặt lam kính đã chuẩn bị lên bàn kính, điều chỉnh cho vùng có mẫu vật trên lam kính vào giữa vùng sáng. - Bước 2: Quan sát mẫu ở vật kính 10x - Bước 3: Quan sát mẫu ở vật kính 40x

Hoạt động 2.2: Quan sát các mẫu vi khuẩn khác hoặc tiêu bản nhuộm (15')

* Mục tiêu: Quan sát, nhận biết một số vi khuẩn khác qua mẫu tiêu bản nhuộm sẵn.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV: Giao nhiệm vụ học tập: Làm tiêu bản và quan sát các mẫu vi khuẩn khác hoặc sử dụng tiêu bản đã nhuộm sẵn (nếu có) bằng kính hiển vi ở vật kính 10x và 40x. -HS: Thực hiện nhiệm vụ: HS đặt tiêu bản lên kính hiển vi, quan sát và vẽ lại. - Quan sát, giúp đỡ các nhóm khi quan sát, nhắc nhở HS ghi lại các đặc điểm quan sát được về hình dạng vi khuẩn, màu sắc của các vi khuẩn trong các mẫu nhuộm Gram. - Sau khi HS quan sát xong các tiêu bản, có thể cho HS phân biệt các mẫu vi khuẩn trong tiêu bản nhuộm đã quan sát thuộc nhóm vi khuẩn nào (Gram dương hay Gram âm).	2. Quan sát các mẫu vi khuẩn khác hoặc tiêu bản nhuộm - Làm tiêu bản và quan sát các mẫu vi khuẩn khác hoặc sử dụng tiêu bản đã nhuộm sẵn. - Quan sát mẫu tiêu bản nhuộm sắn một số loại vi khuẩn bằng kính hiển vi ở vật kính 10x và 40x.

Hoạt động 2.3: Làm sữa chua (15')

a) Mục tiêu: HS biết cách làm sữa chua.

b) Nội dung: : HS thực hành ứng dụng của vi khuẩn trong chế biến thực phẩm.

c) Sản phẩm học tập: Thực hiện được các bước làm sữa chua và sản phẩm tạo ra đạt chất lượng.

d) Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV chia cho mỗi nhóm một bộ thiết bị, dụng cụ dùng cho hoạt động làm sữa chua (các nhóm có thể tự chuẩn bị thiết bị và dụng cụ). - GV lưu ý cho HS: Các thiết bị, dụng cụ được khử trùng sạch sẽ.	2. Làm sữa chua: - Bước 1: Đun sôi 1 lít nước sau đó để nguội đến khoảng 50^0C. - Bước 2: Đổ hộp sữa đặc vào cốc đựng rồi thêm nước ấm vào để đạt 1 lít, trộn đều để sữa đặc tan hết. Sau

- Yêu cầu HS quan sát hình hướng dẫn các bước, nghiên cứu hướng dẫn chi tiết các bước trong SGK trang 97 - HS trình bày các bước tiến hành. - HS tiến hành thực hành theo từng bước. - GV lưu ý cho HS: Chú ý đảm bảo an toàn khi đun và sử dụng nước nóng. - Việc ủ để tạo thành sản phẩm không hoàn thành trong buổi thực hành, sau thời gian ủ, GV cùng HS sẽ kiểm tra kết quả. - GV lưu ý cho HS: Thực hiện các bước tiến hành cần đảm bảo vệ sinh. Sản phẩm đạt yêu cầu là sản phẩm có độ sánh, mịn, có vị chua nhẹ.	đó đổ thêm hộp sữa chua vào hỗn hợp đã pha và tiếp tục trộn đều. -+Bước 3: Rót toàn bộ hỗn hợp thu được vào các lọ thủy tinh sạch đã chuẩn bị, đặt vào thùng xốp và đậy nắp lại để giữa ấm từ 10-12 giờ. ->Lưu ý: Sau thời gian ủ ấm, lấy sản phẩm ra và bảo quản trong tủ lạnh.

Hoạt động 2.4: Thảo luận, trình bày kết quả làm sản phẩm sữa chua (15')

* Mục tiêu: Thảo luận, trình bày được cách làm sữa chua và sản phẩm tạo thành.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV: Giao nhiệm vụ học tập: Thảo luận, trình bày cách làm sữa chua và sản phẩm tạo thành. - HS: Thực hiện nhiệm vụ báo cáo, thảo luận: Thảo luận về các câu hỏi: + Trình bày lại cách làm sữa chua? + Nhận xét về chất lượng sản phẩm tạo thành sau khi tiến hành thực hành làm sữa chua? (Về màu sắc, mùi, vị, độ sánh…) - Đánh giá: + HS đánh giá chất lượng sản phẩm các nhóm khác. + GV đánh giá kĩ năng thực hiện thí nghiệm của học sinh thông qua sản phẩm, hình vẽ của học sinh trên vở.	II. Tiến hành: 3. Thảo luận, trình bày kết quả làm sản phẩm sữa chua.

3. Hoạt động 3: Thu hoạch (5')

a) Mục tiêu: Nhận biết hình ảnh vi khuẩn trong sữa chua.

b) Nội dung: Báo cáo tiến trình lên tiêu bản quan sát vi khuẩn trong sữa chua. Vẽ lại hình ảnh vi khuẩn trong sữa chua đã quan sát được.

c) Sản phẩm học tập: Hình ảnh vi khuẩn trong sữa chua. Hỗn hợp làm sữa chua.

d) Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV hướng dẫn HS: Vẽ lại hình ảnh vi khuẩn trong sữa chua đã quan sát được. - HS dựa vào kết quả quan sát được để vẽ lại hình vi khuẩn. - Nhận xét về hình dạng và cách sắp xếp của	II. Thu hoạch: Vẽ vào vở hình ảnh vi khuẩn trong sữa chua đã quan sát được bằng kính hiển vi ở các mức độ phóng

các vi khuẩn quan sát được. - Tùy thuộc vào loại vi khuẩn HS đã quan sát để nhận xét cách sắp xếp, có thể sống độc lập, sống thành đám. - Thảo luận về một số lưu ý khi tiến hành lên tiêu bản vi khuẩn trong sữa chua để có kết quả thành công khi quan sát.	đại khác nhau..

4. Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố (5')

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực hợp tác, tìm tòi, cách quan sát thêm một số vi khuẩn có trong các thực phẩm khác như dưa muối, cà muối...

- Biết bảo quản các loại thức ăn như sữa chua, dưa muối, cà muối… tránh bị hỏng.

b. Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
GV- HS: Quan sát một số vi khuẩn có trong các thực phẩm khác như dưa muối, cà muối... bằng kính hiển vi ở các mức độ phóng đại khác nhau. - HS: Quan sát một số mẫu vi khuẩn khác trong dưa muối…nhận xét về hình dạng, cách sắp xếp của vi khuẩn. - HS: Liên hệ cách bảo quản các loại thực phẩm như sữa chua, dưa muối, cà muối… để có chất lượng thực phẩm tốt.	IV. Vận dụng, củng cố: Tìm hiểu đặc điểm một số vi khuẩn khác trong dưa muối, cà muối…

*** Hướng dẫn về nhà:**

- GV nhận xét chung giờ học; nhắc HS chuẩn bị bài sau và thu dọn phòng, vệ sinh phòng thực hành.

* Chuẩn bị bài sau:

- HS chuẩn bị mẫu vật: Sản phẩm sữa chua (HS đã thực hiện trong tiết 23).
- Phiếu báo cáo thực hành: Qui trình làm sữa chua. Nhận xét về chất lượng sản phẩm sữa chua đạt được của mỗi nhóm.

Ngày soạn: 20/11/2021
Ngày dạy: 23/11/2021

Tiết 22 + 23: BÀI 29: VIRUS

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm virus.
- Mô tả được hình dạng và cấu tạo của virus.
- Phân biệt được virus với vi khuẩn.
- Nêu được một số vai trò và ứng dụng của virus trong thực tiễn.
- Trình bày được một số bệnh do virus và cách phòng tránh bệnh do virus gây ra.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về hình dạng, cấu tạo của virus.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập KLW (nêu được những điều em đã biết, em chưa biết và em học được về chủ đề virus), hoàn thành việc thiết kế mô hình 1 loại virus
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tại sao virus thường có nhiều biến chủng, tại sao không thể chữa các bệnh do virus gây ra bằng kháng sinh.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nêu được hình dạng, cấu tạo của virus dựa vào hình ảnh quan sát được.
- Giải thích được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến virus: tại sao virus thường có nhiều biến chủng, tại sao không thể chữa các bệnh do virus gây ra bằng kháng sinh.
- Ứng dụng những kiến thức về cấu tạo của virus để đề xuất biện pháp phòng chống bệnh do virus gây ra.
- Thiết kế được mô hình của 1 loại virus và thuyết trình về sản phẩm trước lớp học.

3. Về phẩm chất:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về hình dạng, cấu tạo của virus.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm trong thực hiện các nhiệm vụ và thiết kế mô hình.
- Nghiêm túc trong việc phòng, chống các bệnh liên quan tới virus.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- Giáo án bài 29. Virus
- Bài giảng power point với nhiều hình ảnh, thông tin về virus
- Phiếu học tập KLW.
- Bảng phụ

2. Học sinh

- Vở ghi, sách giáo khoa.
- Mô hình virus do nhóm lựa chọn.
- Bài thuyết trình về mô hình virus
- Phiếu KLW do các nhóm thảo luận và hoàn thành ở nhà.

PHIẾU HỌC TẬP KLW:
TÌM HIỂU VỀ VIRUS

III. Tiến trình dạy học

1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu (7 phút)

*** Mục tiêu:** Giúp HS xác định được vấn đề của bài học hôm nay là tìm hiểu về hoạt động sống của virus

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV tổ chức trò chơi: "Lật mảnh ghép". Luật chơi: Mỗi học sinh lựa chọn một mảnh ghép và trả lời câu hỏi. Trả lời đúng được lật mảnh ghép để tìm ra bức tranh ẩn phía dưới. 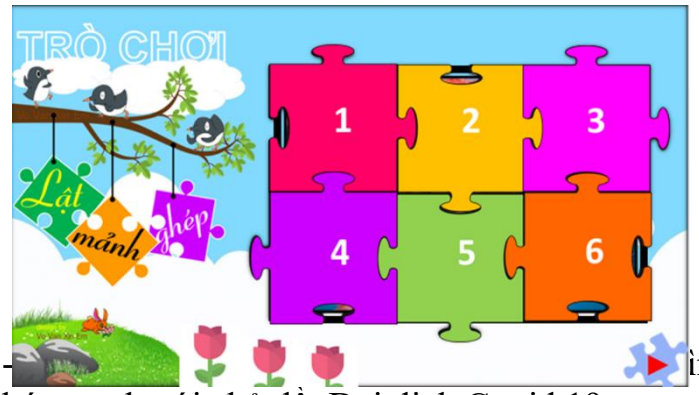 - HS tìm ra bức tranh với chủ đề: Đại dịch Covid 19. - GV nêu câu hỏi: Tác nhân gây ra dịch bệnh Covid 19 ? - HS trả lời. Nêu được: Virus Corona chủng mới SARS – CoV 2 - GV nêu thêm 1 số dịch bệnh trên thế giới cũng do virus gây ra → Giới thiệu bài mới: Virus - GV yêu cầu HS thuyết trình về phiếu học tập KLW của nhóm. - HS thuyết trình phiếu học tập KLW nhóm đã hoàn thiện ở nhà về 2 nội dung: Những điều em đã biết và em muốn biết về Virus. - GV giới thiệu bài: Kiểm chứng về những điều	Trò chơi: Lật mảnh ghép

em đã biết và tìm ra câu trả lời về những điều em muốn biết trong bài 29. Virus.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (54 phút)

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng của virus (7 phút)

*** Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm về virus.
- Nêu được các hình dạng của virus.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV giao nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm: Virus là gì ? Từ đó rút ra khái niệm virus. - HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm. Nêu được đáp án đúng: D. - HS phát biểu khái niệm virus. Các HS khác lắng nghe, nhận xét. - GV nhận xét, chốt kiến thức. - GV chiếu hình ảnh về kích thước các loại virus cho học sinh nhận xét về kích thước các loại virus. - HS nhận xét kích thước virus. - GV yêu cầu đại diện các nhóm thuyết trình về mô hình virus đã thiết kế ở nhà và nhận diện hình dạng của virus đó là gì ? - HS thực hiện nhiệm vụ: Thuyết trình về sản phẩm mô hình virus do nhóm thiết kế ở nhà. Nêu được hình dạng virus của nhóm mình. - GV hướng dẫn HS quan sát và tổng kết các hình dạng mô hình của các nhóm, tìm ra các loại hình dạng của virus. - HS kết luận được 3 dạng virus: dạng xoắn, dạng khối, dạng hỗn hợp. - GV nhận xét. Chốt kiến thức. - Chú ý: Trong quá trình dạy học, GV chú ý đến việc chữa nội dung phần Em có biết và giải đáp phần Em muốn biết trong phiếu học tập KLW của 2 nhóm.	**I. Đa dạng của virus:** - Virus là dạng sống rất nhỏ, không có cấu tạo tế nào, chỉ nhân lên trong tế bào của sinh vật sống. - Virus có 3 dạng chính: + Dạng xoắn (VD: Virus Ebola …) + Dạng khối (VD: Virus Corona…) + Dạng hỗn hợp (VD: Thể thực khuẩn T4 ….)

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về cấu tạo của virus (20 phút)

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu tạo của virus.
- Giải thích được vì sao virus không được coi là dạng sống
- Phân biệt được vi khuẩn và virus.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên	**Nội dung**

- Hoạt động của học sinh	
- GV giao nhiệm vụ cho HS: Quan sát hình ảnh, nêu các thành phần cấu tạo của virus có vỏ ngoài. - HS hoạt động cá nhân, nêu được 4 thành phần thuộc cấu tạo của virus có vỏ ngoài. - GV yêu cầu HS đối chiếu với mẫu vật virus, chỉ các thành phần của virus trên mẫu vật. - HS mô tả cấu tạo của virus trên mẫu vật. Các HS khác quan sát, nhận xét. - GV giao nhiệm vụ: + HS làm bài tập chú thích các thành phần của virus HIV và virus Parvo ? + HS trả lời câu hỏi: Có phải tất cả virus đều gồm 4 thành phần không? - HS thực hiện nhiệm vụ: + Lên bảng điền chú thích vào cấu tạo của virus HIV và virus Parvo. + HS rút ra nhận xét: Không phải tất cả virus đều đủ 4 thành phần. Các HS khác theo dõi, nhận xét. - GV nhận xét, chốt kiến thức. - GV chia lớp thành 4 nhóm và thảo luận: Nhóm 1,2: Câu 1. So sánh cấu tạo của virus và tế bào Câu 2. Vì sao nói virus chưa có cấu tạo tế bào điển hình ? Câu 3. Em có đồng ý với ý kiến: "Virus là vật thể không sống" không? Tại sao? Nhóm 3,4: Câu1. Phân biệt vi khuẩn và virus. Câu 2. Giải thích vì sao không thể chữa khỏi các bệnh liên quan đến virus bằng kháng sinh ? + HS thực hiện hoạt động nhóm, đại diện nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, làm rõ hơn các vấn đề liên hệ thực tiễn để học sinh nắm được. - Chú ý: Trong quá trình dạy học, GV chú ý đến việc chữa nội dung phần Em có biết và giải đáp phần Em muốn biết trong phiếu học tập KLW của 2 nhóm.	**II. Cấu tạo của virus:** - Virus có 2 thành phần cơ bản: + Vỏ protein + Lõi: Vật chất di truyền (ADN hoặc ARN) - Một số có thêm: vỏ ngoài, gai glycoprotein.

BÀI 29: VIRUS (tiết 2)

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về vai trò và ứng dụng của virus. (12 phút)
*** Mục tiêu:**

- Nêu được vai trò và ứng dụng của virus trong thực tiễn trên 2 lĩnh vực: y học và nông nghiệp.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV giao nhiệm vụ: yêu cầu đại diện nhóm học sinh thuyết trình về hai chủ đề: + Ứng dụng của virus trong y học + Ứng dụng của virus trong nông nghiệp. - HS thuyết trình về đề tài nhóm đã chuẩn bị. - GV cho các nhóm nhận xét, thảo luận về chủ đề nhóm đã trình bày. - HS nêu ý kiến, quan điểm về chủ đề của nhóm còn lại. - GV nhận xét, hướng dẫn HS nêu kết luận đúng về ứng dụng và vai trò của virus.	**III. Ứng dụng và vai trò của virus:** - Trong y học: Virus được sử dụng để sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học (hoocmon, protein) - Trong nông nghiệp: dùng để sản xuất thuốc trừ sâu, là công cụ "chuyển gen" tạo ra giống mới có năng xuất, chất lượng cao.

Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về một số bệnh do virus gây ra và cách phòng bệnh (15 phút)

*** Mục tiêu:**

- Nêu được vai trò và ứng dụng của virus trong thực tiễn.
- Trình bày được một số bệnh do virus và cách phòng tránh bệnh do virus gây ra.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV giao nhiệm vụ: HS liên hệ thực tiễn, trả lời câu hỏi: Virus có khả năng gây bệnh ở những đối tượng nào? Nêu một số bệnh do virus gây ra. - HS hoạt động cá nhân trả lời: Virus có khả năng gây bệnh ở những đối tượng nào? Nêu một số bệnh do virus gây ra. - GV yêu cầu liên hệ với tình hình dịch bệnh Covid 19: Em hiểu gì về đại dịch Covid 19 ? Đây là loại bệnh gì? Do tác nhân nào gây ra ? - HS liên hệ, trả lời câu hỏi. Nêu được, Covid 19 là bệnh viêm đường hô hấp cấp. Do virus Corona chủng mới Sars – CoV 2 gây ra. Khi xâm nhập vào cơ thể, gây ra các triệu chứng sốt, ho, khó thở, nặng hơn có thể gây viêm phổi, suy hô hấp, thậm chí suy hô hấp - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm thảo luận, trả lời các câu hỏi: Câu 1. Kể tên các loại vacxin mà em biết. Câu 2. Em có biết mình đã từng tiêm những loại vacxin nào không? Tại sao cần tiêm phòng	**IV. Một số bệnh do virus và cách phòng bệnh.** 1. Một số bệnh do virus. - Ở người: thủy đậu, quai bị, viêm gan B, cúm - Ở động vật, tai xanh, lở mồm long móng. - Ở thực vật: khảm ở cây đậu, xoăn lá cà chua.

nhiều loại vacxin khác nhau? Câu 3. Nêu cách phòng tránh các bệnh do virus gây ra ? - HS thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi. Đại diện nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Nêu được: 1. Các loại vacxin thường gặp: cúm, sởi, quai bị, rubella…. 2. Mỗi loại vacxin chỉ giúp cơ thể làm quen và sinh ra kháng thể với 1 hoặc 1 số mầm bệnh khác nhau. Do đó, cần phải tiêm nhiều loại vacxin khác nhau để cơ thể chống được nhiều loại bệnh hơn. 3. Để phòng, tránh bệnh do virus gây ra, cần hiểu biết về con đường truyền bệnh để có hành động trường hợp tránh bị lây bệnh (VD: đeo khẩu trang tránh tiếp xúc ngươi bị cúm) . Biện pháp hiệu quả nhất là tiêm vacxin. - GV nhận xét, chốt kiến thức.	2. Phòng bệnh do virus Sử dụng vacxin là phương pháp hữu hiệu và cần thiết để phòng bệnh do virus.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)

*** Mục tiêu:** Hệ thống lại kiến thức đã học về vai trò và tác hại của virus.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV chiếu các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm yêu cầu học sinh trả lời. Câu 1. Virus là gì? Nêu cấu tạo một virus. Câu 2. Chọn một câu trả lời đúng. A. Virus là những tế bào có kích thước nhỏ. B. Virus chưa có cấu tạo tế bào. C. Virus có khả năng tồn tại và nhân lên ngoài không khí. D. Vaccine có thể phòng được tất cả các bệnh do virus. Câu 3. Những bệnh nào sau đây do virus gây ra? A. HIV/AIDS, sốt xuất huyết, cúm, hắc lào. B, Tay chân miệng, lao, đậu mùa, viêm gan B. C. Cúm, quai bị, viêm gan B, thuỷ đậu. D. Tả, viêm gan B, đau mắt hột, herpes. - HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, chốt kiến thức.	V. Luyện tập Câu 1. - Virus là những thực thể rất nhỏ, có khả năng lây nhiễm vào tế bào của mọi sinh vật sống. - Một virus chỉ gồm vật chất di truyền (ADN hoặc ARN) được bao bọc trong vỏ protein. Một số virus có thêm vỏ ngoài và gai glycoprotein. Câu 2. B. Câu 3. C.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)

*** Mục tiêu: -** Vận dụng kiến thức đã học thiết kế poster tuyên truyền vòng đời và cách phòng chống một số bệnh phổ biến do virus gây ra.

- Vận dụng kiến thức đã học giải thích tại sao virus Corona có nhiều

0biến chủng. Từ đó nâng cao ý thức phòng tránh Covid 19.

***Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh:

+ Vận dụng kiến thức về cấu tạo virus, giải thích tại sao virus Corona có nhiều biến chủng

+ Đặt tình huống: Khi đại dịch tại 1 số địa phương bắt đầu có dấu hiệu ổn đinh, nhiều ngày không có ca mắc mới, nhiều người dân có dấu hiệu chủ quan, không thực hiện nghiêm túc quy tắc 5K. Em nghĩ sao về vấn đề này?

- HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Giải thích vì sao virus Corona có nhiều biến chủng dựa vào cấu tạo của virus rất đơn giản chỉ bao gồm lõi vật chất di truyền được bảo vệ bởi vỏ protein ở trong → vật chất di truyền dễ bị đột biến tạo ra các biến chủng Corona mới.

+ Liên hệ thực tiễn và kiến thức đã học bày tỏ quan điểm

- GV cho HS nhận xét câu trả lời của bạn và nêu đáp án đúng, chốt kiến thức.

- GV yêu cầu đại diện nhóm treo poster đã thiết kế tại nhà cho cả lớp quan sát và thuyết trình về về vòng đời và cách phòng chống một số bệnh phổ biến do virus gây ra.

- HS cử đại diện nhóm lên thuyết trình.

- GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét về hình thức, thông điệp được truyền tải trong poster.

- GV hướng dẫn học sinh có thể dán poster trong lớp học, nhà trường.

Ngày soạn: 27/11/2021

Ngày dạy: 30/11/2021

Tiết 24 + 25 : BÀI 30: NGUYÊN SINH VẬT

I. MỤC TIÊU

tiêu

1. Kiến thức:

Dựa vào hình thái

nhận biết được một số đại diện của nguyên sinh vật trong tự nhiên (trùng roi, trùng giày…). Nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.

Trình bày được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và đối với con người.

Nêu được một số bệnh cũng như các biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra (bệnh sốt rét, bệnh kiết lị).

Phân biệt nguyên sinh vật với virus và vi khuẩn.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, xem video để tìm hiểu về đa dạng nguyên sinh vật.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm xây dựng/vẽ vòng đời phát triển của trùng sốt rét.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: đưa ra được các giải pháp phòng bệnh do vi sinh vật gây ra và ứng dụng một số giải pháp trong thực tiễn.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.

Trình bày được vai trò của nguyên sinh vật với đời sống con người.

Xác định được triệu chứng một số bệnh do vi sinh vật gây ra và biện pháp phòng, chữa bệnh.

Thiết kế poster tuyên truyền phòng chống bệnh sốt rét để tuyên truyền và dán ở các khu vực trong nhà trường.

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về đa dạng nguyên sinh vật.

Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động tìm hiểu về vai trò và các bệnh liên quan tới nguyên sinh vật.

Nghiêm túc trong việc phòng, chống các bệnh liên quan tới động vật nguyên sinh.

III. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

Video về nguyên sinh vật.

Tảo xoắn, sữa tươi, sữa đặc.

Một số ứng dụng thiết kế poster, inphographic…cho HS thiết kế poster tuyên truyền.

2. Học sinh

HS chuẩn bị bài thuyết trình ở nhà về bệnh sốt rét và kiết lị.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu (6p)

*** Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề của bài học là nghiên cứu về nguyên sinh vật.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV chiếu video yêu cầu hs quan sát đoạn video bề mặt ao hồ - HS xem và nhận xét được các sinh vật sống trên bề mặt áo hồ - Gv chốt được các sinh vật đó gọi là các nguyên sinh vật → nguyên sinh vật là gì ?	Video

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng nguyên sinh vật. (25p)

*** Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số đại diện nguyên sinh vật trong tự nhiên
- Trình bày được hình dạng và đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV chiếu hình 27.1 yêu cầu học sinh quan sát hình và nhận xét hình dạng của các nguyên sinh vật 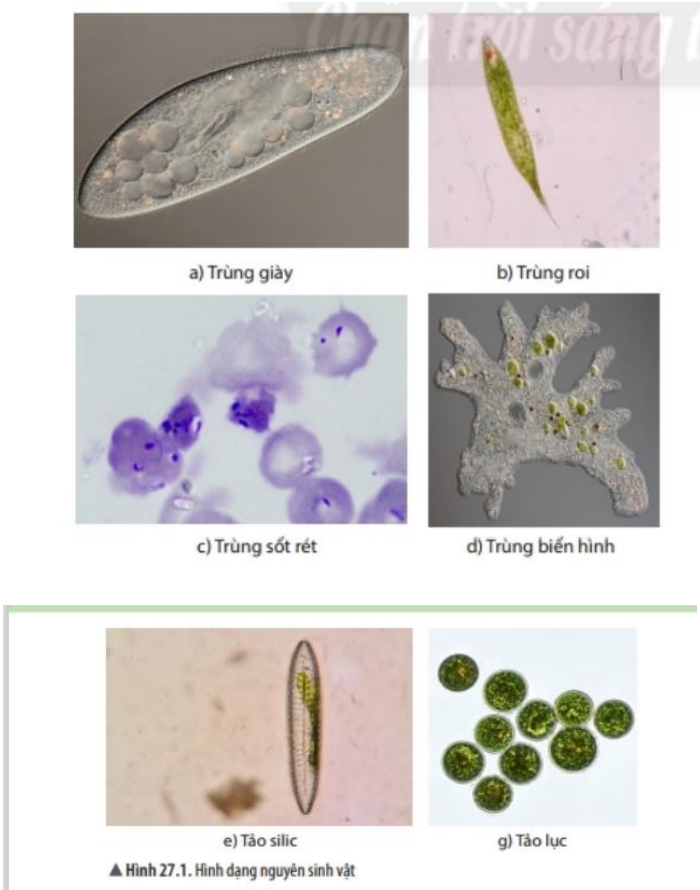 ▲ Hình 27.1. Hình dạng nguyên sinh vật Cho HS nêu những môi trường mà nguyên sinh vật có thể sống và cho ví dụ Giáo viên bổ sung một số môi trường khác của nguyên sinh vật: kí sinh trong cơ thể người hoặc động vật, ví dụ: trùng sốt rét sống trong máu người,… **Học sinh:** quan sát, nhận xét và nêu ý kiến **- Giáo viên:** chiếu hình 27.2 và cho HS thảo luận nhóm nhỏ (4 thành viên) gọi tên các thành phần cấu tạo được đánh số từ 1- 4	I. Đa dạng nguyên sinh vật - Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước hiển vi. - Đa số cơ thể chỉ gồm 1 tế bào nhưng đảm nhận đầy đủ các chức năng của một cơ thể sống - Một số sinh vật có khả năng quang hợp: tảo lục, trùng roi,.. - Nguyên sinh vật đa dạng về hình dạng (hình cầu, hình thoi, hình giày,..) một số hình dạng không xác định (trùng biến hình,..)

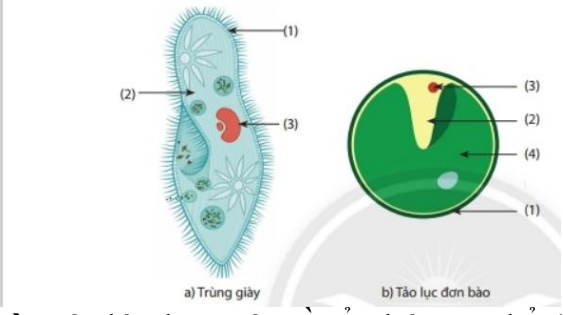 → Từ đó nhận xét về tổ chức cơ thể (đơn bào/ đa bào) của nguyên sinh vật. Giải thích vì sao? Học sinh dựa vào cấu tạo tế bào đã được học ở bài 17 để xác định các thành phần của tạo của 2 loài nguyên sinh vật. **Giáo viên**: Cho học sinh quan sát lại các loài nguyên sinh vật và hình 27.2, cho biết những nguyên sinh vật nào có khả năng quang hợp? Giải thích? Học sinh quan sát hình ảnh, dựa vào màu sắc kết hợp hình 27.2 cho nhận xét **c/ Dự kiến câu trả lời** **Câu 1:** Hình dạng: các nguyên sinh vật có nhiều hình dạng khác nhau, ví dụ: trùng đế giày giống đế giày, trùng roi hình thoi, trùng biến hình hình dạng không cố định, ….. **Câu 2**: Xác định tên các nguyên sinh vật đã quan sát được của từng nhóm ở bài 21: trùng giày hoặc trùng roi,.. **Câu 3:** Môi trường sống của nguyên sinh vật: nước ao hồ, cống rãnh,… **Câu 4:** (1) Màng sinh chất (2) Chất tế bào (3) Nhân (4) Lục lạp → **Nhận xét:** Các nguyên sinh vật là cơ thể đơn bào, vì chỉ được cấu tạo từ 1 tế bào. **d/ Đánh giá cá nhân:** Bảng kiểm	

3. Hoạt động 3: Luyện tập (7p)

*** Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV yêu cầu đại diện học sinh đứng tại chỗ hoàn thành bài tập trên máy chiếu. - HS hoàn thành bài tập. **Bài 1:** Sử dụng các từ gợi ý: *sinh vật, đơn*	**- Nội dung bài tập**

bào, đa bào, tự dưỡng, dị dưỡng, nhân thực, nguyên sinh, tế bào, phân bố để hoàn thành đoạn thông tin sau: Nguyên sinh vật có cơ thể cấu tạo chỉ gồm một (1)…….. Chúng xuất hiện sớm nhất trên hành tinh của chúng ta. Nguyên sinh vật (2)……ở khắp nơi: trong đất, trong nước, trong không khí và đặc biệt là trên cơ thể (3)……..khác. Nguyên sinh vật thuộc Giới (4)……là những sinh vật (5)……..,đơn bào, sống (6)…… Tảo thuộc Giới Nguyên sinh là những sinh vật nhân thực (7)…….hoặc (8) …….. sống (9)……..	

4. Hoạt động 4: Vận dụng , củng cố (7p)

*** Mục tiêu:** Hệ thống lại kiến thức đã học về hình dạng, cấu tạo nguyên sinh vật.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV yêu cầu đại diện nhóm lên thuyết trình về sơ đồ tư duy của nhóm mình. - HS cử đại diện nhóm lên thuyết trình. - GV quan sát, nhận xét phần trình bày và kết quả của các nhóm, tổng kết kiến thức. 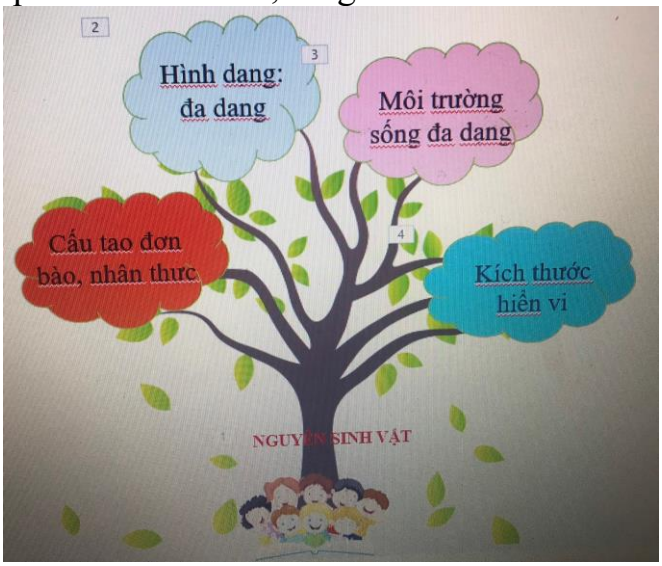	Sơ đồ tư duy.

*** Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Nguyên sinh vật là gì?

Câu 2: Nguyên sinh vật có hình dạng, cấu tạo như thế nào ?

Câu 3: Sự đa dạng của nguyên sinh vật thể hiện như thế nào ?

- Chuẩn bị cho tiết học sau:

+ 4 nhóm chuẩn bị bài thuyết trình về :
Vấn đề 1: Nguyên sinh vật có những vai trò gì?
Vấn đề 2: Cách phòng tránh các bệnh do nguyên sinh vật gây ra.
+ 4 nhóm thiết kế poster tuyên truyền phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra

Tiếp : BÀI 30. NGUYÊN SINH VẬT

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu (7p)

*** Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề của bài học là nghiên cứu về vai trò của nguyên sinh vật.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV tổ chức trò chơi: "Lật mảnh ghép". Luật chơi: Mỗi học sinh lựa chọn một mảnh ghép và trả lời câu hỏi. Trả lời đúng được lật mảnh ghép để tìm ra bức tranh ẩn phía dưới. - i cl - - - GV gợi ý học sinh nêu thêm 1 số dịch bệnh cũng do nguyên sinh vật gây ra → Giới thiệu bài mới: - GV yêu cầu HS thuyết trình về phiếu học tập KLW của nhóm. - HS thuyết trình phiếu học tập KLW nhóm đã hoàn thiện ở nhà về 2 nội dung: Những điều em đã biết và em muốn biết về vai trò của	Trò chơi: Lật mảnh ghép

nguyên sinh vật. - GV giới thiệu bài: Kiểm chứng về những điều em đã biết và tìm ra câu trả lời về những điều em muốn biết trong bài 30 .Nguyên sinh vật.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu vai trò của nguyên sinh vật và một số bệnh do nguyên sinh vật. (24p)

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được vai trò có hại của nguyên sinh vật: gây bệnh (bệnh sốt rét, bệnh kiết lị). Từ đó đề ra cách phòng tránh.
- Trình bày được vai trò có lợi của NSV trong tự nhiên và đối với con người.
- Ứng dụng làm trà sữa từ bột tảo xoắn.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV **:** Giao nhiệm vụ học tập: Đã được thực hiện ở bài hôm trước hoặc tiết 1 của bài NSV. - HS các nhóm lên thuyết trình (5 phút): + 1 HS thuyết trình + 1 HS ghi kiến thức chính lên bảng: nguyên nhân gây bệnh, chu trình phát triển và cách phòng, chống. - HS các nhóm khác nghe, phản biện và bổ sung (5 phút). - GV ghi lại các câu khó và hỗ trợ HS tìm hiểu hoặc trả lời sau khi có nhóm đã hoàn thành. - GV: Đề ra một số biện pháp để phòng chống bệnh do các loài nguyên sinh vật gây hại gây nên ? - Diệt muỗi có phải là biện pháp duy nhất phòng chống bệnh sốt rét không? Vì sao? - GV nhận xét và chốt kiến thức về sự có hại của NSV.	II. **Vai trò của nguyên sinh vật.** 1. Vai trò của nguyên sinh vật - Cung cấp oxi cho các động vật dưới nước - Là thức ăn cho động vật - Dùng làm thức ăn và chế biến thực phẩm chức năng cho người - Có vai trò trong xử lí nước thải 2. Một số bệnh do nguyên sinh vật

Tên bệnh	Nguyên nhân	Biểu hiện	Biện pháp
Bệnh kiết lị	Do trùng kiết lị gây nên	Đau bụng, tiêu chảy, phân có lẫn máu, có thể sốt	Ăn uống hợp vệ sinh, ăn chín uống sôi,…
Bệnh sốt rét	Do trùng sốt rét gây nên	Sốt cao, rét run, mệt	Diệt muỗi, vệ sinh môi trường,…

- GV cho HS tìm hiểu về lợi ích của NSV bằng cách đặt câu hỏi: + H1. NSV có những lợi ích gì? + H2. Trong thực tế, chúng ta có thể sử dụng NSV để chế tạo những món ăn nào bổ dưỡng, tốt cho sức khỏe? - HS trả lời 2 câu hỏi. GV chốt kiến thức và hướng dẫn HS cách làm trà sữa từ tảo xoắn. Từ việc làm trà sữa, cung cấp và khắc sâu cho HS vai trò có lợi của NSV.	<table><tr><td></td><td></td><td>mỏi, nôn mửa</td><td></td></tr></table> * Biện Pháp - Đề ra một số biện pháp để phòng chống bệnh do các loài nguyên sinh vật gây hại gây nên - Vệ sinh an toàn thực phẩm - Vệ sinh cá nhân và môi trường sống - Diệt muỗi, lăng quăng - Ăn uống hợp vệ sinh - Tuyên truyền vệ sinh môi trường-- Ngoài những tác hại, trong tự nhiên nguyên sinh vật cũng đóng vai trò là thức ăn của nhiều sinh vật dưới nước và có ý nghĩa bảo vệ môi trường ….

3. Hoạt động 3: Luyện tập (7p)

a) Mục tiêu: Hệ thống lại kiến thức đã học về tác hại của nguyên sinh vật , vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và đời sống con người.

b) Nội dung:

- HS trình bày nội dung phiếu học tập

c) Sản phẩm: Phiếu học tập

- Hoàn thành bảng sau:

STT	Vai trò thực tiễn	Tên sinh vật
1	Làm thức ăn cho động vật khác	
2	Gây bệnh cho người	
3	Có ý nghĩa bảo vệ môi trường	

d) Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV yêu cầu đại diện nhóm lên thuyết trình về nội dung phiếu học tập - HS cử đại diện nhóm lên thuyết trình. - GV quan sát, nhận xét phần trình bày và kết quả phiếu học tập của các nhóm, tổng kết kiến thức.	<table><tr><td>STT</td><td>Vai trò thực tiễn</td><td>Tên sinh vật</td></tr><tr><td>1</td><td>Làm thức ăn cho động vật khác</td><td>Trùng giày, trùng roi, trùng biến hình</td></tr><tr><td>2</td><td>Gây bệnh cho người</td><td>Trùng kiết lị, trùng sốt rét, trùng</td></tr></table>

			Amip
	3	Có ý nghĩa bảo vệ môi trường	Trùng lỗ

4. Hoạt động 4: Vận dụng , củng cố (7p)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học thiết kế poster tuyên truyền các thông điệp về phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.

b) Nội dung:

- HS thiết kế poster tuyên truyền về phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. và truyền đạt thông điệp trước lớp.

c) Sản phẩm:

- Poster với chủ đề về tuyên truyền phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.và bài thuyết trình về poster.

d) Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên **- Hoạt động của học sinh**	**Nội dung**
- GV yêu cầu đại diện nhóm treo poster đã thiết kế tại nhà cho cả lớp quan sát và thuyết trình về thông điệp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra trong poster. - HS cử đại diện nhóm lên thuyết trình. - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét về hình thức, thông điệp được truyền tải trong poster. - GV hướng dẫn học sinh có thể dán poster trong lớp học, nhà trường.	- Poster với chủ đề về tuyên truyền phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.

*** Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời các câu hỏi
- Chuẩn bị cho tiết học sau: Lấy mẫu nước ao, hồ.

Ngày soạn: 04/12/2021
Ngày dạy: 07/12/2021

Tiết 26: BÀI 31: THỰC HÀNH: QUAN SÁT NGUYÊN SINH VẬT

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Làm được tiêu bản nguyên sinh vật.
- Quan sát được hình dạng, cấu tạo, khả năng di chuyển của trùng roi và trùng giày bằng kính hiển vi.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Quan sát hình ảnh về nguyên sinh vật.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để làm tiêu bản nguyên sinh vật.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhìn vào tiêu bản dưới kính hiển vi, phân biệt được các nguyên sinh vật có trong môi trường tự nhiên.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Năng lực nhận thức sinh học: Làm được tiêu bản nguyên sinh vật, quan sát được hình dạng, cấu tạo và khả năng di chuyển của trùng roi, trùng giày dưới kính hiển vi.
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Phân biệt được các nguyên sinh vật và vai trò của chúng trong thực tiễn. Vẽ hình quan sát được.

3. Phẩm chất

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm chỉ, chịu khó trong việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm.
- Trung thực, cẩn thận trong sự quan sát các đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:
   - Tranh ảnh một số loài nguyên sinh vật.
   - Tiêu bản mẫu trùng roi, trùng giày
   - Video sự di chuyển của trùng roi, trùng giày.
   - Các dụng cụ thiết bị: lam kính, lamen, ống nhỏ giọt, kính hiển vi…
2. Học sinh:

Chuẩn bị mẫu vật có trong môi trường tự nhiên như dặn dò tiết trước.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Chuẩn bị, khởi động, mở bài (5p)

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
GV chiếu hình ảnh, video về 1 số nguyên sinh vật.	-Trùng giày,

HS quan sát hình ảnh và ghi lại tên các loài nguyên sinh vật đã quan sát được. HS nêu đặc điểm, vai trò của 1 số nguyên sinh vật. Hs giới thiệu sự chuẩn bị của nhóm mình. Gv bổ sung thêm cách nuôi cấy mẫu (SGK/ 106)	trùng roi, trùng biến hình, tảo lục, …

2. Hoạt động 2: Tiến hành

Hoạt động 2.1: Thực hành làm tiêu bản nguyên sinh vật (10p)

* Mục tiêu: Làm được tiêu bản tạm thời các mẫu nguyên sinh vật: động vật nguyên sinh

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: Chia lớp thành nhóm (4-6HS). Gv chiếu các bước làm tiêu bản, thao tác cho hs quan sát. - Thực hiện nhiệm vụ: Hs nhận dụng cụ làm tiêu bản. - Báo cáo, thảo luận: HS thảo luận để cùng thực hiện theo các bước làm tiêu bản của nhóm mình. Yêu cầu: Tiêu bản cần đủ nước, không xô lệch. Lưu ý HS (mục ! SGK/107) -Kết luận, nhận định: GV đánh giá kĩ năng làm tiêu bản của học sinh.	Làm tiêu bản từ giọt nước ao, hồ: - Bước 1: Nhỏ 1 giọt nước ao, hồ lên lam kính - Bước 2: Đậy lamen lên, dùng giấy thấm bớt nước thừa - Bước 3: Đặt lên kính hiển vi, vật kính 10 để quan sát, sau khi nhìn rõ, chuyển lên vật kính 40, tìm vị trí có nguyên sinh vật.

Hoạt động 2.2: Quan sát nguyên sinh vật dưới kính hiển vi (15p)

* Mục tiêu: Quan sát được hình ảnh nguyên sinh vật dưới kính hiển vi

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: Quan sát chi tiết hình dạng, cấu tạo, cách di chuyển của trùng roi và trùng giày ở vật kính 40x. - Thực hiện nhiệm vụ: HS đặt tiêu bản lên kính hiển vi, làm thao tác kết nối với máy tính bảng để hiện kết quả to rõ hơn. Sau đó hs lần lượt quan sát và trả lời các câu hỏi: + Nhờ đặc điểm nào em phân biệt được trùng roi và trùng giày? Gv chốt: Cơ thể trùng roi có dạng hình thoi, thuôn nhỏ về hai đầu. Trùng giày có hình đế giày thuôn nhỏ về phía trước, hơi phình to ở phía sau và lõm vào ở phía giữa làm cho con vật mất đối xứng. + Trùng roi di chuyển nhờ bộ phận nào? GV: Roi bơi luôn vận động, xoáy vào trong nước làm cho con vật vừa dịch chuyển về phía trước, vừa xoay quanh trục dọc cơ thể như một mũi khoan. + Trùng giày di chuyển như thế nào?	

GV: Khi di chuyển, các lông bơi hoạt động không đồng đều mà kế tiếp nhau, tạo nên các làn sóng làm cho con vật vừa tiến lên phía trước, vừa xoay quanh trục dọc của cơ thể một cách nhịp nhàng. -Báo cáo, thảo luận: Hs quan sát theo nhóm, thảo luận trả lời các CH của GV -Kết luận, nhận định: GV kết hợp giúp đỡ các nhóm. Qua đó Gv đánh giá kĩ năng thực hiện thí nghiệm của học sinh thông qua sản phẩm, khả năng điều chỉnh kính hiển vi,…	

Hoạt động 3: Thu hoạch: (10p)

* Mục tiêu: Vẽ lại hình ảnh quan sát được dưới kính hiển vi

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: Vẽ hình trùng roi, trùng giày - Thực hiện nhiệm vụ: Hs dựa vào kết quả quan sát, vẽ hình. - Báo cáo, thảo luận: Gv chiếu hình vẽ của hs, lớp quan sát. - Kết luận, nhận định: Thành viên trong nhóm đánh giá kết quả vẽ hình của bạn. Gv đánh giá kết quả học tập thông qua hình vẽ của hs, đánh giá ý thức khi tham gia học tập tại phòng thí nghiệm, kĩ năng làm việc nhóm.	Hình vẽ trùng roi, trùng giày.

Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố (5p)

+ Trùng giày và trùng roi có vai trò gì trong thực tiễn?

+ Em hãy hình thành cho mình thói quen để bảo vệ bản thân và gia đình tránh ảnh hưởng của của nguyên sinh vật.

Ngày dạy: 10/12/2021
Ngày dạy: 06/12/2021

Tiết 27 + 28 : Bài 32 : NẤM

I.MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Sau khi học xong bài này học sinh:

- Nêu được khái niệm nấm, kể tên được một số loại nấm và môi trường sống của chúng, nhận biết được 1 số đại diện nấm thông qua hình ảnh.
- Phân loại được 3 đại diện của nấm dựa vào cấu trúc của cơ quan tạo bào tử.
- Trình bày được các đặc điểm về môi trường sống, kích thước và hình thái Nấm, từ đó trình bày được sự đa dạng Nấm.
- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn.
- Nêu được một số bệnh do nấm gây ra và trình bày được cách phòng tránh bệnh.
- Vận dụng kiến thức vào giải thích các hiện tương như: kĩ thuật trồng nấm, phân biệt nấm ăn và nấm độc.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về sự đa dạng của nấm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để kể tên được các loại nấm và môi trường sống. Thảo luận để nêu đượch các bệnh về nấm.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Kể tên được một số loại nấm và môi trường sống của chúng.
- Phân loại được 3 đại diện của nấm dựa vào cấu trúc của cơ quan bào tử.

3. Về phẩm chất:

- Tự lập tự tin, tự chủ.
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân, phát triển các phẩm chất tốt đẹp: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Giáo viên:

Các hình ảnh liên quan đến nội dung trong bài, máy chiếu, silde thuyết trình, SGV,…

2. Học sinh:

- Vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu:(5p)

***Mục tiêu:** Giúp học sinh xác đinh được vấn đề học tập là tìm hiểu về nấm.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Giáo viên đặt câu hỏi xác định vấn đề, sau đó gọi	Nấm rất đa dạng, không chỉ

liên tiếp các học sinh phát biểu ý kiến và xác định được vấn đề học tập là tìm hiểu về "nấm". - Giáo viên phát phiếu học tập và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân theo yêu cầu viết trên phiếu (ô con đã biết, ô con chưa biết). - Giáo viên gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án về những điều con đã biết và chưa biết.	bao gồm cả những loại nấm thường ngày mà các em ăn như nấm kim châm, nấm rơm, nấm hương,….mà còn cả những đám mốc đen trên bánh mỳ hay mộc nhĩ chúng ta ăn đều thuộc giới Nấm.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng nấm(25p)

*** Mục tiêu:**

Quan sát hình ảnh và mô tả được các hình dạng chủ yếu của nấm.

Kể tên được các loại nấm và môi trường sống của chúng.

Từ đó nhận ra được sự đa dạng của nấm về hình dạng, môi trường sống và phân loại được 3 nhóm nấm dựa vào cấu trúc của cơ quan bào tử.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc sgk về đặc điểm chung của giới Nấm, kích thước và nơi sống của nấm. - Giáo viên giới thiệu các nhóm nấm và yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh các loại nấm và kể tên một số loại nấm mà em biết. - Yêu cầu rút ra được kích thước, cấu tạo cơ thể, thường gặp ở… **-Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + Học sinh hoạt động theo nhóm đội, quan sát hình và chuẩn bị câu trả lời. **-Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Học sinh xung phong phát biểu. - Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên chính xác hoá và gọi 1 học sinh lên nhắc lại kiến thức.	**I. Đa dạng nấm** + Nấm là những sinh vật nhân thực, đơn bào hoặc đa bào, sống dị dưỡng. + Hình dạng và kích thước của nấm vô cùng đa dạng, có những loại cơ thể dễ dàng quan sát bằng mắt thường nhưng cũng có loại chỉ có thể quan sát thấy bằng kính hiển vi. + Sinh sống ở nhiều điều kiện môi trường khác nhau, chủ yếu ở những nơi nóng ẩm, giàu dinh dưỡng, một số có thể sống ở điều kiện vô cùng khắc nghiệt. - Đại diện cho nhóm có: + Nấm túi: sinh sản bằng bao tử túi. Ví dụ: nấm mốc đen bánh mỳ, nấm men rượi… + Nấm đảm: sinh sản bằng bào tử đảm, ví dụ: nấm rơm, nấm hương, nấm sò, nấm linh chi…. + Nấm tiếp hợp: bao gồm các loại nấm mốc sinh trưởng nhanh gây ra sự ôi thiu của thức ăn như bánh mì, đào, dâu, khoai lang…trong quá trình cất trữ.

Hoạt động 2.2: Vai trò của nấm(15p)

***Mục tiêu:**

- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người.

a) Nội dung:

Hoàn thành phiếu học tập số 2 hoàn thành bảng theo mẫu sau:

Vai trò của nấm đối với con người	Tên các loại nấm
…..	…..

b) Sản phẩm:

Vai trò của nấm:

- Trong tự nhiên: tham gia vào quá trình phân hủy chất thải và xác động vật, thực vật thành các chất đơn giản cung cấp cho cây xanh và làm sạch môi trường.

+ Dùng làm thực phẩm: nấm kim châm, mộc nhĩ, nấm hương, nấm đùi gà, …

+ Dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm: nấm mem, nấm mốc, …

+ Dùng làm thuốc: nấm linh chi, đông trùng hạ thảo, …

c) Tổ chức thực hiện:

GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Phát phiếu học tập số 2 cho các nhóm.

HS thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 2.

Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên một nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chốt nội dung về cấu tạo của vi khuẩn.

d.Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Trợ giúp của giáo viên- Hoạt động của học sinh</th><th>Nội Dung</th></tr>
<tr><td>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ:
-Trước khi đọc nội dung trong SGK, Gv yêu cầu Hs nêu vai trò của nấm.
-Sau đó, Hs đọc thông tin và bổ sung vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống.
-Vận dụng kiến thức về nấm để trả lời câu hỏi hoạt động ở mục II: Dựa vào thông tin trên, trình bày vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người.
Nêu tên các loại nấm em biết và tác dụng của chúng rồi hoàn thành bảng sau theo mẫu:
<table><tr><td>Vai trò của nấm đối với con người</td><td>Tên các loại nấm</td></tr><tr><td>-Dùng làm thực phẩm</td><td></td></tr><tr><td>-Dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm</td><td></td></tr><tr><td>-Dùng làm dược liệu</td><td></td></tr></table></td><td>Vai trò của nấm.
*Trong tự nhiên: tham gia vào quá trình phân huỷ chất thải và xác động thực vật thành các chất đơn giản cung cấp cho cây xanh và làm sạch môi trường.
*Trong đời sống con người: nhiều loại nấm được sử dụng trực tiếp làm thức ăn, một só loại được dùng làm thuốc,…..Trong công nghiệp chế biến thực phẩm, nấm men còn được sử dụng trong sản xuất bánh mì, bia, rượi,….
<table><tr><td>Vai trò của nấm đối với con người</td><td>Tên các loại nấm</td></tr><tr><td>-Dùng làm thực phẩm</td><td>Nấm kim châm, nấm rơm, nấm sò, nấm hương,…</td></tr></table></td></tr>
</table>

-Em hãy giải thích vì sao cần tưới nước cho nấm. Nếu lượng nước tưới không đủ hoặc tưới kém vệ sinh thì điều gì sẽ xảy ra? -Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs đọc thông tin trong sách giáo khoa kết hợp với hiểu biết để hoàn thiện câu hỏi và hoạt động - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi HS trả lời và bổ sung nếu thiếu - Bước 4: Kết luận nhận định: Tiếp nhận câu trả lời và nhận xét câu trả lời của học sinh	-Dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm	Nấm mốc, nấm men,…..
	-Dùng làm dược liệu	Nấm linh chi, đông trùng hạ thảo,…
	Một số lưu ý khi trồng nấm làm thực phẩm: Nếu lượng nước cung cấp cho nấm không đủ thì nấm sẽ khó phát triển do nhu cầu về độ ẩm khá lớn. Nếu nước không sạch thì các vi sinh vật khác từ nước bẩn sẽ cạnh tranh dinh dưỡng với nấm làm nấm không phát triển tốt.	

(TIẾT 2)

2.1: Vai trò của nấm(15p)

***Mục tiêu:**

- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên- Hoạt động của học sinh	**Nội Dung**

-Trước khi đọc nội dung trong SGK, Gv yêu cầu Hs nêu vai trò của nấm.
-Sau đó, Hs đọc thông tin và bổ sung vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống.
-Vận dụng kiến thức về nấm để trả lời câu hỏi hoạt động ở mục II: Dựa vào thông tin trên, trình bày vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người.
Nêu tên các loại nấm em biết và tác dụng của chúng rồi hoàn thành bảng sau theo mẫu:

Vai trò của nấm đối với con người	Tên các loại nấm
-Dùng làm thực phẩm	
-Dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm	
-Dùng làm dược liệu	

-Em hãy giải thích vì sao cần tưới nước cho nấm. Nếu lượng nước tưới không đủ hoặc tưới kém vệ sinh thì điều gì sẽ xảy ra?
- Hs đọc thông tin trong sách giáo khoa kết hợp với hiểu biết để hoàn thiện câu hỏi và hoạt động
- GV gọi HS trả lời và bổ sung nếu thiếu
- Tiếp nhận câu trả lời và nhận xét câu trả lời của học sinh

Vai trò của nấm.
*Trong tự nhiên: tham gia vào quá trình phân huỷ chất thải và xác động thực vật thành các chất đơn giản cung cấp cho cây xanh và làm sạch môi trường.
*Trong đời sống con người: nhiều loại nấm được sử dụng làm thức ăn, một só loại được dùng làm thuốc,…..Trong công nghiệp chế biến thực phẩm, nấm men còn được sử dụng trong sản xuất bánh mì, bia, rượi,….

Vai trò của nấm đối với con người	Tên các loại nấm
-Dùng làm thực phẩm	Nấm kim châm, nấm rơm, nấm sò, nấm hương,…
-Dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm	Nấm mốc, nấm men,…..
-Dùng làm dược liệu	Nấm linh chi, đông trùng hạ thảo,…

Một số lưu ý khi trồng nấm làm thực phẩm:
Nếu lượng nước cung cấp cho nấm không đủ thì nấm sẽ khó phát triển do nhu cầu về độ ẩm khá lớn. Nếu nước không sạch thì các vi sinh vật khác từ nước bẩn sẽ cạnh tranh dinh dưỡng với nấm làm nấm không phát triển tốt.

Hoạt động 2.3: Một số bệnh do nấm(20p)
***Mục tiêu:** HS khám phá tác hại của nấm thông qua các ví dụ trong đời sống hàng ngày.
*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên- Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Yêu cầu Hs đọc SGK nêu các bệnh do nấm gây ra ở người, động vật và thực vật. GV có thể cho HS làm việc theo nhóm,	**II. Một số bệnh do nấm** Những bệnh do nấm gây lên: bệnh nấm lưỡi, lang ben, hắc lào,…ở người, bệnh mốc cam ở thực vật, bệnh nấm da ở

mỗi nhóm tìm hiểu 1 số bệnh gây ra theo các tiêu chí: +Nguyên nhân +Biểu hiện +Con đường truyền bệnh +Cách phòng bệnh - HS đọc thông tin SGK và ghi lại 2 câu trả lơi, chuẩn bị trả lời trước lớp - GV gọi 1 số HS trả lời, HS còn lại nhận xét. - GV cung cấp thêm kiến thức về nấm độc cho HS: Khi ăn phải nấm độc , triệu chứng ngộ độc nấm thường gặp đầu tiên là loạn nhịp thở, chóng mặt, buồn nôn, rối loạn hoạt động của bộ máy tiêu hoá, gan thận, co giật, rối loạn thần kinh, tim mạch, hôn mê và tê liệt thần kinh trung ương. Cấn nhanh chóng thực hiện các biện pháp đào thải được độc tố ra ngoài cơ thể như: -Cố gắng để người bệnh nôn ra thức ăn có nấm vừa ăn trong vòng 1 giờ đầu tiên. -Trường hợp bệnh nhân xuất hiện triệu chứng lạ sau 6 giờ ăn nấm thì có thể cho uống thuốc theo chỉ thị của bác sĩ. -Nhân viên y tế thực hiện biện pháp rửa dạ dày cho bệnh nhân và thời gian sau khi ăn trong vòng 1 -2 giờ.	động vật, ngộ độc thực phẩm,…. Một số biện pháp phòng chống các bệnh thường gặp do nấm gây ra: + Sử dụng các loại thuốc theo chỉ dẫn + Vệ sinh cá nhân thường xuyên + Vệ sinh môi trường sống xung quanh sạch sẽ, mát mẻ, đủ ánh sáng. Khi mua đồ ăn, thức uống chúng ta phải quan tâm đến màu sắc và han sử dụng của sản phẩm, vì khi chúng có màu sắc bất thường hay quá hạn sử dụng, rất dễ chứa nấm mốc độc hại ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ của con người khi ăn phải.

3. Hoạt động 3: Luyện tập(15,p)

*** Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giao viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
<u>Bài 1:</u> - Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần "Con học được trong giờ học" trên phiếu học tập và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy - Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.	HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập . Sơ đồ tư duy các con vẽ trong vở hoặc giấy A4

- Báo cáo: GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. - Kết luận: GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng. + GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập để đánh giá được mức độ hiểu bài và ôn tập kiến thức bài: Câu 1: em hãy nêu 1 số ứng dụng của nấm đối với con người? Câu 2: Dựa vào kiến thức đã học em hãy giải thích vì sao các bệnh ngoài da ở người do nấm gây ra rất dễ lây lan qua tiếp xúc và dùng chung quần áo. +GV hoàn thành vào vở và xung phong đứng trước lớp trình bày lại câu trả lời câu hỏi của mình. +GV và học sinh còn lại lắng nghe và nhận xét: Câu 1: Một số ứng dụng của nấm đối với con người: sử dụng làm thực phẩm, sản xuất một số thực phẩm lên men như bia, bánh mì, ….. làm dược liệu, sản xuất thuốc,…. Câu 2: Các bệnh do nấm gây ra rất dễ lây lan qua tiếp xúc quần áo vì các bào tử của nấm có thể tồn tại lâu trên quần áo hoặc cơ thể người bệnh, di chuyển tới người khác qua tiếp xúc.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng củng cố:(5p)

***Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

***Tổ chức thực hiện:**

- Học sinh đọc mục "em có biết"
- Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp phần thực hành quan sát nấm và nộp sản phẩm vào tiết sau.

***Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài.
- Chuẩn bị nội dung bài tiếp theo: TH: Quan sát các loại nấm.

Hoàn thành phiếu học tập số 2 hoàn thành bảng theo mẫu sau:

Vai trò của nấm đối với con người	Tên các loại nấm

…..	…..

Ngày soạn: 11/12/2021
Ngày dạy: 14/12/2021

Tiết: 29 BÀI 33: THỰC HÀNH QUAN SÁT CÁC LOẠI NẤM

I. Mục tiêu

1. **Kiến thức:**

Trình bày được cách thức quan sát một số loại nấm.

Sử dụng được kính lúp, kính hiển vi để thực hiện quan sát được một số loại nấm.

Mô tả được đặc điểm của một số loại nấm dựa trên kết quả quan sát (nấm mốc, nấm đảm- nấm quả).

Quan sát, xác định được các bộ phận của nấm quả trên mẫu vật.

Vẽ được hình ảnh một số loại nấm đã quan sát.

Tìm hiểu cách trồng và thực hiện trồng thử một mẫu nấm đảm có ích (tùy theo điều kiện của HS).

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về cách thức quan sát một số loại nấm, tự chuẩn bị được mẫu nấm (nấm mốc, nấm đảm); chủ động thực hiện nhiệm vụ quan sát và thảo luận nhóm.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra cách thức quan sát; trao đổi kết quả quan sát, rút ra nhận xét và hoàn thiện báo cáo thu hoạch.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện quan sát và mô tả được đặc điểm của một số mẫu nấm thường gặp, thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Nhận thức khoa học tự nhiên: trình bày được cách quan sát, mô tả được đặc điểm và hệ thống được các đặc điểm của các mẫu nấm quan sát.

Tìm hiểu tự nhiên: thực hiện quan sát bằng mắt thường, sử dụng kính lúp, kính hiển vi để quan sát một số mẫu nấm; hệ thống và trình bày được kết quả quan sát thông qua báo cáo thu hoạch.

Vận dụng kiến thức: nhận dạng được nấm trong tự nhiên và mô tả được đặc điểm của các đại diện nấm HS bắt gặp trong tự nhiên, thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích.

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập của cá nhân và phối hợp tích cực với các thành viên trong nhóm.

Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả dựa theo kết quả quan sát.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Dụng cụ, thiết bị: Kính hiển vi, kính lúp, dao mổ, lam kính, giấy thấm, nước cất, panh, kim mũi mác, lamen, ống nhỏ giọt, khẩu trang (đủ theo số lượng các nhóm).

Mẫu vật + hình ảnh: một số mẫu nấm mốc trên bánh mì/ cơm, quả cà chua,…; một số loại nấm tươi: nấm sò, nấm đùi gà, nấm kim châm, mộc nhĩ, nấm hương, nấm rơm,…

Hình ảnh cấu tạo một nấm quả.

Phiếu Báo cáo thu hoạch.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập: quan sát tìm hiểu một số loại nấm

*** Mục tiêu:** HS xác định được nhiệm vụ của tiết học: thực hành quan sát một số loại nấm và báo cáo, phân tích, tổng hợp kết quả quan sát.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV nêu câu hỏi: Hãy nêu nhanh 3 đặc điểm về nấm mà em biết. - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trả lời, những HS trình bày sau không trùng với ý kiến của HS trình bày trước. GV ghi nhanh ý kiến của HS trên bảng. - GV giới thiệu mẫu vật/hình ảnh: mẫu nấm mốc trên bánh mì, nấm tươi-	Câu trả lời của HS về đặc điểm của nấm mà em biết, em đã được học (có thể dễ dàng tìm kiếm được nấm ở những nơi ẩm có chất dinh dưỡng; có nhiều loại nấm với hình dạng, kích thước đa dạng; có loại nấm ăn được, có loại gây độc,…).

nấm kim châm, nấm hương, nấm rơm,… → cùng nhau quan sát một số loại nấm để tìm hiểu thêm về đặc điểm cấu tạo của nấm.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về cách thức quan sát nấm và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch.

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được cách thức quan sát một số loại nấm, làm tiêu bản và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch trong tiết thực hành.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
.- GV giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm: Nghiên cứu tài liệu SGK, thảo luận nhóm, nêu cách thức quan sát nấm và làm tiêu bản. - HS thực hiện hoạt động học tập, thảo luận, thống nhất ý kiến, trình bày rõ cách thực hiện. - GV tổ chức thảo luận chung: gọi đại diện nhóm trình bày cách quan sát, nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét và nhấn mạnh cách quan sát, phát Phiếu Báo cáo thu hoạch → HS hiểu rõ cách thức quan sát nấm và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch. + Lưu ý: Rửa tay trước và sau khi làm thí nghiệm, đảm bảo đúng quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm. - Thảo luận nhóm, hoàn thiện bản báo cáo thu hoạch (Phụ lục).	- Học sinh nêu được cách thức quan sát nấm và làm tiêu bản: + Quan sát bằng mắt thường và kính lúp: hình dạng, màu sắc, cấu trúc của đám mốc trên các mẫu vật; hình dạng, xác định các bộ phận của một nấm quả. + Nêu được các bước làm tiêu bản sợi nấm mốc: • B1: Dùng panh gắp một đám mốc nhỏ trên lam kính. • B2: Nhỏ 1-2 giọt nước cất lên đám mốc trên lam kính. • B3: Dùng kim tách nhẹ đám mốc thành các mảnh nhỏ. • B4: Đậy lamen lên, thấm nước thừa, quan sát dưới kính hiển vi (độ phóng đại 200-400).

- GV giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm: Nghiên cứu tài liệu SGK, thảo luận nhóm, nêu cách thức quan sát nấm và làm tiêu bản.
- HS thực hiện hoạt động học tập, thảo luận, thống nhất ý kiến, trình bày rõ cách thực hiện.
- GV tổ chức thảo luận chung: gọi đại diện nhóm trình bày cách quan sát, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và nhấn mạnh cách quan sát, phát Phiếu Báo cáo thu hoạch → HS hiểu rõ cách thức quan sát nấm và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch.

Hoạt động 2.2: Tiến hành làm tiêu bản, quan sát mẫu nấm và ghi kết quả quan sát

*** Mục tiêu:**

- Sử dụng được kính lúp, kính hiển vi để thực hiện quan sát được một số loại nấm.
- Mô tả được đặc điểm của một số loại nấm dựa trên kết quả quan sát (nấm mốc, nấm đảm- nấm quả).
- Quan sát, xác định được các bộ phận của nấm quả trên mẫu vật.
- Vẽ được hình ảnh một số loại nấm đã quan sát.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
.GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện theo nhóm: + Quan sát bằng mắt thường, kính lúp một số loại nấm mốc, một số nấm quả kim châm, nấm rơm, nấm hương, nấm sò. + Làm tiêu bản nấm mốc trắng, mốc đen bánh mì, quan sát dưới kính hiển vi. + Ghi lại kết quả quan sát, thảo luận, hoàn thiện nội dung Phiếu báo cáo thực hành. - HS thực hiện nhiệm vụ. - Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung (GV chiếu báo cáo thực hành của các nhóm để HS nhận xét). - Kết luận: GV nhận xét kết quả hoạt động, đánh giá hiệu quả thực hành của các nhóm.	- Tiêu bản nấm mốc. - Báo cáo thu hoạch.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

*** Mục tiêu:**

- HS vận dụng kiến thức, quan sát, mô tả và xác định được các bộ phận trên một số mẫu nấm: nấm đùi gà, mộc nhĩ.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Giao nhiệm vụ học tập: GV phát mẫu vật cho các nhóm, nêu yêu cầu quan sát: mô tả đặc điểm hình dạng, xác định cấu tạo của một số nấm quả: mộc nhĩ, nấm đùi gà. - Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.	- HS mô tả, xác định trên mẫu vật.

- Báo cáo: GV gọi đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Kết luận: GV nhận xét, nhấn mạnh: Các loại nấm mốc thường có kích thước nhỏ, các loại nấm quả: phần cơ quan sinh dưỡng có dạng sợi thường ăn sâu vào cơ chất để lấy chất dinh dưỡng, phần cuống nấm và mũ nấm thuộc vào cơ quan sinh sản thường được con người khai thác làm thức ăn. Một số loại nấm có độc.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

*** Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học, hợp tác, tìm tòi cách trồng nấm và thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích tại nhà.

*** Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu.
- HS hoạt động theo nhóm, tìm thông tin và thực hiện ở nhà, mang sản phẩm tới lớp để giới thiệu.
- GV+ HS: nhận xét, phân tích, đánh giá sản phẩm của HS, rút kinh nghiệm.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO THU HOẠCH
BÀI 33. THỰC HÀNH: QUAN SÁT CÁC LOẠI NẤM
Nhóm:... Lớp:….

1. Mô tả các loại nấm mốc trên mẫu vật đã chuẩn bị theo các tiêu chí trong bảng sau:

Tiêu chí so sánh / **Mốc trên mẫu vật**	**Màu sắc**	**Hình dạng**	**Cấu tạo sợi mốc (có thể vẽ hình)**
Mốc trắng trên bánh mì/ cơm	Màu trắng	Sợi	Sợi nấm màu trắng, phân nhánh nhiều, không có vách ngăn ngang, chứa nhiều nhân.

2. Dựa trên kết quả quan sát các thành phần cấu tạo của mỗi mẫu nấm đã chuẩn bị, em hãy hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây:

Cấu tạo / **Tên nấm**	Vảy nấm	Mũ nấm	Phiến nấm	Cổ nấm	Cuống nấm	Bao gốc	Sợi nấm
Nấm sò		✓	✓		✓		✓
Nấm kim châm							
Nấm rơm							
Nấm hương							

3. Vẽ hình ảnh của loại nấm đã quan sát được, chú thích các bộ phận của nấm:

Tiết 29. BÀI 33: THỰC HÀNH QUAN SÁT CÁC LOẠI NẤM

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

Trình bày được cách thức quan sát một số loại nấm.

Sử dụng được kính lúp, kính hiển vi để thực hiện quan sát được một số loại nấm.

Mô tả được đặc điểm của một số loại nấm dựa trên kết quả quan sát (nấm mốc, nấm đảm- nấm quả).

Quan sát, xác định được các bộ phận của nấm quả trên mẫu vật.

Vẽ được hình ảnh một số loại nấm đã quan sát.

Tìm hiểu cách trồng và thực hiện trồng thử một mẫu nấm đảm có ích (tùy theo điều kiện của HS).

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về cách thức quan sát một số loại nấm, tự chuẩn bị được mẫu nấm (nấm mốc, nấm đảm); chủ động thực hiện nhiệm vụ quan sát và thảo luận nhóm.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra cách thức quan sát; trao đổi kết quả quan sát, rút ra nhận xét và hoàn thiện báo cáo thu hoạch.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện quan sát và mô tả được đặc điểm của một số mẫu nấm thường gặp, thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Nhận thức khoa học tự nhiên: trình bày được cách quan sát, mô tả được đặc điểm và hệ thống được các đặc điểm của các mẫu nấm quan sát.

Tìm hiểu tự nhiên: thực hiện quan sát bằng mắt thường, sử dụng kính lúp, kính hiển vi để quan sát một số mẫu nấm; hệ thống và trình bày được kết quả quan sát thông qua báo cáo thu hoạch.

Vận dụng kiến thức: nhận dạng được nấm trong tự nhiên và mô tả được đặc điểm của các đại diện nấm HS bắt gặp trong tự nhiên, thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích.

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập của cá nhân và phối hợp tích cực với các thành viên trong nhóm.

Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả dựa theo kết quả quan sát.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Dụng cụ, thiết bị: Kính hiển vi, kính lúp, dao mổ, lam kính, giấy thấm, nước cất, panh, kim mũi mác, lamen, ống nhỏ giọt, khẩu trang (đủ theo số lượng các nhóm).

Mẫu vật + hình ảnh: một số mẫu nấm mốc trên bánh mì/ cơm, quả cà chua,…; một số loại nấm tươi: nấm sò, nấm đùi gà, nấm kim châm, mộc nhĩ, nấm hương, nấm rơm,…

Hình ảnh cấu tạo một nấm quả.

Phiếu Báo cáo thu hoạch.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập: quan sát tìm hiểu một số loại nấm

*** Mục tiêu:** HS xác định được nhiệm vụ của tiết học: thực hành quan sát một số loại nấm và báo cáo, phân tích, tổng hợp kết quả quan sát.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của HS	Nội dung
- GV nêu câu hỏi: Hãy nêu nhanh 3 đặc điểm về nấm mà em biết. - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trả lời, những HS trình bày sau không trùng với ý kiến của HS trình bày trước. GV ghi nhanh ý kiến của HS trên bảng. - GV giới thiệu mẫu vật/hình ảnh: mẫu nấm mốc trên bánh mì, nấm tươi-nấm kim châm, nấm hương, nấm rơm,… → cùng nhau quan sát một số loại nấm để tìm hiểu thêm về đặc điểm cấu tạo của nấm.	Câu trả lời của HS về đặc điểm của nấm mà em biết, em đã được học (có thể dễ dàng tìm kiếm được nấm ở những nơi ẩm có chất dinh dưỡng; có nhiều loại nấm với hình dạng, kích thước đa dạng; có loại nấm ăn được, có loại gây độc,…).

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về cách thức quan sát nấm và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch.

***Mục tiêu:**

- Trình bày được cách thức quan sát một số loại nấm, làm tiêu bản và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch trong tiết thực hành.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên - Hoạt động của HS	Nội dung
- GV giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm: Nghiên cứu tài liệu SGK, thảo luận nhóm, nêu cách thức quan sát nấm và làm tiêu bản. - HS thực hiện hoạt động học tập, thảo luận, thống nhất ý kiến, trình bày rõ cách thực hiện. - GV tổ chức thảo luận chung: gọi đại diện nhóm trình bày cách quan sát, nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét và nhấn mạnh cách quan sát, phát Phiếu Báo cáo thu hoạch → HS hiểu rõ cách thức quan sát nấm và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch.	- Học sinh nêu được cách thức quan sát nấm và làm tiêu bản: + Quan sát bằng mắt thường và kính lúp: hình dạng, màu sắc, cấu trúc của đám mốc trên các mẫu vật; hình dạng, xác định các bộ phận của một nấm quả. + Nêu được các bước làm tiêu bản sợi nấm mốc: • B1: Dùng panh gắp một đám mốc nhỏ trên lam kính. • B2: Nhỏ 1-2 giọt nước cất lên đám mốc trên lam kính. • B3: Dùng kim tách nhẹ đám mốc thành các mảnh nhỏ.

	• B4: Đậy lamen lên, thấm nước thừa, quan sát dưới kính hiển vi (độ phóng đại 200-400). + Quan sát

Hoạt động 2.2: Tiến hành làm tiêu bản, quan sát mẫu nấm và ghi kết quả quan sát

***Mục tiêu:**

- Sử dụng được kính lúp, kính hiển vi để thực hiện quan sát được một số loại nấm.
- Mô tả được đặc điểm của một số loại nấm dựa trên kết quả quan sát (nấm mốc, nấm đảm- nấm quả).
- Quan sát, xác định được các bộ phận của nấm quả trên mẫu vật.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp/ hướng dân của GV – Hoạt động của HS	Nội Dung
- GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện theo nhóm: + Quan sát bằng mắt thường, kính lúp một số loại nấm mốc, một số nấm quả kim châm, nấm rơm, nấm hương, nấm sò. + Làm tiêu bản nấm mốc trắng, mốc đen bánh mì, quan sát dưới kính hiển vi. + Ghi lại kết quả quan sát, thảo luận, hoàn thiện nội dung Phiếu báo cáo thực hành. - HS thực hiện nhiệm vụ. - Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung (GV chiếu báo cáo thực hành của các nhóm để HS nhận xét). - Kết luận: GV nhận xét kết quả hoạt động, đánh giá hiệu quả thực hành của các nhóm	- Tiêu bản nấm mốc. - Báo cáo thu hoạch.

.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

***Mục tiêu:**

- HS vận dụng kiến thức, quan sát, mô tả và xác định được các bộ phận trên một số mẫu nấm: nấm đùi gà, mộc nhĩ.

b) Nội dung:

- HS quan sát, mô tả đặc điểm hình dạng, xác định được các bộ phận trên một số mẫu nấm.

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của GV – Hoạt động của HS	Nội dung
- Giao nhiệm vụ học tập: GV phát mẫu vật cho các nhóm, nêu yêu cầu quan sát: mô tả đặc điểm hình dạng, xác định cấu tạo của một số nấm quả: mộc nhĩ, nấm đùi gà. - Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. - Báo cáo: GV gọi đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Kết luận: GV nhận xét, nhấn mạnh: Các loại nấm mốc thường có kích thước nhỏ, các loại nấm quả: phần cơ quan sinh dưỡng có dạng sợi thường ăn sâu vào cơ chất để lấy chất dinh dưỡng, phần cuống nấm và mũ nấm thuộc vào cơ quan sinh sản thường được con người khai thác làm thức ăn. Một số loại nấm có độc.	- HS mô tả, xác định trên mẫu vật.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

***Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học, hợp tác, tìm tòi cách trồng nấm và thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích tại nhà.

***Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu. HS tự trồng loại nấm có thể trồng.
- HS hoạt động theo nhóm, tìm thông tin và thực hiện ở nhà, mang sản phẩm tới lớp để giới thiệu.
- GV+ HS: nhận xét, phân tích, đánh giá sản phẩm của HS, rút kinh nghiệm.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO THU HOẠCH
BÀI 33. THỰC HÀNH: QUAN SÁT CÁC LOẠI NẤM
Nhóm:... Lớp:….

1. Mô tả các loại nấm mốc trên mẫu vật đã chuẩn bị theo các tiêu chí trong bảng sau:

Tiêu chí so sánh / **Mốc trên mẫu vật**	**Màu sắc**	**Hình dạng**	**Cấu tạo sợi mốc (có thể vẽ hình)**
Mốc trắng trên bánh mì/ cơm	Màu trắng	Sợi	Sợi nấm màu trắng, phân nhánh nhiều, không có vách ngăn ngang, chứa nhiều nhân.

2. Dựa trên kết quả quan sát các thành phần cấu tạo của mỗi mẫu nấm đã chuẩn bị, em hãy hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây:

Cấu tạo / **Tên nấm**	Vảy nấm	Mũ nấm	Phiến nấm	Cổ nấm	Cuống nấm	Bao gốc	Sợi nấm
Nấm sò		✓	✓		✓		✓
Nấm kim châm							
Nấm rơm							
Nấm hương							

Ngày soạn: 18/12/2021
Ngày dạy: 21/12/2021

TIẾT 30. ÔN TẬP HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Củng cố, hệ thống hóa các kiến thức đã học về tế bào, từ tế bào đến cơ thể, đa dạng thế giới sống đến bài Nấm.
- Vận dụng kiến thức để giải các bài tập lý thuyết và giải thích các hiện tượng trong thực tiễn.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp.
- Năng lực hợp tác.
- Năng lực tự chủ, tự học.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Năng lực phân tích, tổng hợp kiến thức.
- Năng lực vận dụng kiến thức sinh học trả lời câu hỏi, bài tập
- Năng lực vận dụng kiến thức sinh học giải thích các hiện tượng thực tiễn.
- Năng lực quan sát,năng lực ghi nhớ kiến thức.

3. Về phẩm chất:

- Sôi nổi hào hứng trong khi ôn tập.
- Làm việc nghiêm túc, tự giác, tích cực, hợp tác trong học tập.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập của cá nhân và phối hợp tích cực với các thành viên trong nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy chiếu, máy tính, nội dung câu hỏi và các hình ảnh
- Bài giảng powrepont
- Hình ảnh:

+ Các thành phần chính của tế bào; tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực; tế bào động vật, tế bào thực vật.
+ Quá trình lớn lên và sinh sản của tế bào
+ Một số sinh vật đơn bào, đa bào
+ Sơ đồ mô tả các cấp độ tổ chức từ tế bào đến cơ thể ở cây xanh.
+ Sơ đồ mô tả các cấp độ tổ chức của cơ thể người.
+ Mô hình: cơ thể người, một số cơ quan ở cây xanh.
+ Hình ảnh một số loài sinh vật
+ Sơ đồ các đơn vị phân loại sinh vật

2. Học sinh: Chuẩn bị nội dung ôn tập, sách, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Đặt vấn đề (3ph)

Để củng cố toàn bộ những kiến thức mà các em đã được tìm hiểu trong chương V, VI và bài "Hệ thống phân loại sinh vật" trong chương VII, cũng là chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra, đánh giá học kì I sắp tới chúng ta tiến hành ôn tập.

2. Hoạt động 2: Tổ chức ôn tập (40ph)

* Mục tiêu: Hệ thống được các kiến thức cơ bản trong chương V, VI và bài "Hệ thống phân loại sinh vật"

*Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>- Giáo viên cho HS trình bày tóm tắt kiến thức tổng kết về tế bào bằng sơ đồ tư duy.
- HS trình bày tóm tắt kiến thức tổng kết về tế bào bằng sơ đồ tư duy (đã chuẩn bị ở nhà).
- HS khác nhận xét bổ sung. GV nhận xét, cho điểm.
- Giáo viên hệ thống các kiến thức về tế bào bằng hệ thống câu hỏi
- GV ghi lại ý kiến của HS → dẫn dắt để HS quan tâm

- Giáo viên đưa hình vẽ
- Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên, quan sát hình để trả lời câu hỏi

- Giáo viên đưa phiếu học tập phân biệt sự khác nhau về thành phần cấu tạo giữa tế bào động vật và tế bào thực vật
- HS tiếp nhận yêu cầu giáo viên giao hoàn thành phiếu học tập
- Đại diện nhóm trình bày
- Nhóm khác bổ sung

- Giáo viên đưa phiếu học tập: Phân biệt sinh vật đơn bào và đa bào

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ giáo</td><td><u>I. Tế bào</u>:
* Vì sao nói tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống (vì tế bào thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản như: sinh sản,sinh trưởng, hấp thụ chất dinh dưỡng, hô hấp, cảm giác, bài tiết)
* Tại sao mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau? (Mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau để phù hợp với chức năng của chúng)
* Sơ đồ dưới đây mô tả tế bào của loài sinh vật nào? Điền các thành phần của tế bào vào hình vẽ (Tế bào thực vật)
 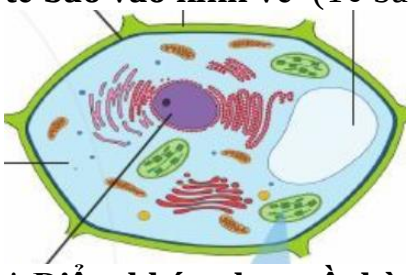
* Điểm khác nhau về thành phần cấu tạo giữa tế bào động vật và tế bào thực vật:
<table>
<tr><th>Thành phần</th><th>Tế bào động vật</th><th>Tế bào vật</th></tr>
<tr><td>Thành tế bào</td><td>Không có</td><td>Có, giữ dạng t được ổn</td></tr>
<tr><td>Màng tế bào</td><td>có</td><td>có</td></tr>
<tr><td>Tế bào chất</td><td>Có chứa : ti thể, 1 số tế bào có không bào nhỏ</td><td>Có chứa không b lục lạp diệp lụ hấp th sang mặ</td></tr>
<tr><td>Nhân</td><td>Có nhân hoàn chỉnh</td><td>Có nhâ chỉnh</td></tr>
<tr><td>Lục lạp</td><td>Không có</td><td>Có lục lạ</td></tr>
</table>
* Sự sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì? (ý nghĩa của lớn lên và phân chia TB giúp cơ thể lớn lên và thay thế các TB già chết tự nhiên.)
<u>II. Từ tế bào đến cơ thể:</u>
* Phân biệt sinh vật đơn bào và sinh vật đa bào:</td></tr>
</table>

viên giao hoàn thành phiếu học tập

- HS thảo luận theo cặp, quan sát, phân tích hình ảnh, nêu ý kiến.
- Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm nêu ý kiến, nhóm khác nhận xét, bổ sung

→ HS khái quát, thực hiện yêu cầu

- Gọi 1-> 2 HS trả lời
- HS khác nhận xét

- HS quan sát tranh, mô hình cơ thể người: nhận dạng và xác định vị trí một số cơ quan, hệ cơ quan, cấu tạo cơ thể người.
- HS vận dụng kiến thức bài học, trả lời câu hỏi.

- GV đưa câu hỏi
- HS tiếp nhận và trả lời

- GV đưa câu hỏi
- HS tiếp nhận nhiệm vụ trả lời câu hỏi

- HS Quan sát sơ đồ hình 25.2
gọi tên được các bậc phân loại của hoa li và sư tử theo các bậc phân loại của thế giới sống từ thấp đến cao: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.

- Yêu cầu HS quan sát sơ đồ hệ thống 5 giới trong hình 25.4. liệt kê các sinh vật thuộc mỗi giới vào bảng

Tiêu chí	**Sinh vật đơn bào**	
Số lượng tế bào	1	
Số loại tế bào	1 (Các hoạt động sống đ thực hiện trong khuôn kh tế bào)	
Cấu tạo từ tế bào nhân sơ hay tế bào nhân thực	- Có đại diện cấu tạo từ bào nhân sơ (vi khuẩn). - Có đại diện cấu tạo từ bào nhân thực (trùng g trùng biến hình,…)	
Ví dụ	Trùng biến hình, các loà khuẩn,…	

*** Liệt kê các cấp độ tổ chức của cơ thể cây xanh theo thứ tự từ thấp đến cao** (Tế bào→ Mô→ Cơ quan → Hệ cơ quan→ Cơ thể)

*** Hệ cơ quan có những cơ quan nào? Nêu chức năng của hệ cơ quan đó đối với cơ thể?**

STT	**Tên hệ cơ quan**	**Tên các cơ quan của hệ**	**Chú năn**
1	Hệ hô hấp		
2	Hệ tuần hoàn		

*** Theo em, sinh vật đơn bào hay đa bào tiến hóa hơn? Vì sao?** (Sinh vật đa bào tiến hóa hơn sinh vật đơn bào vì cơ thể gồm nhiều tế bào, các tế bào chuyên hóa, được tổ chức chặt chẽ theo các cấp độ từ thấp đến cao: Tế bào → Mô → Cơ quan → Hệ cơ quan → Cơ thể.)

III. Đa dạng thế giới sống:

*** Vì sao cần phân loại thế giới sống?**

(Phân loại thế giới sống giúp cho việc gọi tên sinh vật và xác định mối quan hệ họ hàng giữa các nhóm sinh vật với nhau được thuận lợi)

*** Nêu các bậc phân loại của hoa li và sư tử theo các bậc phân loại của thế giới sống từ thấp đến cao?**

Loài	**Chi**	**Họ**	**Bộ**	**Lớp**	**Ngành**	**Giới**
Hoa	Lo	Bác	Hà	Một	Hạt	Thự

- HS nêu liệt kê được các sinh vật thuộc mỗi giới vào bảng
- HS thực hiện nhiệm vụ: mỗi cá nhân sẽ quan sát Hình 25.5 – SGK/89 kết hợp với kiến thức đã biết để tìm câu trả lời.
- Báo cáo kết quả: GV gọi ngẫu nhiên 1 học sinh báo cáo kết quả, các HS khác sẽ nhận xét và bổ sung ý kiến.
- GV chốt đáp án: GV nhận xét và kết luận
- Giáo viên cho HS ôn một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Sinh vật nào dưới đây là đơn bào?
A. Người. B. Cây chuối.
C. Cây hoa hướng dương.
D. Tảo lục.

Câu 2: Nhóm sinh vật đa bào gồm
A. trùng roi, cây ổi, con ngựa vằn. B. cây bắp cải, con rắn, con ngựa vằn.
C. Cây bắp cải, vi khuẩn, con rắn. D. cây bắp cải, trùng giày, con cua đỏ.

Câu 3: Trong cơ thể người, loại tế bào nào có kích thước dài nhất?
A. Tế bào thần kinh .
B. Tế bào cơ vân.
C. Tế bào xương.
D. Tế bào da.

Câu 4: Ở người tim, gan và tai là ví dụ cho cấp tổ chức nào của cơ thể?
A. mô.
B. tế bào.
C. cơ quan.
D. hệ cơ quan.

Câu 5: Vi khuẩn là các cơ thể có cấu tạo
A. đa bào, nhân sơ. B. đơn bào, nhân sơ.
C. đa bào, nhân thực.
D. đơn bào, nhân thực.

Câu 6: Từ một tế bào sau khi phân chia liên tiếp tạo 32 tế bào con. Hãy

li	a kèn	h hợp	nh	lá mầm	kín	c vật
Sư tử	Báo	Mèo	Ăn thịt	Thú	Dây sống	Động vật

*** Quan sát hình 25.4 . liệt kê các sinh vật thuộc mỗi giới vào bảng**

TT	Tên giới	Tên sinh vật
1	Giới Khởi sinh	Vi khuẩn, vi khuẩn lam
2	Giới Nguyên sinh	Trùng roi, rong, trùn hình, tảo lục đơn bào giày
3	Giới Nấm	Nấm bụng dê, nấm sò
4	Giới Thực vật	Hướng dương, dương sen, thông…
5	Giới Động vật	Voi, rùa, chim, cá, chuồn chuồn, ếch

*** Quan sát Hình 25.5 – SGK/89: Hãy sắp xếp các loài trong Hình vào các giới Nấm, giới Động vật, Giới thực vật sao cho phù hợp. Nêu lí do vì sao em sắp xếp như vậy?**

Giới Nấm: B.
Giới Động vật: D,E,G.
Giới thực vật: A,C.

- Dựa vào đặc điểm (tiêu chí) để xếp các loài sinh vật vào các giới: đặc điểm tế bào, mức độ tổ chức cơ thể, môi trường sống, kiểu dinh dưỡng…

***Bài tập trắc nghiệm**
Đáp án: D
Đáp án: B
Đáp án: A
Đáp án: C
Đáp án: B
Đáp án: A
Đáp án: B
Đáp án: B
Đáp án: D
Đáp án: A

cho biết số lần phân chia từ tế bào ban đầu?
A. 5 B. 4
C. 3 D. 2
Câu 7: Ở người trưởng thành loại tế bào không có nhân là
A. tế bào cơ.
B. tế bào hồng cầu.
C. tế bào gan.
D. tế bào thần kinh.
Câu 8: Cơ thể người trưởng thành có khoảng bao nhiêu tế bào?
A. 10 nghìn tỉ tế bào.
B. 30 - 40 nghìn tỉ tế bào.
C. 20 nghìn tỉ tế bào
D. 60 - 70 nghìn tỉ tế bào.
Câu 9: Tế bào nhân thực thường có kích thước lớn gấp mấy lần tế bào nhân sơ?
A. 8 lần. B. 15 lần.
C. 5 lần. D. 10 lần.
Câu 10: Trong cơ thể người, loại TB nào sau đây sau khi hình thành sẽ không phân chia thêm lần nào?
A. Tế bào thần kinh.
B. Tế bào gan.
C. Tế bào da.
D. Tế bào niêm mạc má.
Câu 11: Đặc điểm cấu tạo của vi khuẩn?
a. Có cấu tạo đơn bào, hầu hết có thành tế bào gồm màng tb, tb chất và vùng nhân.
b. Có cấu tạo đa bào, có màng tb, nhân và vùng nhân
c. Có thể quan sát bằng mắt thường
d. Cấu tạo đơn bào, nhân thực.
Câu 12. Cấu tạo của vius
a. Chưa có cấu tạo tế bào, gồm vỏ và lõi protein
b. Có cấu tạo tế bào gồm vỏ và lõi protein
c. Có nhân thực, kích thước hiển vi
d. Có cấu tạo tế bào, nhân thực.
Câu 13: Đặc điểm cơ thể nguyên sinh

Câu 11. a
Câu 12. a
Câu 13. A
Câu 14. B

*** Phòng bệnh do virus**
- Dùng Vacxin
- Ăn uống điều độ, đảm bảo sức khỏe
- Giữ vệ sinh cơ thể sạch sẽ, thường xuyên đeo khẩu trang

*** Phòng bệnh do nguyên sinh vật:**
- Giữ vệ sinh cá nhân
- Vệ sinh môi trường sạch sẽ
- Ăn chín, uống sôi

vât. a. Đa số là cơ thể đơn bào, nhân thực, kích thước hiển vi b. Là sinh vật đa bào, nhân thực, kích thước lớn c. Là sinh vật đơn bào, nhân sơ kích thước hiển vi d. Đa số là đơn bào, nhân sơ, kích thước hiển vi. **Câu 14:** Nấm có đặc điểm? a. Là sinh vật đơn bào, nhân sơ b. Là sinh vật nhân thực, đơn bào hay đa bào, sống dị dưỡng c. Là sinh vật nhân thực, sống tự dưỡng d. Là sinh vật nhân thực, kích thước hiển vi, sống dị dưỡng. Câu 15: Biện pháp bảo vệ cơ thể phòng bệnh do nguyên sinh vật và vius gây ra?	

3. Hoạt động 3: Hướng dẫn về nhà: (2ph)

- Học bài, chuẩn bị kiểm tra, đánh giá học kì I

Ngày soạn: 21/12/2021
Ngày dạy: 24/12/2021

Tiết: 32+33+34+35 -Bài 34: THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được sự đa dạng của thực vật về số lượng, kích thước, môi trường sống…
- Phân biệt được 2 nhóm thực vật có mạch và không có mạch
- Nhận biết được các nhóm thực vật: Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín thông qua hình ảnh, mẫu vật
- Trình bày được vai trò của thực vật trong tự nhiên và đời sống

2. Về năng lực:

2.1 Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu sự đa dạng của thực vật, phân biệt và nhận biết được các nhóm thực vật thông qua tranh ảnh, mẫu vật.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm tìm ra được sự đa dạng của thực vật, đặc điểm để phân biệt thực vật có mạch và thực vật không có mạch, tìm được vai trò của thực vật.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết vấn đề trong việc tìm hiểu sự đa dạng của thực vật

2.2 Năng lực khoa học tự nhiên:

-Kể tên được các loài thực vật trong tự nhiên, sống ở các môi trường khác nhau

3. Về phẩm chất: thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện cho học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân để tìm hiểu về thực vật
- Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ nhóm và chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu sự đa dạng của tv thông qua sơ liệu hình ảnh
- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ cây xanh, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sống
- Trung thực, báo cáo chính xác, nhận xét khách quan kết quả thực hiện

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tranh, ảnh về các loài thực vật, phiếu học tập
- Máy tính, máy chiếu
- Bài giảng Powerpont

2. Học sinh: chuẩn bị một số loại tranh , ảnh như bèo tấm, cây nong tằm, cây bao báp,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập (8 phút)

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
GV: chiếu hình ảnh trong SGK T115 hỏi: -Quan sát hình trên và kể tên những loài thực vật trong hình mà em biết? -Nhận xét hình dạng, kích thước và môi trường sống của chúng? HS: làm việc cá nhân ghi tên tất cả các loài thực vật, hình dạng, kích thước, môi trường sống GV: gọi một số hS trả lời, gọi nhận xét HS: trả lời, nhận xét, bổ sung Gv: em hãy kể tên các loài thực vật khác mà em biết? HS: kể thêm tên những loài thực vật khác Gv: em hãy dự đoán bài học hôm nay? HS: thực vật Gv: bài hôm nay chúng ta đi tìm hiểu sự đa dạng của thực vật	Thực vật ở dưới nước: cây hoa súng Thực vật ở trên cạn: cây cau, cây nhãn, cây dừa..

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1 :tìm hiểu sự đa dạng thực vật(25 phút)

*Mục tiêu:

- Kể tên các loài thực vật quan sát
- Xác định được môi trường sống, kích thước, số lượng loài các loài thực vật

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
Gv: chiếu H34.1 và 34.2 để hs nhận xét về kích thước và môi trường sống của các loài thực vật Gv: Chia lớp thành 6 nhóm yêu cầu các nhóm hoàn thành phiếu học tập.Từ đó rút ra nhận xét về thế giới thực vật trong thời gian 3 phút HS: hoạt động theo nhóm trao đổi, thảo luận Gv: quan sát các nhóm làm việc Gv: gọi đại diện 3 nhóm nhanh nhất dán phiếu học tập lên bảng HS: dán bài làm của nhóm lên bảng Gv: yêu cầu đại diện của nhóm lên bảng trình bày HS: cử đại diện lên trình bày HS các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung Gv yêu cầu HS đối chiếu với nhận xét của nhóm mình trong PHT Gv kết luận Gv : đưa ra bảng số lượng các loài thực vật ở việt nam (SGK T115) hỏi:	

-Thực vật được chia làm mấy ngành? HS: 4 ngành: hạt trần, hạt kín, dương xỉ, rêu Gv: nghiên cứu số lượng các ngành từ đó rút ra nhận xét HS: số lượng của các ngành khác nhau, nhiều nhất là ngành hạt kín, ít nhất là ngành hạt trần Gv: Vì sao ngành hạt kín lại có số lượng nhiều nhất? HS: suy nghĩ trả lời GV: Sự đa dạng của thực vật được thể hiện ở những tiêu chí nào? HS:trả lời Gv chốt lại kiến thức	-Thế giới thực vật đa dạng, phong phú về loài, kích thước và môi trường sống -Thực vật bao gồm các ngành chính là rêu, dương xỉ, hạt trần, hạt kín.Ngành hạt kín có số lượng loài nhiều nhất và có khả năng thích nghi với nhiều môi trường khác nhau

3. Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố cho HS kiến thức về đa dạng thực

b) Nội dung:

Câu hỏi, bài tập giáo viên giao cho HS thực hiện

Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống

Thế giới thực vật đa dạng và …(1).. về (2)…, …(3). và (4)…

-Thực vật bao gồm các ngành chính là (5)…,(6)…,(7…),(8…).Ngành hạt kín có số lượng loài nhiều nhất và có khả năng (9)…. với nhiều môi trường khác nhau

c) Sản phẩm học tập:

Đáp án, lời giải của các câu hỏi do học sinh thực hiện.Kết quả tìm ra đội chiến thắng

Có thể trả lời như sau: 1: phong phú, 2:loài, 3: kích thước, 4 : môi trường sống, 5: rêu, 6: dương xỉ, 7 : hạt trần, 8: hạt kín, 9: thích nghi

d) Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành bài tập trong thời gian 2 phút.Nhóm nào làm nhanh nhất sẽ treo pHT lên bảng HS thảo luận hoàn thành PHT GV gọi đại diện của nhóm nhanh nhất trình bày HS của nhóm khác nhận xét GV cho điểm nhóm nhanh nhất	

4. Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố (5 phút)

Gv tổ chức trò chơi đôi bạn cùng tiến

Luật chơi: 2 hs quay lưng vào nhau, 1 bạn hỏi miêu tả về tên cây dựa vào hình, bạn còn lại sẽ đoán tên cây và môi trường sống, thời gian trong vòng 2 phút.chú ý trong câu gợi ý không được chứa tên cây

Gv gọi 2 nhóm hS tham gia. Nhóm nào trong 2 phút trả lời đc nhiều nhất sẽ chiến thắng

HS tiến hành chơi trò chơi

Gv nhận xét và cho điểm

*** Hướng dẫn về nhà: (2 phút)**

-HS học bài

-GV yêu cầu HS chuẩn bị mục II, mang mẫu vật cây rêu

(Tiết 2)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu 5’

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
Kiểm tra bài cũ Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên phiếu học tập để kiểm tra kiến thức nền của học sinh về sự đa dạng của thực vật: Học sinh quan sát hình ảnh một số loài sinh vật và xác định kích thước, môi trường sống của các loài thực vật trong phiếu	- Nhận xét về sự đa dạng của thực vật.

Đặc điểm / Tên cây	Kích thước	Môi trường sống
Cây xương rồng		
Cây rêu		
Cây đước		

Đặc điểm / Tên cây	Kích thước	Môi trường sống
Cây xương rồng	Trung bình	Sa mạc
Cây rêu	Nhỏ	Ẩm ướt
Cây đước	Lớn	Ven biển

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới 25’

Hoạt động 2.2: Các nhóm thực vật

***Mục tiêu**:

- HS biết cách phân biệt được 2 nhóm thực vật có mạch và không có mạch qua sơ đồ.
- Học sinh trình bày được môi trường sống, đặc điểm cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản, hình thức sinh sản của rêu.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV giới thiệu sơ đồ phân nhóm thực vật, yêu cầu HS đọc sgk để trả lời câu hỏi: Dựa vào đâu để phân chia thực vật thành 2 nhóm: thực vật không có mạch và thực vật có mạch ? Trình bày điểm khác biệt giữa 2 nhóm đó.	Thực vật được phân chia làm hai nhóm chính: - Thực vật có mạch. - Thực vật không có mạch. **1. Đặc điểm của rêu:** - Rêu sống ở cạn, nơi ẩm, ít

- Học sinh quan sát hình ảnh trên slide - Giáo viên chia nhóm theo bàn, mỗi nhóm gồm 2 người. - Giáo viên phát phiếu học tập 2 cho học sinh. - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi *+ Ở những nơi khô hạn, có nắng chiếu trực tiếp thì rêu có sống được không? Vì sao?* *+ Để tránh rêu mọc ở chân tường, sân, bậc thềm gây trơn trượt và mất thẩm mĩ, chúng ta nên làm gì?* - GV yêu cầu hs đọc SGK để trả lời câu hỏi: + Thực vật có mạch dẫn có đặc điểm gì? - HS dựa vào thông tin SGK trả lời. + Phân biệt thực vật có mạch dẫn với thực vật không mạch dẫn? - HS phân biệt - GV chốt đáp án, nhấn mạnh đặc điểm mạch dẫn. - Giáo viên tổ chức cho HS thảo luận nhóm, mỗi nhóm 5- 6 HS tìm hiểu về các nhóm, ngành thực vật theo các nội dung dưới đây rồi hoàn thành kết quả thảo luận ở phiếu học tập theo mẫu. Các đặc điểm tìm hiểu về các nhóm/ ngành Thực vật (Kích thước, nơi sống, cơ quan sinh sản, sinh sản, vị trí hạt, đại diện) - HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc thông tin, quan sát hình ảnh H34.4,5,6,7, mẫu vật, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập. Cử đại diện nhóm báo cáo. GV gọi ngẫu nhiên 1-2 nhóm báo cáo. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung. - GV chốt kiến thức: giáo viên chốt kiến thức bằng bảng phụ ghi phiếu học tập. GV hỏi thêm: Cho biết nhận đặc điểm để nhận biết ngành dương xỉ, ngành hạt trần, ngành hạt kín? HS dựa vào phiếu học tập trả lời.	ánh sáng. - Rễ giả, thân lá chưa có mạch dẫn, cơ thể cao 1-2cm. - Rêu sinh sản bằng bào tử. - Cơ quan sinh sản của rêu là túi bào tử. **2. Thực vật có mạch** Là nhóm thực vật có thân, lá, rễ thật và có hệ mạch dẫn phát triển. Điển hình là các đại diện: - Dương xỉ: sinh sản bằng bào tử, thường sống ở nơi ẩm, đầu lá non cuộn tròn lại. - Thực vật hạt trần: Là cây gỗ có kích thước lướn, hệ mạch dẫn phát triển, chưa có hoa và quả sinh sản bằng hạt nằm lộ trên các lá noãn hở. - Thực vật hạt kín: cơ thể có cấu tạo hoàn thiện nhất. Cơ quan sinh sản là hoa và quả có chứa hạt. Cơ quan sinh dưỡng đa dạng (lá đơn, lá kép, thân củ, thân gỗ, rễ cọc, rễ chùm….)

	Ngành rêu
Đại diện	Rêu
Môi trường sống	ở cạn, nơi ẩm, ít ánh sáng
ĐĐ cơ quan sinh dưỡng	Rễ giả, thân lá chưa có mạch dẫn, cơ thể cao 1-2cm
Cơ quan sinh sản	Túi bào tử

Hình thức sinh sản	Bào tử

Đặc điểm / Ngành	**Kích thước**	**Nơi sống**	**Cơ quan sinh dưỡng**	**Cơ quan sinh sản**	**Hình thức sinh sản**	**Vị trí hạt**	**Đại diện**
Dương xỉ	Cao khoảng 20-50cm	Nơi ẩm, mát, chân tường, rừng cây	Có rễ, thân, lá thật, có mạch dẫn.Lá già có cuuống dài, lá non đầu cuộn tròn.Thân hình trụ nằm ngang	Túi bào tử	Bằng bào tử	Không	Dương xỉ, cây lông cu li…
Hạt trần	Kích thước lớn	Sống ở nhiều khu rừng, đồi núi	Thân cành màu nâu xù xì Lá nhỏ hình kim mọc từ 2 chiếc trên một cành con rất ngắn Rễ to, khoẻ, đâm sâu Mạch dẫn hoàn chỉnh	nón	Bằng hạt	Nằm lộ trên các lá noãn hở	Thông, vạn tuế, bách tán…
Hạt kín	Tùy từng loài mà kích thước khác nhau	Thích nghi với nhiều môi trường sống khác nhau	Đa dạng về hình thái (lá đơn, lá kép; thân củ, thân rễ; rễ cọc, rễ chùm; thân gỗ, thân cỏ…).Có mạch dẫn phát triển.	Hoa và quả(có chứa hạt)	Bằng hạt	Hạt nằm trong quả nên được bảo vệ tốt hơn	Cây nhãn, cây ổi, cây xoài…

3. Hoạt động 3: Luyện tập 5’

* Mục tiêu: Hệ thống được một số kiến thức đã học.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần “Con học được trong giờ học” trên phiếu học tập 3 và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi. - Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của	- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập 3.

giáo viên. - Báo cáo: GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. - Kết luận: GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố 8p

Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Rêu khác với thực vật có hoa ở đặc điểm nào dưới đây ?

A. Thân chưa có mạch dẫn và chưa phân nhánh

B. Chưa có rễ chính thức

C. Chưa có hoa

D. Tất cả các phương án đưa ra

Câu 2. So với tảo, rêu có đặc điểm nào ưu việt hơn ?

A. Có thân và lá chính thức

B. Có rễ thật sự

C. Thân đã có mạch dẫn

D. Không phụ thuộc vào độ ẩm của môi trường

Câu 3. Em có thể tìm thấy rêu ở nơi nào sau đây ?

A. Dọc bờ biển

B. Chân tường rào

C. Trên sa mạc khô nóng

D. Trong lòng đại dương

Câu 4. Rêu sau khi chết đi có thể được dùng làm

A. hồ dán.

B. thức ăn cho con người.

C. thuốc.

D. phân bón.

Câu 1: D ; Câu 2: A ; Câu 3: B ; Câu 4: D

Cây rêu gồm có: (1).....,.....(2), chưa có (3).....chính thức. Trong thân và lá rêu chưa có (4)..... Rêu sinh sản bằng (5).....được chứa trong (6)....., cơ quan này nằm ở (7).....cây rêu.

Đáp án: 1. thân 2. lá 3. rễ

4. mạch dẫn 5.bào tử 6.túi bào tử 7.ngọn

*** Hướng dẫn về nhà: 2'**

- Làm bài tập sách bài tập
- Tìm hiểu nội dung bài sau: vai trò của thực vật với tự nhiên.

THỰC VẬT (Tiết 3)

III. Tiến trình dạy học

1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu: (8 phút)

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh: Xem video sạt lở đất, dựa vào video cho biết tác hại? + Dự đoán chủ đề sẽ học hôm nay - Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện nhiệm vụ, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Học sinh quan sát hình ảnh và thực hiện trả lời câu hỏi. GV có thể chiếu lại hình ảnh lần 2 để HS hiểu rõ hơn. - Báo cáo kết quả (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo kết quả, thảo luận): GV gọi 1 HS bất kì báo cáo kết quả đã tìm được. HS khác bổ sung, nhận xét, đánh giá. - Kết luận, nhận định (giáo viên "chốt"): Trình bày câu trả lời đúng: Chủ đề sẽ học hôm nay là vai trò của thực vật Thực vật có vai trò như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu bài học ngày hôm nay.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30P)

Hoạt động 2.3: Vai trò đối với môi trường. (28P)

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được vai trò của thực vật đối với môi trường và vai trò của thực vật đối với động vật và con người.
- Xác được tầm quan trọng của thực vật để có các biện pháp bảo vệ thực vật

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
+ Yêu cầu HS quan sát hình 34.9 SGK/ 120 và theo dõi thí nghiệm → Thảo luận nhóm hoàn thành PHT Thí ghiệm: . Chậu A: có cây (Nơi có rừng) (Có thể trồng cây đậu xanh với mật độ tương đối dày trong vòng 1 tuần) . Chậu B : Không có cây (Đồi trọc) Tạo cơn mưa giả bằng cách đổ cùng 1 lượng vào 2 chậu →Nhận xét màu sắc nước và lượng nước chảy ra từ 2 chậu cây →Giải thích vì sao lại thu được kết quả như vậy. + Chiếu đáp án→ yêu cầu các nhóm trao đổi phiếu chéo, dựa vào đáp án chấm điểm cho nhóm bạn. + Yêu cầu HS dựa vào đáp án PHT trả lời câu hỏi: ? Thí nghiệm đã chứng minh thực vật có vai trò gì? ? Ở các đồi trọc khi mưa lớn và kéo dài có thể xảy ra sạt lở đất.Vậy đất, đá.. sẽ bị trôi đi đâu và gây ra hậu quả gì? + Chiếu sơ đồ quá trình hình thành nguồn nước ngầm yêu cầu HS dựa vào đáp án PHT so sánh lượng nước ngầm ở 2 nơi khu A(có rừng) và khu B (Không có rừng) + Yêu cầu HS đọc thông tin SGK trang 119 và cho biết: Thực vật còn có vai trò gì đối với môi trường? + Chiếu sơ đồ sự trao khí yêu cầu hs : Quan sát sơ đồ cho biết các hoạt động hô hấp của sinh vật, hoạt động đốt cháy nhiên liệu đã lấy khí gì và thải ra môi trường khí gì ? Nhờ đâu mà hàm lượng các khí đó được ổn định? + Chiếu hình ảnh thực vật còn có 1 số vai trò khác như: cây làm bóng mát, 1 số cây có tác dụng diệt khuẩn như cây thông cây tràm, cây bạch đàn, 1 số cây trồng trong nhà không chỉ có tác dụng làm cảnh mà còn có tác dụng hút khí độc, diệt khuẩn. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm rút ra kết luận về vai trò của thực vật với tự nhiên. 3’ - HS chấm chéo kết quả của nhóm bạn	* Vai trò của thực vật: - Cân bằng khí oxi và cacbonic - Điều hoà khí hậu - Giảm ô nhiễm môi trường - Giữ đất, chống xói mòn - Góp phần hạn chế ngập lụt, hạn hán - Góp phần bảo vệ nguồn nước ngầm

3.Hoạt động 3: Luyện tập

*** Mục tiêu:**

Củng cố cho HS kiến thức về vai trò của thực vật

*** Tổ chức thực hiện:**

Phần mềm tự động chấm điểm dựa trên câu trả lời đúng của nhóm HS.

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên- Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV chia lớp thành 4 nhóm (4 đội) - GV giới thiệu số lượng câu hỏi, luật chơi và hướng dẫn, hỗ trợ học sinh thực hiện. GV, HS cùng được tham gia đánh giá kết quả thực hiện. Câu hỏi, bài tập GV giao cho học sinh thực hiện: Câu 1.Chọn phương án đúng nhất: 1. Ở những vùng bờ biển người ta thường trồng cây phía ngoài đê nhằm mục đích gì? a. Chống gió bão b. Chống xói mòn đất c. Chống rửa trôi đất d. Tất cả các phương án trên 2. Bộ phận nào của thực vật đóng vai trò quan trọng trong việc giữ nước? a. Rễ b. Thân c. Lá d. Hoa 3. Nguồn nước nào dưới đây đóng vai trò chủ yếu trong đời sống sinh hoạt của con người? a. Nguồn nước ngầm b. Nguồn nước tầng mặt c. Nước biển d. Nước bốc hơi	Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do học sinh thực hiện. Kết quả tìm ra đội chiến thắng (Đội trả lời đúng và nhanh nhất → Điểm cao nhất)

4. Hoạt đông 4: Vận dụng

*** Mục tiêu:**

Vận dụng kiến thức về các nhóm TV, vai trò của TV, kĩ năng sử dụng dụng cụ và chăm sóc cây vào thực tiễn đời sống.

Phát huy năng lực tự học, tự chủ của HS/nhóm HS trong tìm kiến, thu thập thông tin trên internet, kinh nghiệm từ người thân, ...lập kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ GV giao.

*** Tổ chức thực hiện:**

Giao về nhà cho các nhóm (06 học sinh) thực hiện ngoài giờ lên lớp. Nộp báo cáo sau 1-2 tuần. Tổ chức cho các nhóm HS báo cáo, trao đổi, chia sẻ trước lớp. HS nhóm khác và GV tham gia đánh giá theo tiêu chí GV cùng các nhóm HS đã thống nhất trước đó.

GV yêu cầu học sinh lựa chọn loài thực vật có ích (cây rau, cây gia vị, cây hoa...trong hộp xốp hoặc thủy canh....), sử dụng dụng cụ để trồng và chăm sóc cây tại nhà (Nộp báo cáo sau 1-2 tuần).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập

- **Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập**

a) Mục tiêu:

Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là: Thực vật có vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống con người và môi trường tự nhiên, từ đó con người chúng ta cần có những biện pháp để bảo vệ thực vật.

b) Nội dung:

- Yêu cầu mỗi học sinh : Chơi trò chơi: Bức tranh bí ẩn

+ Lật các miếng ghép để tìm ra bức tranh bí ẩn bằng cách trả lời các câu hỏi ở dưới mỗi miếng ghép

+ Tìm ra bức tranh bí ẩn và cho biết bức tranh nói về nội dung gì ?

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của cá nhân HS:

+ Miếng ghép 1: Thực vật gồm các nhóm: rêu, dương xỉ, hạt trần, hạt kín.Dựa vào các đặc điểm: có mạch hay không có mạch, có hạt hay không có hạt, có hoa hay không có hoa.

+ Miếng ghép 2:Rêu sống chỗ ẩm ướt, ít ánh sáng, có rễ giả, thân chưa phân nhánh, lá nhỏ mỏng, chưa có mạch dẫn, sinh sản bằng bào tử.

+ Miếng ghép 3: Dương xỉ đã có rễ ,thân, lá thật, có mạch dẫn

+ Miếng ghép 4: Dựa vào đặc điểm của lá non: đầu cuộn tròn

+ Miếng ghép 5: Cơ quan sinh sản của cây hạt trần là nón.Cây thông là cây hạt trần vì hạt thông nằm lộ trên các lá noãn hở

+ Miếng ghép 6: Hạt của táo, mận, soài,… được bao bọc bởi thịt quả

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

- **Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập**

*** Mục tiêu:**

Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là: Thực vật có vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống con người và môi trường tự nhiên, từ đó con người chúng ta cần có những biện pháp để bảo vệ thực vật.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
Chiếu bức tranh bí ẩn đã bị che bởi 6 miếng ghép + Yêu cầu Hs chọn miếng ghép bất kì→ trả lời câu hỏi tương ứng.Trả lời đúng 1 phần bức tranh bí ẩn sẽ hiện ra. Cứ tiếp tục đến hết 6 miếng ghép + Bức tranh bí ẩn nói về nội dung gì? - Thực hiện nhiệm vụ: + Hs chọn miếng ghép bất kì→ trả lời câu hỏi tương ứng + Tìm ra bức tranh bí ẩn + GV gọi 1 HS bất kì chọn lật từng mảnh ghép + GV gọi 1 Hs cho biết bức tranh nói tới nội dung gì? - Kết luận, nhận định : Trình bày câu trả lời đúng: Bức tranh nói về vai trò của thực vật Vậy TV có vai trò gì trong tự nhiên, trong đời sống con người và chúng ta cần làm gì để bảo vệ thực vật → Chúng ta sẽ tìm hiểu bài học ngày hôm nay.	- Câu trả lời của cá nhân HS: + Miếng ghép 1: Thực vật gồm các nhóm: rêu, dương xỉ, hạt trần, hạt kín.Dựa vào các đặc điểm: có mạch hay không có mạch, có hạt hay không có hạt, có hoa hay không có hoa. + Miếng ghép 2:Rêu sống chỗ ẩm ướt, ít ánh sáng, có rễ giả, thân chưa phân nhánh, lá nhỏ mỏng, chưa có mạch dẫn, sinh sản bằng bào tử. + Miếng ghép 3: Dương xỉ đã có rễ ,thân, lá thật, có mạch dẫn + Miếng ghép 4: Dựa vào đặc điểm của lá non: đầu cuộn tròn + Miếng ghép 5: Cơ quan sinh sản của cây hạt trần là nón.Cây thông là cây hạt trần vì hạt thông nằm lộ trên các lá noãn hở + Miếng ghép 6: Hạt của táo, mận, soài,… được bao bọc bởi thịt quả

2. Hoạt động 2.4: Vai trò của thực vật đối với động vật và con người (26P)

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được vai trò của thực vật đối với động vật và con người.
- Xác được tầm quan trọng của thực vật để có các biện pháp bảo vệ thực vật.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
+ Yêu cầu đại diện nhóm 1,2: tìm hiểu về vai trò của thực vật đối với động vật Nhóm 3,4: tìm hiểu về vai trò của thực vật đối với con người (đã chuẩn bị trước ở nhà). - Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện nhiệm vụ, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): + Học sinh quan sát hình và theo dõi thí nghiệm→ thảo luận nhóm hoàn thành PHT + Trao đổi phiếu nhóm → chấm chéo + Đựa vào đáp án PHT trả lời các câu hỏi.(có thể trả lời như sau:) + Các nhóm tìm hiểu vai trò của thực vật đối với động vật và con người ở nhà - Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): + Báo cáo kết quả chấm chéo của các nhóm + Vận dụng trả lời các câu hỏi. . Thí nghiệm chứng minh thực vật giúp giữ đất, chống xói mòn nhờ tán lá cản bớt sức chảy của dòng nước, hệ rễ giữ đất. . Sạt lở đất dẫn đến ngập lụt , hạn hán . Khu A có rừng sẽ có nước nước ngầm nhiều hơn . Thực vật còn giúp cân bằng khí oxi và cacbonic, điều hoà khí hậu, bảo vệ môi trường + Đại diện 1 nhóm báo cáo về vai trò của thực vật đối với động vật, 1 nhóm báo cáo vai trò của động vật đối với con người + Nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung - Kết luận, nhận định Giáo viên nhận xét, đánh giá về tinh thần, thái độ học tập, tham gia thảo luận, chơi trò chơi. Cho điểm khuyến khích các nhóm. Chốt vai trò của thực vật trên sơ đồ.	*Vai trò của thực vật đối với động vật và con người: - Cung cấp oxi, thức ăn, nơi ở, nơi sinh sản cho động vật - Cung cấp lương thực, thực phẩm, đồ gỗ.. những cũng gây hại đối với con người

3. Hoạt động 3: Luyện tập (6P)

***a) Mục tiêu:** Củng cố cho HS kiến thức về vai trò của thực vật

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV chia lớp thành 4 nhóm (4 đội), để HS tham gia trả lời theo nhóm. - GV giới thiệu số lượng câu hỏi, luật chơi và hướng dẫn, hỗ trợ học sinh thực hiện. GV, HS cùng được tham gia đánh giá kết quả thực hiện. Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do học sinh thực hiện. Có thể trả lời như sau: Cỏ→ châu chấu→gà→ con người…	Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do học sinh thực hiện. Kết quả tìm ra đội chiến thắng (Đội trả lời đúng và nhanh nhất =>Điểm cao nhất) Có thể trả lời như sau: Cỏ→ châu chấu→gà→ con người…

-Kết quả tìm ra đội chiến thắng (Đội trả lời đúng và nhanh nhất =>Điểm cao nhất)	

4. Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố (2P)

- Giao về nhà cho các nhóm (06 học sinh) thực hiện ngoài giờ lên lớp. Nộp báo cáo sau 1-2 tuần. Tổ chức cho các nhóm HS báo cáo, trao đổi, chia sẻ trước lớp. HS nhóm khác và GV tham gia đánh giá theo tiêu chí GV cùng các nhóm HS đã thống nhất trước đó.

*** Hướng dẫn về nhà:** Học bài và chuẩn bị các mẫu vật (mục 2 phần chuẩn bị bài 35 SGK/ 123) để bài sau học thực hành.

Ngày soạn: 01/01/2022
Ngày dạy:04/01/2022

Tiết 36: ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Củng cố, hệ thống hóa các kiến thức đã học về tế bào, từ tế bào đến cơ thể, đa dạng thế giới sống đến bài thực vật.
- Vận dụng kiến thức để giải các bài tập lý thuyết và giải thích các hiện tượng trong thực tiễn.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp.
- Năng lực hợp tác.
- Năng lực tự chủ, tự học.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Năng lực phân tích, tổng hợp kiến thức.
- Năng lực vận dụng kiến thức sinh học trả lời câu hỏi, bài tập
- Năng lực vận dụng kiến thức sinh học giải thích các hiện tượng thực tiễn.
- Năng lực quan sát,năng lực ghi nhớ kiến thức.

3. Về phẩm chất:

- Sôi nổi hào hứng trong khi ôn tập.
- Làm việc nghiêm túc, tự giác, tích cực, hợp tác trong học tập.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập của cá nhân và phối hợp tích cực với các thành viên trong nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy chiếu, máy tính, nội dung câu hỏi và các hình ảnh
- Bài giảng powrepont
- Hình ảnh:

+ Các thành phần chính của tế bào; tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực; tế bào động vật, tế bào thực vật.

2. Học sinh: Chuẩn bị nội dung ôn tập, sách, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Đặt vấn đề (3ph)

Để củng cố toàn bộ những kiến thức mà các em đã được tìm hiểu trong chương V, VI và bài "Hệ thống phân loại sinh vật" trong chương VII

2. Hoạt động 2: Ôn tập

*Mục tiêu: Hs trả lời được các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến kiến thức đã học.

*Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: + Câu hỏi tự luận (câu 1-4): Hs hoạt động cá nhân + Câu hỏi trắc nghiệm (câu 5-	Câu 1: Quan sát H 2.1 – Nêu các thành phần chính của tế bào và chức năng của chúng?

7): Hoạt động theo nhóm + Câu hỏi trắc nghiệm (câu 8-10): Hs hoạt động cá nhân, thi "Ai nhanh hơn" - Thực hiện nhiệm vụ học tập: Hs nghiên cứu câu hỏi, nhận phiếu học tập (câu 5-7) - Báo cáo, thảo luận: Hs trả lời các câu hỏi, bài tập theo yêu cầu của GV. - Kết luận, nhận định: + Hs nhận xét kết quả của bạn. + Gv chốt đáp án và cho điểm phù hợp.	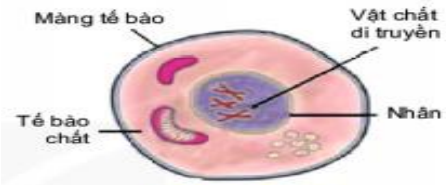 Hình 2.1 Câu 2: Các Tế bào ở hình dưới đây là tế bào nhân sơ hay nhân thực? Tế bào ở H5.3a có gì khác về mặt cấu tạo so với 2 tế bào còn lại? Hình 5.3 Câu 3: Vi khuẩn có ở khắp mọi nơi, có loài có lợi nhưng cũng không ít loài có hại gây bệnh cho con người. Em hãy kể tên một số bệnh do vi khuẩn gây ra ở người và đưa ra biện pháp phòng tránh các bệnh đó. Câu 4: Hãy lấy ví dụ chứng minh nguyên sinh vật, vừa có lợi, vừa có hại đối với con người. Câu 5: Quan sát H 20.2, đánh số thứ tự cho các sự kiện xảy ra sao cho phù hợp: 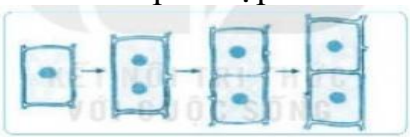 Hình 20.2 Câu 6:

Sự kiện	Thứ tự
Hai tế bào mới tạo thành từ một tế bào ban đầu.	
Từ một nhân phân chia thành hai nhân, tách xa nhau.	
Vách tế bào hình thành ngăn đôi tế bào cũ thành hai tế bào con.	

Câu hỏi 23.3. Đánh dấu ✓ vào ô trống trước các ý đúng

...	Mô gồm các nhóm tế bào cùng thực hiện một chức năng.
...	Cơ quan gồm nhiều tế bào có cấu tạo giống nhau và cùng thực hiện một chức năng.
...	Cơ quan được cấu tạo từ hai hay nhiều mô, cùng thực hiện một hoạt động sống.
...	Hệ cơ quan gồm một nhóm các cơ quan phối hợp với nhau thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của cơ thể.
...	Não, tim, dạ dày là các mô của cơ thể người.
...	Một số mô của cơ thể người như: mô cơ, mô liên kết, mô biểu bì ở da,...
...	Một số hệ cơ quan của cơ thể người như: hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ thần kinh,...

Câu 7: Hãy hoàn thành bảng sau:

Giới	Đặc điểm	Sinh vật đại diện
Khởi sinh		
Nguyên sinh		
Nấm		
Thực vật		
Động vật		

Loigiaihay.com

Câu 8: Hoàn thành các đơn vị phân loại sinh vật theo trình tự từ nhỏ đến lớn theo sơ đồ sau:

... -> ... -> ... -> ... -> ... -> ... ->...

Câu 9: Phát biểu biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của vi khuẩn?

A. Nhiều vi khuẩn có ích được sử dụng trong nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

B. Vi khuẩn được sử dụng trong sản xuất vaccine và thuốc kháng sinh.

C. Mọi vi khuẩn đều có lợi trong tự nhiên và đời sống con người.

D. Vi khuẩn giúp phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ để cây sử dụng.

Câu 10: Nội dung nào dưới đây là đúng khi nói về nguyên Sinh vật?

A. Nguyên Sinh vật là nhóm Sinh vật đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi.

B. Nguyên Sinh vật là nhóm động vật đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi.

C. Hầu hết nguyên Sinh vật là cơ thể đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi. Một số có cấu tạo đa bào, kích thước lớn, có thể nhìn thấy bằng mắt thường.

D. Hầu hết nguyên Sinh vật là cơ thể đa bào, nhân thực, kích thước lớn, có thể nhìn thấy rất rõ bằng mắt thường.

Hướng dẫn về nhà: Ôn tập tốt chuẩn bị cho học kì II

Ngày soạn: 14/1/2022
Ngày dạy: 17/1/2022

Tiết 37 : THỰC HÀNH
QUAN SÁT VÀ PHÂN BIỆT MỘT SỐ NHÓM THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU

1.Về kiến thức:

- Quan sát và nêu được những đặc điểm cơ thể ở những mẫu vật quan sát
- Sắp xếp các mẫu vật vào những nhóm thực vật đã học.
- Phân biệt đưa ra dấu hiệu nhận biết về các nhóm thực vật

2.Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của các nhóm thực vật
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: cùng nhau làm thí nghiệm, thảo luận để rút ra kết luận
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân chia thành viên trong nhóm để tiến hành thực hành 1 cách nhanh chóng và hiệu quả

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Lấy được: tiêu bản lát cắt của rêu
- Nêu được cách tiến hành thí nghiệm
- Trình bày được đặc điểm điển hình của các nhóm thực vật quan sát
- Xác định được nhóm phân loại của các mẫu vật quan sát
- Thực hiện được các bước quan sát và tiến hành thực hành

3. Về phẩm chất: Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về thực vật.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ, thảo luận thực hiện thí nghiệm
- Trung thực, báo cáo chính xác, nhận xét khách quan kết quả thực hiện ,cẩn thận trong việc sử dụng các dụng cụ thí nghiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu

- Các dụng cụ thí nghiệm: Kính hiển vi, kính lúp, dao lam, nước cất, kim mũi mác, ống nhỏ giọt, lam kính, lamen
- Hình ảnh: Lá non và Ổ bào tử của dương xỉ, cành mang nón thông, cây và bộ phận của bí ngô
- Phiếu học tập: Bảng thu hoạch cuối bài

Tên cây	Tên ngành	Lí do

2. Học sinh: Chuẩn bị: mỗi nhóm chuẩn bị mẫu vật:
+ Rêu tường
+ Dương xỉ (mẫu vật hoặc tranh ảnh)
+ Hình ảnh cây thông có đủ nón đực và cái
+ Quả bí ngô cắt dọc, hình ảnh cây bí ngô có hoa (Hoặc 1 loại quả khác thuộc ngành hạt kín như: cam, bưởi,…)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Chuẩn bị, khởi động, mở bài (10')

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- *Chuyển giao nhiệm vụ:* + GV nêu vấn đề: Xung quanh chúng ta có vô vàn những loài thực vật. Song chúng đều mang những đặc điểm giống nhau cơ bản nào đó để được phân chia vào các nhóm thực vật khác nhau. Nhiệm vụ của bài thực hành giúp các con có những kiến thức cơ bản nhất để phân biệt được những nhóm thực vật trong bài học và ngoài thực tế. + GV: Chia lớp thành 4 nhóm, (mỗi nhóm có nhóm trưởng, thư ký của nhóm. - Thực hiện nhiệm vụ học tập. + HS: Thành lập nhóm, bầu nhóm trưởng, thư ký của nhóm. Nhận phiếu học tập của cả nhóm. - Báo cáo kết quả và thảo luận + Giáo viên mời các nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trước nhóm: bầu nhóm trưởng, thư kí. - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + Giáo viên nhận xét, đánh giá về tinh thần, thái độ học tập . + Khuyến khích học sinh tìm hiểu các nội dung sắp tới..	- Phân biệt một số nhóm thực vật

2. Hoạt động 2: Tiến hành thực hành (20')

***Mục tiêu:**
- Lấy tiêu bản của rêu → quan sát được rễ, thân, lá, vị trí của bào tử của rêu.

- Xác định được các bộ phận rễ, thân lá, nêu được đặc điểm của lá non.Tìm và chỉ ra vị trí ổ bào tử của dương xỉ hoặc quả bào tử của cây cỏ bợ.
- Chỉ ra đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá và xác định được cơ quan sinh sản, vị trí của hạt thông
- Chỉ ra đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá cây bí đỏ trên ảnh. Xác định được hoa đực, hoa cái, vị trí của hạt

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- *Chuyển giao nhiệm vụ học tập* GV hướng dẫn 4 nhóm quan sát lần lượt 4 mẫu vật Nhóm 1: Quan sát cây rêu + Tách 1 cây rêu ở mẫu vật thật sau đó dùng lính lúp quan sát chỉ ra các bộ phận cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá). Quan sát thân cây rêu có phân nhánh không? + Dùng dao cắt 1 lắt mảng ngang thân cây rêu quan sát trên kính hiển vi ở vật kính 10x và 40x để xem thân có mạch dẫn không? Nhóm 2: Quan sát cây dương xỉ + Quan sát trên mẫu vật thật và tranh ảnh để tìm rễ, thân, lá, xác định vị trí bào tử, đặc điểm của lá non Nhóm 3: Quan sát cây thông + Quan sát rễ, thân, lá (dạng thân, dạng lá, kích thước) + Xác định cấu tạo và vị trí nón đực, nón cái, quan sát vị trí của hạt thông. Nhóm 4: Quan sát cây bí đỏ + Quan sát dạng thân, rễ, lá của cây bí đỏ qua tranh hình. + Xác định vị trí của hạt bên trong hay bên ngoài quả. ***- Thực hiện nhiệm vụ học tập*** + Các nhóm thảo luận thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình + Nhóm trưởng tổng hợp, thư kí ghi lại sản phẩm của nhóm mình vào bảng phụ + Trong bảng phụ đảm bảo các nội dung: hình ảnh cây có chú thích cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản, cụ thể: Nhóm 1: chỉ rõ rễ, thân , lá, bào tử, lát cắt ngang thân rêu không có mạch dẫn Nhóm 2: chỉ rõ rễ, thân , lá,vị trí bào tử, hình ảnh lá non đầu cuộn tròn Nhóm 3: chỉ rõ rễ, thân, lá, nón đực, nón cái, nêu	

được vị trí của hạt thông Nhóm 4: chỉ rõ rễ, thân, lá, hoa đực, hoa cái, vị trí của hạt + GV quan sát, hỗ trợ học sinh - Báo cáo kết quả và thảo luận GV yêu cầu đại diện các nhóm lên báo cáo, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS đánh giá theo vòng tròn: nhóm 1 đánh giá nhóm 2, nhóm 2 đánh giá nhóm 3, nhóm 3 đánh giá nhóm 4, nhóm 4 đánh giá nhóm 1. - GV đánh giá tinh thần, thái độ học tập của HS và đánh giá kết quả của các nhóm	

3. Hoạt động 3: Thu hoạch. (10')

*** Mục tiêu:**

- Sắp xếp các mẫu vật quan sát vào từng nhóm phân loại phù hợp.
- Hoàn thành phiếu học tập.
- Nêu dấu hiệu nhận biết các đại diện ngành thực vật qua đặc điểm hình thái.

*****Hoàn thành phiếu học tập

Tên cây	Tên ngành	Lí do
Cây rêu	Ngành rêu	Thân không phân nhánh, rễ giả, chưa có mạch dẫn
Cây dương xỉ	Ngành dương xỉ	Đã có rễ, thân lá thật, có mạch dẫn, lá non cuộn lại ở đầu
Cây thông	Ngành hạt trần	Có rễ, thân, lá. Thân phân nhánh, lá kim, hạt nằm lộ phía bên ngoài
Cây bí đao	Ngành hạt kín	Có rễ, thân, lá đầy đủ, cơ quan sinh sản là hoa, hạt nằm trong quả.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV yêu cầu nhóm HS: Hãy sắp xếp các mẫu vật đã quan sát vào vị trí phân loại thực vật cho phù hợp và giải thích vì sao? (Theo bảng sau) + Chiếu đáp án: ở mục sản phẩm + Yêu cầu HS từ phiếu học tập nêu dấu hiệu nhận	Phiếu học tập

Tên cây	Tên ngành	Lí do

biết một số đại diện các ngành thực vật thông qua đặc điểm hình thái. - Thực hiện nhiệm vụ học tập + HS thảo luận trong nhóm, hoàn thành phiếu học tập + Các nhóm trao đổi phiếu chéo cho nhau: 1→2, 2→1, 3→4, 4→3, Dựa vào đáp án chấm điểm cho nhóm bạn + Dựa vào PHT rút ra dấu hiệu nhận biết các nhóm thực vật + GV quan sát, hỗ trợ học sinh - Báo cáo kết quả và thảo luận + Báo cáo kết quả (điểm của các nhóm) - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV đánh giá tinh thần, thái độ học tập của HS và đánh giá kết quả chung của các nhóm trong cả tiết học - Thực hiện nhiệm vụ + HS hoàn thành bài thực hành cá nhân - Báo cáo kết quả học tập và thảo luận: + HS hoàn thành báo cáo thực hành (tiết sau nộp) - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + Bài thực hành cá nhân: 5 điểm + Hoạt động nhóm trên lớp: 5 điểm (chấm luôn trên lớp)	

*****Hoàn thành phiếu học tập

Tên cây	Tên ngành	Lí do
Cây rêu	Ngành rêu	Thân không phân nhánh, rễ giả, chưa có mạch dẫn
Cây dương xỉ	Ngành dương xỉ	Đã có rễ, thân lá thật, có mạch dẫn, lá non cuộn lại ở đầu
Cây thông	Ngành hạt trần	Có rễ, thân, lá. Thân phân nhánh, lá kim, hạt nằm lộ phía bên ngoài
Cây bí đao	Ngành hạt kín	Có rễ, thân, lá đầy đủ, cơ quan sinh sản là hoa, hạt nằm trong quả.

4. Hoạt động 4. Vận dụng, củng cố (4')

+ GV yêu cầu HS nêu ví dụ và sắp xếp theo nhóm thực vật

- HS quan sát thêm 1 số cây trong tự nhiên, dựa vào đặc điểm hình thái để sắp xếp chúng vào 1 trong 4 nhóm thực vật đã tìm hiểu.

STT	**Tên cây**	**Nhóm thực vật**
1	Cây cam	Hạt kín
2	Cây bang	Hạt kín

3	Cây lúa	Hạt kín
…	…	…

+ HS thực hiện nhiệm vụ
- HS báo cáo kết quả học tập và thảo luận
+ Giáo viên nhận xét những ví dụ của học sinh đưa ra
+ Yêu cầu HS hoàn thành bảng cùng với phiếu học tập ở bài thực hành cá nhân.
+ GV tuyên dương cá nhân, nhóm tích cực, nghiêm túc; phê bình cá nhân, nhóm chưa nghiêm túc trong giờ thực hành rút kinh nghiệm trong các tiết thực hành sau.

*** Hướng dẫn về nhà: (1')**

- Đọc trước bài 36 và tìm hiểu về 1 số loại động vật

Ngày soạn: 21/1/2022
Ngày dạy: 24/1/2022

Tiết 38-Bài 36: ĐỘNG VẬT (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nhận xét được sự đa dạng của động vật về số lượng, kích thước, môi trường sống….
- Biết được đặc điểm chung của nhóm động vật không có xương sống.
- Nhận biết được các ngành trong nhóm động vật không xương sống dựa vào hình ảnh, mẫu vật.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát mẫu vật, hình ảnh hình thái để nhận biết các ngành trong nhóm động vật có xương sống.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra các đặc điểm chung của nhóm động vật không xương sống.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Tổng hợp, khái quát hóa được đặc điểm chung của động vật.

Lấy được ví dụ về một số con vật điển hình cho các ngành thuộc nhóm động vật không xương sống.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân tìm hiểu về sự đa dạng của động vật.

Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, phân chia nhiệm vụ và chủ động thực hiện, hỗ trợ, góp ý cho các thành viên trong nhóm.

Cẩn thận, tỉ mỉ quan sát mẫu vật, mô hình, hình ảnh hình thái để phát hiện các đặc điểm chung của động vật, và của các nhóm động vật không xương sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Các tranh, ảnh đại diện các lớp/ ngành thuộc giới Động vật.
- Thiết bị để trình chiếu, slide bài giảng
- Phiếu học tập (dùng cho phần kiểm tra, đánh giá)

2. Học sinh:

Hình ảnh các đại diện các loài thuộc các nhóm động vật. vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
Dẫn dắt: Xung quanh chúng ta có rất nhiều loài động vật. Có những loài động vật rất gần gũi hằng ngày tiếp xúc với chúng ta như chó, mèo, chim,….	

Nhìn vào bức tranh chúng ta có thể nhận thấy rất nhiều loài động vật khác nhau. Các em hãy quan sát tranh và kể tên các loài động vật trong hình. Em đã bao giờ nhìn thấy loài này chưa? Kể thêm một số loài động vật mà em biết. Những loài động có đặc điểm như thế nào thì được sắp xếp vào giới động vật GV chia lớp thành 4-5 nhóm, các nhóm trao đổi và bàn bạc, tổ chức trò chơi thi kể tên, trong vòng 5p các nhóm lên bảng viết nhanh câu trả lời của nhóm mình. Nhóm nào trả lời nhanh, nhiều, chính xác nhất sẽ chiến thắng GV nhận xét đánh giá kết quả.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng động vật

*** Mục tiêu:**

-Học sinh chỉ ra được sự đa dạng động vật được thể hiện qua số lượng loài, và môi trường sống của chúng.

-Học sinh nêu được đặc điểm chung của động vật từ đó nhận biết được động vật trong tự nhiên.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV phát phiếu học tập và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân theo yêu cầu viết trên phiếu. Các loài động vật có thể sống ở đâu? Hãy kể tên một số loài động vật sống ở những nơi đó và hoàn thành bảng theo mẫu sau: Môi trường sống | Loài động vật | | | | | | | |	I. Đa dạng động vật: - Đa đạng động vật được thể hiện: + Số lượng loài: có khoảng hơn 1,5 triệu loài động vật đã được xác định, mô tả và định tên. + Môi trường sống đa dạng: dưới nước, trên cạn, trong đất, trong cơ thể sinh vật khác

- GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng. - GV giao nhiệm vụ học tập cá nhân: tìm kiếm thông tin sách giáo khoa mục I trang149, trả lời câu hỏi: Đa dạng động vật được thể hiện như thế nào? Nêu đặc điểm chung của động vật phân biệt với các loài sinh vật khác? GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có). GV nhận xét và chốt nội dung về đa dạng động vật và đặc điểm chung của động vật.	…… - Đặc điểm chung của động vật: sinh vật đa bào nhân thực, dị dưỡng, tế bào không có thành tế bào, hầu hết có khả năng di chuyển.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

* Mục tiêu: Hệ thống được một số kiến thức đã học.

*Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Yêu cầu học sinh viết sơ đồ tư duy bài học. - Kết luận: GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố

***Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

***Tổ chức thực hiện:**

- Theo em làm thế nào để có thể bảo vệ đa dạng động vật?

Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

Hình thức: báo cáo bằng sơ đồ tư duy, poster… (khuyến khích các hình ảnh minh họa, ý tưởng trình bày sáng tạo) về đa dạng động vật và phân loại

Làm việc cá nhân hoặc hoạt động nhóm: 2-4HS/nhóm

Tiêu chí đánh giá Phụ lục 1.1

Thời gian: nộp sản phẩm sau 3 tiết học.

Phụ lục 1.1. Tiêu chí chấm sản phẩm:

STT	Tiêu chí	Yêu cầu	Số điểm
1	Nội dung	- Đầy đủ, ngắn gọn, chính xác (3 điểm). - Sắp xếp nội dung logic, sáng tạo (2 điểm).	

2	Hình thức	- Bố cục khoa học, hợp lí (2 điểm). - Có cả kênh chữ và kênh hình (1 điểm). - Hình ảnh minh họa phù hợp, sinh động (1 điểm).	
3	Ý thức học tập	- Hoàn thành đúng thời gian cho phép (1 điểm).	
Tổng điểm:			

*** Hướng dẫn về nhà:** làm 1 phần tập san, học thuộc sơ đồ tư duy

Ngày soạn: 4/2/2022
Ngày dạy: 7/2/2022

Tiết 39-Bài 36: ĐỘNG VẬT (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Biết được đặc điểm chung của nhóm động vật không có xương sống.
- Nhận biết được các ngành trong nhóm động vật không xương sống dựa vào hình ảnh, mẫu vật.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát mẫu vật, hình ảnh hình thái để nhận biết các ngành trong nhóm động vật có xương sống.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra các đặc điểm chung của nhóm động vật không xương sống.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Tổng hợp, khái quát hóa được đặc điểm chung của động vật.

Lấy được ví dụ về một số con vật điển hình cho các ngành thuộc nhóm động vật không xương sống.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân tìm hiểu về sự đa dạng của động vật.

Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, phân chia nhiệm vụ và chủ động thực hiện, hỗ trợ, góp ý cho các thành viên trong nhóm.

Cẩn thận, tỉ mỉ quan sát mẫu vật, mô hình, hình ảnh hình thái để phát hiện các đặc điểm chung của động vật, và của các nhóm động vật không xương sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Các tranh, ảnh đại diện các lớp/ ngành thuộc giới Động vật.
- Thiết bị để trình chiếu, slide bài giảng
- Phiếu học tập (dùng cho phần kiểm tra, đánh giá)

2. Học sinh

Hình ảnh các đại diện các loài thuộc các nhóm động vật. vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
GV tổ chức trò chơi ai nhanh mắt gọi đúng tên các loài vật ➔ HS gấp SGK - HS chơi xong GV yêu cầu các nhóm thỏa luận chia nhóm các loài trên thành 2 nhóm và gọi tên, nêu tiêu chí phân loại - GV chốt lại chách phân chia thành 2 nhóm ĐVCXS và ĐVKCXS	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu các nhóm động vật - Động vật không xương sống

**** Mục tiêu:***

- Biết được đặc điểm chung của nhóm động vật không có xương sống.
- Nhận biết được các ngành trong nhóm động vật không xương sống dựa vào hình ảnh, mẫu vật.

**** Tổ chức thực hiện:***

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
GV đặt câu hỏi: + Những loài có đặc điểm cơ thể như thế nào được xếp vào nhóm động vật không xương sống và gồm có những ngành chính nào? + Quan sát hình trong SGK hoặc hình GV cung cấp về đại diện của các ngành để hoàn thành phiếu học tập. Lưu ý: + Tìm hiểu về môi trường sống, đặc điểm đặc trưng của mỗi ngành. + Tìm thêm các đại điện ở mỗi ngành. Gv yêu cầu học sinh đọc đáp án của nhóm mình. Gv chiếu đáp án đúng. Sau đó GV yêu cầu các nhóm tìm hiểu tiếp câu hỏi hoạt động ở mục II và hoàn thành phiếu học tập 2 + HS Hoạt động theo nhóm đôi để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao + GV: quan sát và trợ giúp các cặp. Các nhóm báo cáo + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. GV nhận xét và đánh giá HS ở mỗi lần HS trả lời.	**II. Các nhóm động vật** *1. Động vật không xương sống* - Gồm những loài động vật cơ thể chúng không có xương sống. - Một số ngành chủ yếu: ruột khoang, giun dẹp, giun tròn, giun đốt, thân mềm, chân khớp….

	Nhóm động vật	**Đặc điểm nhận biết**	**Đại diện**
Động vật không xương sống	*Ngành Ruột khoang*	Cơ thể đối xứng tỏa tròn, khoang cơ thể thông ra bên ngoài qua lỗ miệng	Thủy tức, sứa, hải quỳ…
	Ngành Giun dẹp	Cơ thể dẹp, Đối xứng 2 bên	Sán lá gan, sán dây…
	Ngành Giun tròn	Cơ thể hình trụ, hầu hết kích thước bé	Giun kim, giun đũa…
	Ngành Giun đốt	Cơ thể phân đốt	Giun đất, rươi…
	Ngành Thân mềm	Cơ thể rất mềm, thường được bao bọc bởi lớp vỏ cứng bên ngoài	Trai, ốc, mực, bạch tuộc…
	Ngành Chân khớp	Phần phụ phân đốt, nối với nhau bằng khớp động	Tôm, rết, nhện, châu chấu…

3. Hoạt động 3: Luyện tập

**** Mục tiêu:*** Hệ thống được một số kiến thức đã học.

**** Tổ chức thực hiện:***

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: 1. Với mỗi ngành thuộc nhóm động vật không xương sống, em hãy tìm ra một từ khóa là dấu hiệu giúp em nhận biết được chúng thuộc ngành nào? Học sinh trả lời, học sinh khác nhận xét. Giáo viên cho điểm. - Yêu cầu học sinh viết sơ đồ tư duy bài học. - Kết luận: GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố

*** Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

***Tổ chức thực hiện:** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

Hình thức: báo cáo bằng sơ đồ tư duy, poster… (khuyến khích các hình ảnh minh họa, ý tưởng trình bày sáng tạo)

Làm việc cá nhân hoặc hoạt động nhóm: 2-4HS/nhóm

Tiêu chí đánh giá Phụ lục 1.1

Thời gian: nộp sản phẩm sau 3 tiết học.

Phụ lục 1.1. Tiêu chí chấm sản phẩm:

STT	Tiêu chí	Yêu cầu	Số điểm
1	Nội dung	- Đầy đủ, ngắn gọn, chính xác (3 điểm). - Sắp xếp nội dung logic, sáng tạo (2 điểm).	
2	Hình thức	- Bố cục khoa học, hợp lí (2 điểm). - Có cả kênh chữ và kênh hình (1 điểm). - Hình ảnh minh họa phù hợp, sinh động (1 điểm).	
3	Ý thức học tập	- Hoàn thành đúng thời gian cho phép (1 điểm).	
Tổng điểm:			

*** Hướng dẫn về nhà:** làm 1 phần tập san, học thuộc sơ đồ tư duy

Ngày soạn: 11/2/2022
Ngày dạy: 147/2/2022

Tiết 39-Bài 36: ĐỘNG VẬT (Tiết 3)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Biết được đặc điểm chung của nhóm động vật có xương sống.
- Phân biệt được hai nhóm động vật có xương sống và không có xương sống.
- Nhận biết được các lớp trong nhóm động vật có xương sống dựa vào hình ảnh, mẫu vật.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát mẫu vật, hình ảnh hình thái để nhận biết các nhóm động vật có xương sống.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra các đặc điểm cấu tạo nổi bật của các lớp chủ yếu thuộc nhóm động vật có xương sống.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Tổng hợp, khái quát hóa được đặc điểm chung của nhóm động vật có xương sống.

Lấy được ví dụ về một số con vật điển hình thuộc các lớp chủ yếu trong nhóm động vật có xương sống.

Quan sát thế giới phân biệt được hai nhóm động vật có xương sống và không có xương sống.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân tìm hiểu về nhóm động vật có xương sống.

Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, phân chia nhiệm vụ và chủ động thực hiện, hỗ trợ, góp ý cho các thành viên trong nhóm.

Cẩn thận, tỉ mỉ quan sát mẫu vật, mô hình, hình ảnh hình thái để phát hiện các đặc điểm nổi bật của một số lớp chủ yếu trong nhóm động vật có xương sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Giáo viên:

-Hình ảnh, mẫu vật, mô hình các đại diện các loài thuộc nhóm động vật có xương sống. (Chuẩn bị đủ các bộ hình ảnh cho các nhóm)

Phiếu học tập Động vật có xương sống, phiếu học tập. Bảng tổng kết các nhóm động vật.

2.Học sinh:

Tìm kiếm thông tin về động vật có xương sống. Trình bày bằng powerpoint, poster…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
Học sinh tham gia trò chơi để kiểm tra kiến thức cũ về động vật không xương sống: ***Tổ chức trò chơi "Đấu trí".** - GV hoặc HS làm quản trò điều hành trò chơi. - Công bố luật chơi: Mỗi đội cử 3 bạn lên chơi trò chơi + Các đội bốc thăm tìm thứ tự chơi của mình. + Sau khi đưa ra câu hỏi, mỗi đội sẽ trả lời 1 đáp án, lần lượt và liên tục theo vòng. + Mỗi câu trả lời đúng được tính điểm. + Nếu đến lượt trả lời của mình mà không đưa ra được đáp án sẽ bị dừng lại, và phải chờ đến câu hỏi tiếp theo mới được tham gia. - HS Tham gia trò chơi. - GV tổng kết trao thưởng. **Câu hỏi:** 1. Nêu đặc điểm của ngành Ruột khoang và 1 số đại diện? 2. Nêu đặc điểm của ngành Giun dẹp và 1 số đại diện? 3. Nêu đặc điểm của ngành Giun tròn và 1 số đại diện? 4. Nêu đặc điểm của ngành Giun đốt và 1 số đại diện? 5. Nêu đặc điểm của ngành Thân mềm và 1 số đại diện? 6. Nêu đặc điểm của ngành Chân khớp và 1 số đại diện?	

Nhóm động vật	Đặc điểm nhận biết	Đại diện
Ngành Ruột khoang	Cơ thể đối xứng tỏa tròn, khoang cơ thể thông ra bên ngoài qua lỗ miệng	Thủy tức, sứa, hải quỳ…
Ngành Giun dẹp	Cơ thể dẹp, Đối xứng 2 bên	Sán lá gan, sán dây…
Ngành Giun tròn	Cơ thể hình trụ, hầu hết kích thước bé	Giun kim, giun đũa…
Ngành Giun đốt	Cơ thể phân đốt	Giun đất, rươi…
Ngành Thân mềm	Cơ thể rất mềm, thường được bao bọc bởi lớp vỏ cứng bên ngoài	Trai, ốc, mực, bạch tuộc…
Ngành Chân khớp	Phần phụ phân đốt, nối với nhau bằng	Tôm, rết, nhện, châu chấu…

		khớp động	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.: Tìm hiểu các nhóm động vật có xương sống

* Mục tiêu:

- Biết được đặc điểm chung của nhóm động vật có xương sống.
- Phân biệt được hai nhóm động vật có xương sống và không có xương sống.
- Nhận biết được các lớp trong nhóm động vật có xương sống dựa vào hình ảnh, mẫu vật.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu HS đọc SGK để chỉ ra điểm khác biệt cơ bản giữa động vật không xương sống và động vật có xương sống. - GV cùng HS tìm hiểu các lớp chính của động vật có xương sống. + HS đọc SGK để nêu đặc điểm đặc trưng ở từng lớp: môi trường sống, hình dạng,... + Cho HS quan sát các hình trong SGK tương ứng với nội dung tìm hiểu -GV yêu cầu học sinh hoạt động nhóm (10 thành viên/nhóm): mỗi nhóm được phát các tư liệu hình ảnh các loài vật đại diện cho các nhóm động vật có xương sống 5 phút: 2 thành viên tìm hiểu 1 nhóm động vật về các thông tin: đặc điểm nhận biết, đại diện các nhóm, môi trường sống. 5 phút: Tổng hợp kết quả - Hoàn thành phiếu học tập + GV yêu cầu HS đọc SGK, nhận biết đại diện các nhóm động vật và hoàn thiện nhóm đôi phần bước 1 và hoàn thiện theo nhóm 10 HS phần bước 2 trong nội dung hiếu học tập. - Thực hiện nhiệm vụ: + HS tìm tòi tài liệu, thảo luận và đi đến thống nhất về đặc điểm nhận biết và đại diện các nhóm động vật có xương sống - Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên 1 nhóm trình bày trong Phiếu học tập, các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét bổ sung (nếu có). - Kết luận: GV nhận xét về kết quả hoạt đông của	*2. Động vật có xương sống* Gồm những loài động vật mà cơ thể chúng thường có xương sống. Một số lớp chủ yếu: + Lớp cá + Lớp bò sát + Lớp chim + Lớp lưỡng cư + Lớp động vật có vú (Thú)

các nhóm. GV chốt đáp án phiếu học tập về đặc điểm nhận biết và đại diện các nhóm động vật có xương sống.	

Động vật có xương sống	*Lớp Cá*	Thân hình thoi, dẹp 2 bên, Hô hấp bằng mang	Cá mập, cá chép, cá mè…
	Lớp Lưỡng cư	Phát triển qua biến thái: Giai đoạn ấu trùng phát triển trong nước, hô hấp bằng mang, giai đoạn trưởng thành sống trên cạn, hô hấp bằng da và phổi.	Cóc nhà, ếch đồng,…
	Lớp Bò sát	Hô hấp bằng phổi, vảy sừng che phủ	Rùa, thằn lằn, cá sấu…
	Lớp Chim	Lông vũ bao phủ, chi trước biến đổi thành cánh, hô hấp bằng phổi, hệ thống túi khí phát triển	Chim bồ câu, vịt trời, …
	Lớp Thú	Lông mao bao phủ cơ thể, Đẻ con, nuôi con bằng sữa tiết ra từ tuyến vú	Thỏ, bò, voi, lợn,…

3. Hoạt động 3: Luyện tập

* Mục tiêu: Hệ thống được một số kiến thức đã học.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm; tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi. - Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. - Báo cáo: GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. - Kết luận: GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

b) Nội dung: Tìm hiểu sự đa dạng các nhóm động vật đã học.

c) Sản phẩm: HS tạo được 1 phần tập san chủ đề: Đa dạng động vật ….. (nhóm động vật có xương sống)

d) Tổ chức thực hiện: Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

Hình thức: báo cáo bằng sơ đồ tư duy, poster, inforgraphic… (khuyến khích các hình ảnh minh họa, ý tưởng trình bày sáng tạo)

Làm việc cá nhân hoặc hoạt động nhóm: 2-4HS/nhóm

Tiêu chí đánh giá Phụ lục 1.1

Thời gian: nộp sản phẩm vào tiết học sau.

Phụ lục 1.1. Tiêu chí chấm sản phẩm:

STT	Tiêu chí	Yêu cầu	Số điểm
1	Nội dung	- Đầy đủ, ngắn gọn, chính xác (3 điểm). - Sắp xếp nội dung logic, sáng tạo (2 điểm).	
2	Hình thức	- Bố cục khoa học, hợp lí (2 điểm). - Có cả kênh chữ và kênh hình (1 điểm). - Hình ảnh minh họa phù hợp, sinh động (1 điểm).	
3	Ý thức học tập	- Hoàn thành đúng thời gian cho phép (1 điểm).	
Tổng điểm:			

*** Hướng dẫn về nhà:** làm tiếp tập san và học thuộc sơ đồ tư duy

Ngày dạy: 18/02/2022
Ngày dạy: 21/02/2022

Tiết 41- Bài 36: ĐỘNG VẬT (Tiết 4)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được vai trò và tác hại của một số động vật trong tự nhiên và đời sống.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh để nêu được vai trò và tác hại của động vật.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra vai trò và tác hại của động vật.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống, đưa ra được giải pháp hạn chế tác hại của động vật, thiết kế được sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức bài học.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

Lấy được ví dụ về vai trò và tác hại của một số con vật điển hình.

Quan sát thế giới, chỉ ra được các vai trò và tác hại của động vật đối với con người và tự nhiên.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân tìm hiểu về vai trò và tác hại của động vật.

Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, phân chia nhiệm vụ và chủ động thực hiện, hỗ trợ, góp ý cho các thành viên trong nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Giáo viên:

- Các tranh, ảnh vai trò và tác hại của một số con vật.
- Thiết bị để trình chiếu, slide bài giảng
- Phiếu học tập (dùng cho phần kiểm tra, đánh giá)

2.Học sinh:

Tìm kiếm thông tin về vai trò hoặc tác hại của động vật đối với đời sống. Trình bày bằng powerpoint, poster…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV chiếu câu chuyện về chiến dịch diệt chim sẻ ở Trung Quốc và yêu cầu HS đọc. - Qua câu chuyện trên em hãy phát biểu cảm nghĩ của em về loài chim này với con người và với môi trường tự nhiên. ? Vậy để biết động vât có ích hay có hại đó chính là nội dung bài học ngày hôm nay cô và các em sẽ cùng tìm hiểu.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu vai trò của động vật

***Mục tiêu:**

Liên hệ thực tiễn, liệt kê được vai trò của động vật trong tự nhiên và đối với đời sống con người và cho ví dụ minh họa.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Giao nhiệm vụ học tập: Hoạt động nhóm (Chia cả lớp thành 6 nhóm) Chủ đề: Động vật mang lại lợi ích như thế nào với môi trường và đời con người thời gian 8’ HS hoàn thành sơ đồ ra bảng phụ sơ đồ tư duy hoặc cành cây - Đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả các nhóm còn lại nhận xét - Kết luận: GV nhận xét về kết quả hoạt đông của các nhóm. GV chốt đáp án: Động vật mang lại lợi ích đồng thời cũng gây ra các tác hại đối với đời sống con người và tự nhiên. Động vật là mắt xích quan trọng của chuỗi thức ăn trong tự nhiên, góp phần duy trì trạng thái cân bằng của hệ sinh thái. Con người cần phải chung sống hòa bình và bảo vệ tất cả các loài động vật. - Em hãy kể các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật mà hàng ngày em sử dụng. - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tiếp sức viết tên các loài động vật có giá trị về các mặc vào bảng thười gian 2’ - Mỗi đội cả 4 hs tham gia chơi, lớp chia thành 2 đội. - 2 Đội tham gia chơi các bạn cổ vũ - GV chốt kiến thức.	**- III. Vai trò của động vật** **1. Vai trò đối với tự nhiên** Động vật có vai trò quan trọng trong cuộc sống hằng ngày: + Giúp Cân bằng hệ sinh thái +Cải tạo đất đai (giun, dế, bọ hung,…) +Giúp thụ phấn cho cây, phát tán hạt cây **2.Vai trò đối với con người** *Lợi ích: + Cung cấp thức ăn cho con người + Cung cấp nguyên liệu phục vụ đời sống và sản xuất + Phục vụ cho nhu cầu giải trí và an ninh + Tiêu diệt các sinh vật gây hại cho, cung cấp sức kéo + Là đối tượng thí nghiệm phục vụ cho y học

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về tác hại của động vật

***Mục tiêu:**

Liên hệ thực tiễn, liệt kê được tác hại của động vật trong tự nhiên và đối với đời sống con người và cho ví dụ minh họa.

Trợ giúp của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
GV chiếu hình ảnh các tác hại của động vật và yêu cầu HS quan sát ghi nhớ, thảo luận cặp đôi để nêu ra tác hại của động vật với thực vật với con người và các động vật khác. - Đại diện 1 nhóm trả lời các nhóm khác bổ sung. - Ngoài các loài kể trên em hãy kể thêm các loài động vật gây hại trong cuộc sống mà em biết? - 1-2 HS trả lời - GV chiếu vòng đời của giun đũa và yêu cầu HS nêu biện pháp phòng tránh các bệnh về giun sán nói chung? - GV yêu cầu HS nêu biện pháp phòng các bệnh về động vật. - 1-2 HS trả lười lớp nhận xét bổ sung.	**Tác hại của động vật** ➢ Kí sinh gây bệnh cho người và động vật. ➢ Là vật trung gian truyền bệnh ➢ Phá hại mùa màng, làm giảm năng suất của cây trồng. => Để phòng tránh các bệnh giun, sán, mọi người nên ăn chín, uống sôi; rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và khi chế biến thực phẩm

3. Hoạt động 3: Luyện tập

*** Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Giao nhiệm vụ: GV chiếu bức tranh một số loài động và yêu cầu các em gọi tên loài, chúng xếp vào lớp nào và nêu đặc điểm chung của lớp. - Mỗi đại diện 1 HS trả lời. - HS làm bài tập ghép cột với một số đại diện của một số lớp về đặc điểm chung của lớp	HS nêu được đặc điểm của lướp tương ứng với các con đại diện

4. Hoạt động 4: Vận dụng

***Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

***Tổ chức thực hiện:** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

Hình thức: báo cáo bằng sơ đồ tư duy, poster, inforgraphic… (khuyến khích các hình ảnh minh họa, ý tưởng trình bày sáng tạo)

Làm việc nhóm: 2-4HS/nhóm

Tiêu chí đánh giá Phụ lục 1.1

Thời gian: nộp sản phẩm vào tiết học sau.

Phụ lục 1.1. Tiêu chí chấm sản phẩm:

STT	Tiêu chí	Yêu cầu	Số điểm

1	Nội dung	- Đầy đủ, ngắn gọn, chính xác (3 điểm). - Sắp xếp nội dung logic, sáng tạo (2 điểm).	
2	Hình thức	- Bố cục khoa học, hợp lí (2 điểm). - Có cả kênh chữ và kênh hình (1 điểm). - Hình ảnh minh họa phù hợp, sinh động (1 điểm).	
3	Ý thức học tập	- Hoàn thành đúng thời gian cho phép (1 điểm).	
Tổng điểm:			

*** Hướng dẫn về nhà:** làm tập san

Ngầy soạn: 25/2/2022
Ngày dạy: 28/2/2022

Tiết 42 - BÀI 37: THỰC HÀNH: QUAN SÁT VÀ NHẬN BIẾT MỘT SỐ NHÓM ĐỘNG VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN.

I. MỤC TIÊU:
1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS
- Quan sát và phân nhóm các động vật quan sát được ngoài thiên nhiên theo từng nhóm.
- Biết cách viết thu hoạch về kết quả học tập ngoài thiên nhiên.

2. Năng lực
- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác.
- Năng lực riêng:
+ Năng lực sử dụng kính lúp
+ Năng lực quan sát
+ Năng lực trao đổi thông tin.
+ Năng lực cá nhân của HS.
- Năng lực sử dụng kính lúp, quan sát, trao đổi thông tin.

3. Phẩm chất
- Phẩm chất: Nâng cao lòng yêu thiên nhiên và ý thức bảo vệ động vật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Ống nhòm, kính lúp, máy ảnh, địa điểm gần trường học (lựa chọn: vườn trường,hoặc vườn cây quanh trương hoặc trong phòng thực hành.)
2. Học sinh: Vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động 1: Chuẩn bị, khởi động, mở bài (5')

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV đặt câu hỏi: + Em hãy kể tên 1 số động vật ở địa phương mà em biết? - HS trả lời: chó, mèo, lợn, gà, tôm,cua, giun đất, ếch… - Từ phần trả lời của hs GV dẫn dắt vào bài học: *Ở bài trước chúng ta tìm hiểu động vật là một nhóm sinh vật đa bào được xếp vào giới động vật. Cơ thể chúng lớn lên khi phát triển, hầu hết chúng có thể di chuyển bằng cách tự nhiên và độc lập. Chúng cũng có quá trình tiến hóa và phát triển như loài người, có muôn vàn điều bí ẩn để chúng ta khám phá. Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ thực hành quan sát, kể tên và nhận biết về một nhóm động vật ngoài thiên nhiên.*	

2. Hoạt động 2: Tiến hành

Thực hành quan sát các nhóm động vật trên khu vực vườn trường ngoài thiên nhiên (hoặc có thể trên tranh ảnh, tư liệu ở phòng thực hành.(20')

*** Mục tiêu:** HS quan sát các nhóm động vật ngoài thiên nhiên hoặc GV giới thiệu cho HS về các nhóm động vật ngoài thiên nhiên trên tranh ảnh tư liệu.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV yêu cầu hs đọc mục chuẩn bị của bài thực hành trong SGK/ 133 **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm nhỏ từ 5-6 người, các nhóm sẽ nghiên cứu quan sát từng khu vực, hoặc các hình ảnh trên video… + Phát hiện các loài ở từng khu vực, xác định tên, đặc điểm + Quan sát cơ quan di chuyển và cách di chuyển của các loài. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + HS Hoạt động theo nhóm, ghi chép lại những thông tin quan sát được. + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.	**I. Chuẩn bị:** SGK/ 133 **II. Cách tiến hành** **Bước 1: Quan sát động vật ở các khu vực khác nhau** + Tiến hành quan sát, chụp ảnh các loài động vật ở các khu vực. + Ghi tên các loài đã quan sát được cùng với môi trường sống của chúng **Bước 2:** Quan sát màu sắc, hình dạng, đặc điểm đặc trưng của các loài động vật. Sử dụng kính lúp, ống nhòm

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS tổng hợp ghi ghép, quan sát để chuẩn bị cho bài báo cáo. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Sau khi HS quan sát xong, GV tập hợp HS lại và giải đáp những thắc mắc nếu có của HS.	để quan sát.

Hoạt động 3: Thu hoạch(15')

*** Mục tiêu:** Tổng hợp lại kết quả và hoàn thành bài thu hoạch cùng nhận xét, giải thích của mình về các kết quả quan sát.

*** Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS hoàn thiện bài thu hoạch bằng cách hoàn thiện 2 câu hỏi phần III vào giấy: **Câu 1.** Hoàn thành bảng thu hoạch theo mẫu sau: **Câu 2.** Trả lời câu hỏi: a) Trong khu vực quan sát nhóm động	**III. Thu hoạch** HS dựa vào kết quả quan sát thực tế để hoàn thành Câu 1. Ví dụ:

STT	Tên động vật quan sát được	Môi trường sống	Đặc điểm (hinh dạng, màu sắc, ...)
1	Tôm	Dưới nước	Chân phân đốt
2	?	?	?
3	?	?	?
4	?	?	?
...	?	?	?

STT	Tên động vật quan sát được	Môi trường sống	Đặc điểm (hinh dạng, màu sắc, ...)
1	Tôm	Dưới nước	Chân phân đốt
2	Cá	Dưới nước	cơ thể hình thoi, dẹp hai bên
3	Châu chấu	Trên cây	Màu xanh, cơ thể phân đốt, có cánh, biết bay…
4	Chim	Trên cạn	có lông vũ bao phủ cơ thể, có cánh
5	Nhện	Trên cạn	Màu đen,Chân phân đốt.
6	Gà	Trên cạn	có lông vũ bao phủ cơ thể, có cánh…

vật nào em gặp nhiều nhất? Nhóm nào gặp ít nhất? Nhận xét về hình dạng, kích thước, cơ quan di chuyển và cách di chuyển của các loài động vật quan sát được.
b) Nêu tên các động vật có ích cho cây, có hại cho cây mà em quan sát được.
c) Nhiều loài động vật có màu sắc trùng với màu của môi trường hoặc có hình dạng giống với vật nào đó trong môi trường (Hình 14.3). Hãy kể tên các động vật có những đặc điểm trên mà em quan sát được. Theo em, những đặc điểm này có lời gì cho động vật?
Câu 3. Chia sẻ những hình ảnh về động vật em đã chụp được trong quá trình quan sát hoặc vẽ lại một loài em đã quan sát được.
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
HS trả lời câu hỏi dựa trên kết quả quan sát thực tế và hoàn thành báo cáo thu hoạch
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
HS thảo luận và chia sẻ các hình ảnh động vật chụp được trong quá trình học tập
- Bước 4: Kết luận, nhận định:
GV thu lại bài thu hoạch.

7	Bướm	Trên cạn	Đa dạng, có cánh bay…
8	Giun đất	Trong đất	Thuôn dài, nhọn 2 đầu...
9	…..		

Câu 2.

a) Nhóm động vật có xương sống gặp nhiều nhất, động vật không xương sống gặp ít nhất.

b) Học sinh quan sát, nêu tên các loài động vật.

c) Ví dụ những loài động vật: tắc kè, sâu , bọ ngựa, ...
Những đặc điểm về màu sắc và hình dáng đó giúp chúng ngụy trang trong môi trường, tránh bị kẻ thù hoặc con mồi phát hiện.

Câu 3: HS tự chia sẻ

4. Hoạt động 4: Vận dụng, củng cố (5')
- Yêu cầu Học sinh vận dụng trả lời câu hỏi
Câu 1: Qua bài thực hành em hãy nhận xét sự đa dạng về số lượng loài và môi trường sống của các loài động vật quan sát được?
Câu 2: Chúng ta cần làm gì để bảo vệ các loài động vật có ích?
- GV nhận xét, đánh giá cho điểm các nhóm .
*** Hướng dẫn về nhà:** - HS hoàn thiện bài thu hoạch
- Đọc trước và chuẩn bị bài mới. bài 38: Đa dạng sinh học

Ngày soạn: 4/3/2022
Ngày dạy: 7/3/2022

Tiết 43: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:

- Nêu lại được đặc điểm nhận biết của mỗi nhóm thực vật.
- Kể tên các loài động vật có xương sống và động vật không xương sống.
- Vai trò của động vật và thực vật

2. Về năng lực:

- Nêu được đặc điểm nhận biết mỗi ngành động vật
- Nêu lại được đặc điểm nhận biết của mỗi nhóm thực vật.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thức hiện nhiệm vụ cá nhân nhằm hệ thống lại những kiến thức về sự đa dạng của thế giới sống.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thảo luận để hoàn thành các câu hỏi và bài tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Hình ảnh về một số loài thực vật và động vật.
- Phiếu học tập phiếu học tập số 1, 2, 3

2. Học sinh:

- Ôn tập kĩ các bài học thực vật và động vật

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là tổng kết chủ đề đa dạng thế giới sống.

* Mục tiêu: Giúp học sinh xác đinh được vấn đề học tập là các loài sinh vật trong tự nhiên vô cùng phong phú và đa dạng.

* Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên chia lớp thành 2 đội chơi. Mỗi đội sẽ lần lượt trả lời 2 câu hỏi.
- Lượt chơi 1: Mỗi đội có 2 phút để thảo luận và kể tên các loài cây ở câu hỏi 1 vào giấy. Mỗi đáp án đúng được 10 điểm.
- Lượt chơi 2: Mỗi đội có 2 phút để thảo luận và kể tên các loài động vật ở câu hỏi 2 vào giấy. Mỗi đáp án đúng được 20 điểm.
- Sau 2 lượt chơi đội nào được nhiều điểm hơn đội đố chiến thắng.

Hoạt động 2: Bài tập 1

* Mục tiêu: Kể tên được các loài sinh vật thuộc giới động vật và thực vật.

*Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Phát phiếu học tập số 1 cho các nhóm (5-6 học sinh) (Mỗi giới kể tên ít nhất 5 loài, nhóm nào kể đúng và nhiều nhất là nhóm chiến thắng)
- HS thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1.
- Báo cáo, thảo luận: GV cho các nhóm chấm điểm chéo và nhận xét cho nhau.
- Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chốt nội dung.

GIỚI THỰC VẬT (cây bàng, cây bưởi, cây cam, cây xà cừ, cây đậu, cây cà chua, rêu,…)	**GIỚI ĐỘNG VẬT** (hổ, dê, cáo, thỏ, rắn, gà, ốc, sò, cá chép, cá mè,…)

Hoạt động 4: Bài tập 2

* Mục tiêu: Nhắc lại đặc điểm nhận biết của các nhóm thực vật

*Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Phát phiếu học tập số 2 cho các nhóm.
- HS thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2.
- Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên một nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
- Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chốt nội dung

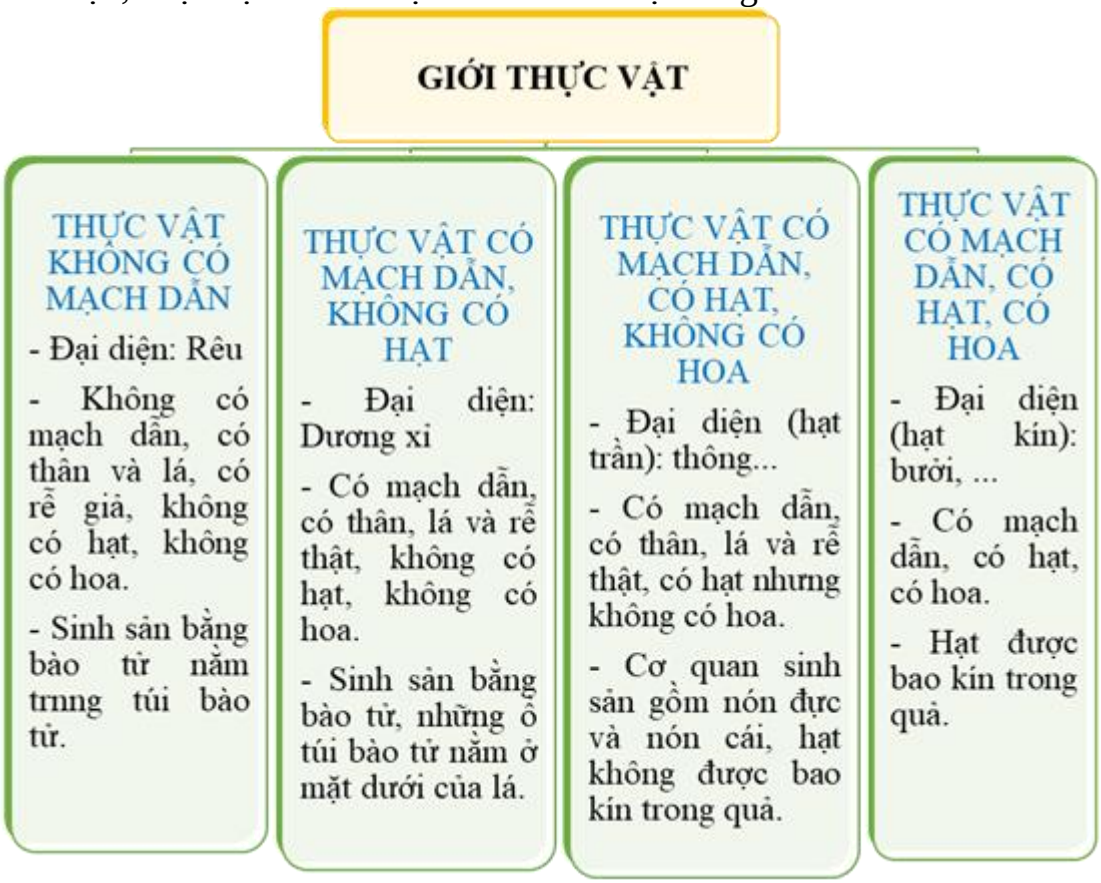

Hoạt động 4: Bài tập 3:

* Mục tiêu: Nhắc lại đặc điểm nhận biết của các nhóm động vật.

* Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:
  - Phát phiếu học tập đầu tiên cho các nhóm chuyên gia về "động vật không xương sống" và phiếu học tập thứ 2 cho các nhóm chuyên gia về "động vật có xương sống"

- Mỗi ngành, lớp kể tên ít nhất 5 loài, nhóm nào kể đúng và nhiều nhất trong thời gian quy định là nhóm chiến thắng.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1.
– Báo cáo, thảo luận: GV cho các nhóm chuyên gia thuộc cùng 1 lĩnh vực nghiên cứu chấm điểm chéo và nhận xét cho nhau.
– Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chốt nội dung.

+ SƠ ĐỒ 1: ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG

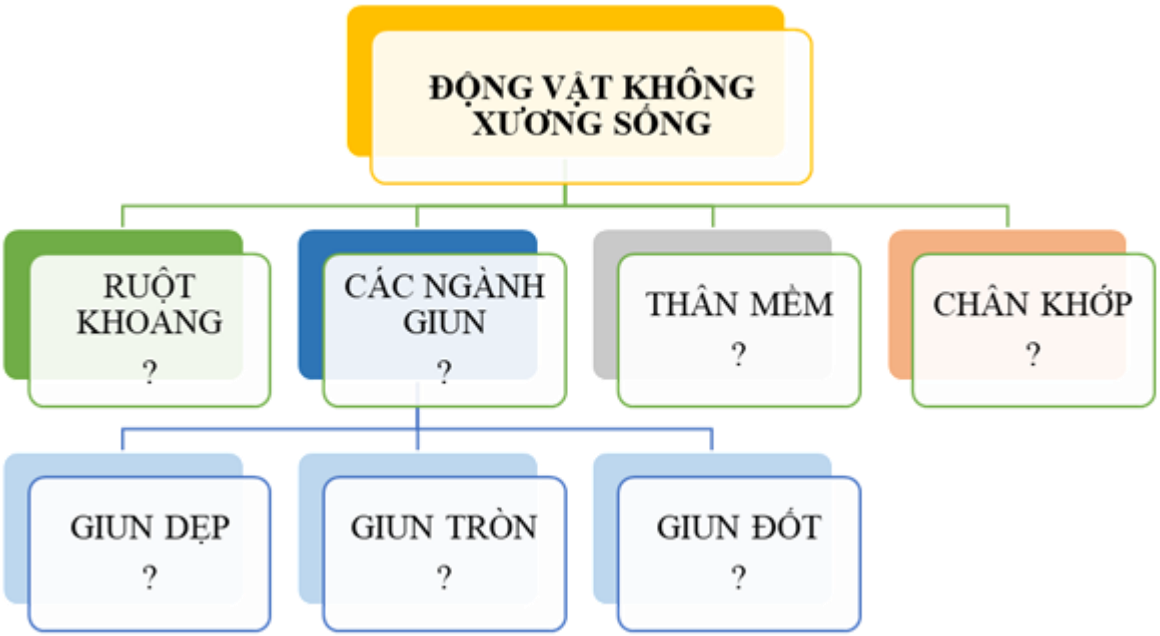

+ SƠ ĐỒ 2: ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG

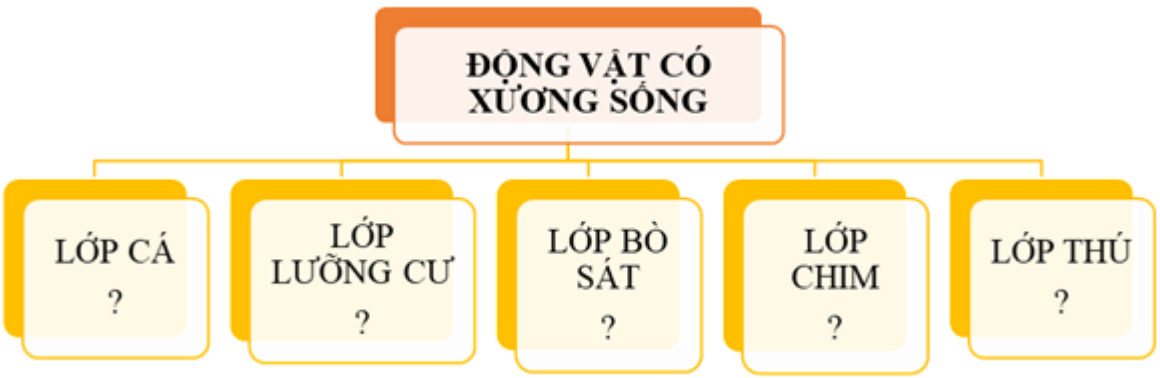

Hoạt động 3: Luyện tập:

* Mục tiêu:

Hs nhìn trnah ảnh nêu được tên và nhóm của các loài động thực vật

* Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.
– GV đưa hình mảnh một số nhóm thực và và động vật yêu cầu HS gọi tên và cho biết thuộc nhóm nào?

– Kết luận: GV nhận xét và chốt đáp án.

Ngày soạn: 11/3/2022
Ngày dạy: 14/3/2022

Tiết 45-BÀI 38: ĐA DẠNG SINH HỌC(t1)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm đa dạng sinh học
- Nêu được đặc điểm đặc đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học
- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, với con người và cho ví dụ.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát, nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, trong thực tiễn và cho ví dụ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học tạo sản phẩm khoa học giúp tuyên truyền cho người thân và bạn bè bảo vệ đa dạng sinh học.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Quan sát thế giới, chỉ ra được các vai trò của đa dạng sinh học đối với con người và tự nhiên và cho ví dụ.
- Nghiên cứu tài liệu, tổng hợp, khái quát hóa nguyên nhân và hậu quả của việc suy giảm đa dạng sinh học.

- Từ nguyên nhân và hậu quả gây ra suy giảm đa dạng sinh học, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân tìm hiểu vai trò đa dạng sinh học, nguyên nhân và hậu quả gây suy giảm đa dạng sinh học.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, phân chia nhiệm vụ và chủ động thực hiện, hỗ trợ, góp ý cho các thành viên trong nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- GV: Phiếu học tập Đa dạng sinh học.
- HS: SGK, Các nhóm (mỗi nhóm 10 HS) tìm kiếm thông tin và báo cáo sản phẩm:

+ Nhóm 1: Đóng vai nhà nhiếp ảnh gia – Kể chuyện bằng hình ảnh: Tìm hiểu về vai trò của đa dạng sinh học đối với tự nhiên và con người.

+ Nhóm 2: Đóng vai nhà sinh học – Báo cáo khoa học: Tìm hiểu nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả.

+ Nhóm 3: Đóng vai nhà chính trị gia: tìm hiểu các biện pháp đã thực hiện ở Việt Nam và trên thế giới, từ đó đề xuất các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động:

***Mục tiêu:** Học sinh hình thành những hiểu biết ban đầu về đa đạng sinh học

* Tổ c hức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
Học sinh tham gia trò chơi để kiểm tra kiến thức nền của học sinh về đa dạng sinh học: ***Tổ chức trò chơi "Đấu trí".** - GV hoặc HS làm quản trò điều hành trò chơi. - Công bố luật chơi: Mỗi đội cử 3 bạn lên chơi trò chơi + Các đội bốc thăm tìm thứ tự chơi của mình. + Sau khi đưa ra câu hỏi, mỗi đội sẽ trả lời 1 đáp án, lần lượt và liên tục theo vòng. + Mỗi câu trả lời đúng được tính điểm. + Nếu đến lượt trả lời của mình mà không đưa ra được đáp án sẽ bị dừng lại, và phải chờ đến câu hỏi tiếp theo mới được tham gia. - HS Tham gia trò chơi. - GV tổng kết trao thưởng. **Câu hỏi:** - Liệt kê các môi trường có số lượng lớn các loài sinh vật sinh sống? - Liệt kê các loài sinh vật sống ở môi trường rừng mưa nhiệt đới? - Liệt kê các loài sinh vật sống ở môi trường đại dương?	HS có thể nêu được: - Môi trường có số lượng lớn loài sinh vật sinh sống: rừng mưa nhiệt đới, đại dương, đồng bằng phù sa… - Các loài sinh vật sống trong rừng mưa nhiệt đới: Báo đốm, con lười, cá heo sông, vẹt đuôi dài, trăn Nam Mỹ, ếch thủy tinh và ếch phi tiêu độc ... - Các loài sinh vật sống ở môi trường đại dương: Cá mập, cá heo, mực, bạch tuộc, rùa biển, san hô, tảo, rêu, rong,…

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng sinh học.

*** Mục tiêu:**

Nêu được đặc điểm đặc đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học, cho ví dụ

*** Tổ chức thực hiện**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV giao nhiệm vụ học tập cá nhân: tìm kiếm thông tin sách giáo khoa mục I trang149, trả lời câu hỏi: Đa dạng sinh học được thể hiện rõ nét nhất ở đặc điểm nào? - GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có). - GV nhận xét và chốt nội dung về đặc điểm đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học. - GV mở rộng: Đa dạng sinh học biểu hiện rõ nét nhất về số lượng loài, ngoài ra đa dạng sinh học còn được thể hiện thông qua sự đa dạng về số lượng cá thể trong loài và môi trường sống. VD: Trên thế giới hiện có 2 triệu loài sinh vật trong đó có 1,5 triệu loài động vật và 500 loài thực vật, trong đó: loài vẹt có hơn 393 loài trên thế giới (*Theo Wikipedia*), …. Đa dạng về môi trường sống như sinh vật phân bố ở khắp mọi nơi trên TĐ như từ hoang mạc đến đài nguyên, đến sa mạc hay bắc cự lạnh giá, ngay trong cùng một môi trường sống chúng cũng phân bố ở những nơi khác nhau như: Môi trường sống đại dương những loài sống ven bờ, có những loài sống khơi xa có những loài sống nổi trên mặt nước, có những loài sống sâu dưới đáy đại dương… VD2: Amazon là một trong những nơi đa dạng sinh học nhất trên trái đất. Hơn 3 triệu loài sống trong rừng nhiệt đới và hơn 2.500 loài cây (hoặc một phần ba tổng số cây nhiệt đới tồn tại trên trái đất) (*Theo Greenpeace USA)*	- Đa dạng sinh học biểu hiện rõ nét nhất về số lượng loài -VD: Rừng mưa nhiệt đới có rất nhiều loài động vật, thực vật sinh sống như hổ, báo, hươu nai, cú mèo, rắn, sóc, chuột, dương xỉ, dây leo, lim, lát, tre, trúc…

Hoạt động 2.2: Vai trò của đa dạng sinh học

*** Mục tiêu:**

- Học sinh nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, trong đời sống và cho ví dụ.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: * Kỹ thuật mảnh ghép: + GV yêu cầu các nhóm treo sản phẩm đã chuẩn bị ở lên 3 vị trí trong lớp. + Học sinh trong 1 nhóm tự đánh số từ 1 đến 3. Nếu thừa HS thì đánh số lại từ 1. + Học sinh có số giống nhau sẽ tập hợp thành nhóm mới (nhóm 1, 2, 3). - Thực hiện nhiệm vụ: + Mỗi nhóm về vị trí 1 sản phẩm: Nhóm 1 về vị trí sản phẩm A, Nhóm 2 về vị trí sản phẩm B, Nhóm 3 về vị trí sản phẩm C. + Thành viên của nhóm có sản phẩm thuyết trình về sản phẩm nhóm mình. + Sau 5 phút, các nhóm mới dịch chuyển vị trí theo vòng tròn: nhóm 1 đến vị trí sản phẩm B, nhóm 2 đến vị trí sản phẩm C, … Thành viên của nhóm có sản phẩm thuyết trình về sản phẩm nhóm mình (Tổng thời gian 15 phút) + HS về vị trí ngồi hoàn thiện sơ đồ tư duy trong phiếu học tập tổng kết kiến thức: Yêu cầu: Nội dung: đảm bảo đủ các phần: đặc điểm đặc trưng, vai trò Hình thức: cách trình bày sáng tạo tự do. - Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên 1 học sinh trình bày trong Phiếu học tập tổng hợp kiến thức đã học, các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét bổ sung (nếu có) (10 phút) - Kết luận: GV nhận xét về kết quả hoạt đông của các nhóm. GV chốt đáp án phiếu học tập về vai trò của đa dạng sinh học.	* Vai trò của đa dạng sinh học: Đối với tự nhiên: + Giúp duy trì và ổn định sự sống trên trái đất, các loài đều có mối quan hệ qua lại, khăng khít, hỗ trợ hay khống chế lẫn nhau. + Rừng tự nhiên có vai trò góp phàn ddieuf hòa khí hạu, choogns lũ lụt, xói mòn… Đối với con người: + Đảm bảo phát triển bền vững của con người thông qua việc cung cấp ổn định nguồn nước, lương thực, thực phẩm; tạo môi trường sống thuận lợi cho con người. + Giúp con người thích ứng với biến đổi khí hậu. + …

3. Hoạt động 3: Luyện tập

***Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức đã học, chứng minh được sự đa dạng sinh học của một môi trường đại diện (vườn Quốc gia Cúc Phương), nêu được vai trò và những biện pháp cụ thể bảo vệ sự đa dạng sinh học tại môi trường đó.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
-GV giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đọc tài liệu, sách báo về vườn Quốc gia Cúc Phương ở Việt Nam, yêu cầu: + Hãy chứng minh sự đa dạng sinh học của vườn Quốc gia Cúc Phương. + Vai trò của sự đa dạng sinh học đó. - Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. - Báo cáo: GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có). - Kết luận: GV nhận xét và chốt nội dung về sự đa dạng sinh học của vườn Quốc gia Cúc Phương.	- HS nêu được: + Sự đa dạng sinh học tại vườn Quốc gia Cúc Phương: -Hơn 2.200 loài thực vật và rêu, sở hữu những cây đại thụ hàng trăm tuổi như chò, đăng, sấu… và một số loại rất hiếm như giống lan Vietorchis aurea Averyanov chỉ phân bố tại một khu vực rất hẹp tại đây. -122 loài bò sát, lưỡng cư, 135 loài thú và hơn 2.000 loài côn trùng. -Khoảng 400 loài bướm khác như bướm phượng, bướm khế, hồ điệp…

4. Hoạt động 4: Vận dụng

***Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học tạo sản phẩm khoa học giúp tuyên truyền cho người thân và bạn bè hiểu về đa dạng sinh học.

***Tổ chức thực hiện:** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

Hình thức: tạo dự án, buổi workshop, phỏng vấn ngắn, tạo quỹ ủng hộ bảo vệ động vật hoang dã bằng cách bán các sản phẩm handmade…báo cáo bằng inforgraphic, powerpoint kết quả đạt được (khuyến khích các hình ảnh minh họa, ý tưởng trình bày sáng tạo, sản phẩm sáng tạo có nguyên liệu từ các vật liệu tái chế…)

Làm việc cá nhân hoặc hoạt động nhóm: 10HS/nhóm

Thời gian: nộp sản phẩm vào tiết học sau.

Phụ lục 1.1. Tiêu chí chấm sản phẩm:

STT	Tiêu chí	Yêu cầu	Số điểm
1	Nội dung	- Ý nghĩa thực tiễn của sản phẩm (3 điểm). - Cách tổ chức triển khai sản phẩm (3 điểm).	
2	Hình thức	- Sản phẩm rõ ràng, thể hiện được rõ ý nghĩa thực tiễn đề ra (3 điểm).	
3	Ý thức học tập	- Hoàn thành đúng thời gian cho phép (1 điểm).	
Tổng điểm:			

Ngày soạn: 18/3/2022
Ngày dạy: 21/3/2022

Tiết 46-BÀI 38: ĐA DẠNG SINH HỌC(t2)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Tìm được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả. Giải thích được lí do cần bảo vệ đa dạng sinh học.
- Liên hệ thực tiễn, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học tạo sản phẩm khoa học giúp tuyên truyền cho người thân và bạn bè bảo vệ đa dạng sinh học.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nghiên cứu tài liệu, tổng hợp, khái quát hóa nguyên nhân và hậu quả của việc suy giảm đa dạng sinh học.
- Từ nguyên nhân và hậu quả gây ra suy giảm đa dạng sinh học, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân tìm hiểu vai trò đa dạng sinh học, nguyên nhân và hậu quả gây suy giảm đa dạng sinh học.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, phân chia nhiệm vụ và chủ động thực hiện, hỗ trợ, góp ý cho các thành viên trong nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- GV: Phiếu học tập Đa dạng sinh học.
- HS: SGK, Các nhóm (mỗi nhóm 10 HS) tìm kiếm thông tin và báo cáo sản phẩm:

+ Nhóm 1: Đóng vai nhà sinh học – Báo cáo khoa học: Tìm hiểu nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả.

+ Nhóm 2: Đóng vai nhà chính trị gia: tìm hiểu các biện pháp đã thực hiện ở Việt Nam và trên thế giới, từ đó đề xuất các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động:

Mục tiêu: Học sinh hình thành những hiểu biết ban đầu về nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học.

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
Học sinh tham gia trò chơi để kiểm tra kiến thức nền của học sinh về vai trò và biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học: ***Tổ chức trò chơi "Đấu trí".** - GV hoặc HS làm quản trò điều hành trò chơi. - Công bố luật chơi: Mỗi đội cử 3 bạn lên	

chơi trò chơi + Các đội bốc thăm tìm thứ tự chơi của mình. + Sau khi đưa ra câu hỏi, mỗi đội sẽ trả lời 1 đáp án, lần lượt và liên tục theo vòng. + Mỗi câu trả lời đúng được tính điểm. + Nếu đến lượt trả lời của mình mà không đưa ra được đáp án sẽ bị dừng lại, và phải chờ đến câu hỏi tiếp theo mới được tham gia. - HS Tham gia trò chơi. - GV tổng kết trao thưởng. **Câu hỏi:** - Kể tên các loại thực phẩm và đồ dùng có nguồn gốc từ động vật và thực vật? - Nêu các nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học?	HS dựa vào kiến thức thực tế để nêu

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Tìm hiểu về nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả, từ đó đề xuất các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

*** Mục tiêu:**

- Học sinh nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, trong thực tiễn và cho ví dụ.
- Học sinh tìm được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả. Giải thích được lí do cần bảo vệ đa dạng sinh học.
- Học sinh đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Giao nhiệm vụ học tập: * Kỹ thuật nhóm + GV yêu cầu các nhóm vẽ sơ đồ tư duy trình bày về nguyên nhân, hậu quả gây suy giảm đa dạng sinh học và đề xuất biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học +Thời gian cho các nhóm hoạt động là 15’ + Đại diện các nhóm báo cáo kết quả - GV chọn nhóm chuyên gia đánh giá kết quả của 4 nhóm (gồm 4 thành viên) đánh giá theo tiêu chí là chính xác, dầy đủ và đẹp 2 tiêu chí đầu mỗi tiêu chí 4 điểm.	* Nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học: + Yếu tố tự nhiên: thiên tai: cháy rừng, sóng thần, lũ lụt …. + Yếu tố con người: khai thác bừa bãi, phá hoại môi trường … * Hậu quả suy giảm đa dạng sinh học: + Đối với con người: suy giảm nguồn lợi cung cấp cho con người. + Đối với tự nhiên: Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường,… * Biện pháp bảo vệ đa dạng

- GV hoàn thiện và hợp thức hóa kiến thức. - Với vai trò là HS thì abnr thân các em có thể làm gì để góp phần bảo vệ đa dạng sinh học.	sinh học: - Bảo vệ và trồng rừng. - Nghiêm cấm các hành vi khai thác, mua bán, tiêu thụ sản phẩm từ các loài động, thực vật quý hiếm. - Xây dựng các hệ thống khu bảo tồn. - Tuyên tuyền mọi người cùng thực hiện.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học, chứng minh được sự đa dạng sinh học của một môi trường đại diện (vườn Quốc gia Cúc Phương), nêu được vai trò và những biện pháp cụ thể bảo vệ sự đa dạng sinh học tại môi trường đó.

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
-GV giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đọc tài liệu, sách báo về vườn Quốc gia Cúc Phương ở Việt Nam, yêu cầu: + Hãy chứng minh sự đa dạng sinh học của vườn Quốc gia Cúc Phương. + Vai trò của sự đa dạng sinh học đó. + Để bảo vệ sự đa dạng sinh học tại vườn Quốc gia Cúc Phương, theo em phải làm như thế nào? - Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. - Báo cáo: GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có). - Kết luận: GV nhận xét và chốt nội dung về sự đa dạng sinh học của vườn Quốc gia Cúc Phương.	- HS nêu được: + Sự đa dạng sinh học tại vườn Quốc gia Cúc Phương: -Hơn 2.200 loài thực vật và rêu, sở hữu những cây đại thụ hàng trăm tuổi như chò, đăng, sấu… và một số loại rất hiếm như giống lan Vietorchis aurea Averyanov chỉ phân bố tại một khu vực rất hẹp tại đây. -122 loài bò sát, lưỡng cư, 135 loài thú và hơn 2.000 loài côn trùng. -Khoảng 400 loài bướm khác như bướm phượng, bướm khế, hồ điệp… +Vai trò và biện pháp bảo vệ (dựa vào kiến thức đã học để nêu).

4. Hoạt động 4: Vận dụng

***Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học tạo sản phẩm khoa học giúp tuyên truyền cho người thân và bạn bè bảo vệ đa dạng sinh học.

***Tổ chức thực hiện:** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

Hình thức: tạo dự án, buổi workshop, phỏng vấn ngắn, tạo quỹ ủng hộ bảo vệ động vật hoang dã bằng cách bán các sản phẩm handmade…báo cáo bằng

inforgraphic, powerpoint kết quả đạt được (khuyến khích các hình ảnh minh họa, ý tưởng trình bày sáng tạo, sản phẩm sáng tạo có nguyên liệu từ các vật liệu tái chế…)

Làm việc cá nhân hoặc hoạt động nhóm: 10HS/nhóm

Tiêu chí đánh giá Phụ lục 1.1

Thời gian: nộp sản phẩm vào tiết học sau.

Ngày soạn: 25/3/2022

Ngày dạy: *:28/3/2022*

Tiết 47.: TÌM HIỂU SINH VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Sau khi học xong bài này HS

- Quan sát được các loài sinh vật, môi trường sống và các đặc điểm hình dạng đặc trưng của các loài động, thực vật.
- Biết cách thu mẫu ngoài thiên nhiên (đối với động vật).
- Phân loại được các loài thực vật, động vật quan sát được vào các lớp/ngành phù hợp.
- Chấp hành nghiêm các quy định của buổi ngoại khoá về kỉ luật, bảo vệ môi trường, nguyên tắc thu mẫu, xử li mẫu.
- Phát triển được các kĩ năng làm việc nhóm, quan sát, phân tích, thu thập, xử lí; năng lực hợp tác, tìm tòi, khám phá, trình bày, giải thích, vận dụng.

2. Về năng lực

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác

- Năng lực riêng:

- Năng lực nghiên cứu khoa học
- Năng lực phương pháp thực nghiệm.
- Năng lực trao đổi thông tin.
- Năng lực cá nhân của HS.

3. Về phẩm chất

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học: chịu khó tìm hiểu các thông tin trong các nguồn tham khảo cũng như các thông tin thông qua việc trực tiếp quan sát mẫu vật là các cơ thể sống khác nhau.
- Có trách nhiệm trong các hoạt động học tập: thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập mà Giáo viên giao phó hoặc thực hiện các hoạt động học tập được phân công khi tham gia hoạt động nhóm.
- Trung thực, cẩn thận trong quá trình học tập, trong quá trình hoạt động nhóm.
- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ các loài sinh vật sống quanh mình góp phần bảo vệ đa dạng sinh học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Giáo viên:

+ Địa điểm: Vườn Bách Thảo

+ Phần quà, giấy A_0

+ Phiếu học tập: phiếu học tập cho 3 nhóm học sinh

Phiếu số 1: Các nhiệm vụ điều tra đa dạng sinh học thực vật tại nơi tham quan.
Phiếu số 2: Các nhiệm vụ điều tra đa dạng sinh học động vật tại nơi tham quan.
Phiếu số 3: Các nhiệm vụ điều tra môi trường và đa dạng sinh học các loài sinh vật tại nơi tham quan.

2. Học sinh: Máy ảnh, kính lúp, vợt lưới, kẹp panh, ống nhòm, sổ ghi chép, bút chì, lọ đựng mẫu, nhãn dán mẫu,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
Học sinh tham gia trò chơi "Bắt sâu" Thể lệ trò chơi: - Có 6 đội chơi, mỗi đội là 1 cặp gồm 1 bạn nam và 1 bạn nữ - Trên áo của bạn nam có đính nhiều mô hình sâu bằng giấy, bạn nữ sử dụng băng dính 2 mặt để nhặt sâu. Trong thời gian 3 phút, đội nào nhặt được nhiều sâu nhất thì đội đó giành chiến thắng. - GV nhận xét quá trình tham gia chơi của các cặp học sinh và trao quà cho cặp học sinh giành chiến thắng. - GV nối vào bài: Từ việc tham gia trò chơi bắt sâu, hôm nay cô trò chúng ta có một buổi trải nghiệm ngoài thiên nhiên để tìm hiểu sự đa dạng của các loài sinh vật tại địa điểm này – Vườn Bách Thảo.	- Kết quả trò chơi của học sinh, đội giành chiến thắng sẽ nhận được phần quà.

2. Hoạt động 2: Tiến hành

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu cách sử dụng dụng cụ thực hành và các quy định của buổi thu mẫu thực hành

a. **Mục tiêu:** Nêu được tên các dụng cụ thực hành và cách sử dụng chúng trong các trường hợp thực hành khác nhau.

b. **Nội dung:** Phân tích các dụng cụ thực hành thông qua mẫu dụng cụ cụ thể. Hệ thống câu hỏi của giáo viên.

c. **Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể: Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV phân chia nhóm thực hành: chia thành 3 nhóm thực hành và phân chia các dụng cụ thực hành cho mỗi nhóm. - HS tập hợp thành nhóm, nhận dụng cụ thực hành - GV đặt câu hỏi liên quan đến dụng cụ thực hành. **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn học sinh: quan sát và làm bộ sưu tập ảnh, đưa ra các câu trả lời cho các câu hỏi về dụng cụ	**1. Hướng dẫn chung** + Quan sát bằng mắt thường + Quan sát bằng kính lúp + Quan sát bằng ống nhòm + Chụp ảnh

thực hành. Câu hỏi 1: Em hãy nêu tên các dụng cụ thực hành mà nhóm mình nhận được và cách sử dụng chúng. Câu hỏi 2: Nhãn dán mẫu được sử dụng trong trường hợp nào? Câu hỏi 3: Đọc sách giáo khoa trang 163 và cho biết yêu cầu cơ bản khi tham gia thực hành tìm hiểu thiên nhiên là gì? - HS quan sát dụng cụ, đọc sách giáo khoa, thảo luận và tìm câu trả lời cho câu hỏi. **Bước 3:** Báo cáo kết quả và thảo luận - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: - HS trả lời các câu hỏi Câu hỏi 1: + Dụng cụ để lấy mẫu: Panh kẹp, vợt. + Dụng cụ để đựng mẫu: Lọ đựng mẫu. + Dụng cụ để quan sát mẫu: máy ảnh, ống nhòm, kính lúp. + Dụng cụ để ghi chú mẫu: nhãn dán Câu hỏi 2: Nhãn dán mẫu được sử dụng khi lấy mẫu mang về, nhằm tránh nhầm lẫn các mẫu vật thu thập được và lưu lại một số thông tin quan trọng của mẫu vật. Câu hỏi 3: Yêu cầu cơ bản khi tham gia thực hành tìm hiểu thiên nhiên là: + Trang phục gọn gàng, phù hợp. + Tuân thủ các yêu cầu, nguyên tắc khi tham gia thực hành. + Chú ý nhận diện các sinh vật có chứa độc tố. - HS khác nhận xét, bổ sung **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức - HS lắng nghe và ghi nhớ.	+ Ghi chép + Làm bộ sưu tập

Hoạt động 2.2: Thực hành tìm hiểu đa dạng sinh học tại nơi tham quan

a. Mục tiêu:

+ Quan sát và ghi chú lại được những đặc điểm của một số sinh vật có tại nơi tham quan

+ Hoạt động nhóm và hoàn thành được phiếu học tập của nhóm mình.

b. Nội dung:

Học sinh hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập của nhóm mình, cụ thể:

+ Nhóm số 1: Các nhiệm vụ điều tra đa dạng sinh học thực vật ở nơi tham quan

+ Nhóm số 2: Các nhiệm vụ điều tra đa dạng sinh học động vật nơi tham quan

+ Nhóm số 3: Các nhiệm vụ điều tra môi trường và đa dạng sinh học các loài sinh vật nơi tham quan.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp của giáo viên - Hoạt động của học sinh	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS chia nhóm, tham gia hoạt động nhóm để hoàn thành nội dung trong phiếu học tập - Phát phiếu học tập cho học sinh. - HS tiếp nhận phiếu học tập **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS tham gia thực hành để hoàn thành nội dung phiếu học tập - GV có thể theo dõi, hỗ trợ các nhóm trong quá trình học sinh tìm kiếm mẫu vật trong vườn Quốc Gia Ba Vì (ví dụ: nêu tên một số loại cây mà HS chưa biết, …) - GV yêu cầu các nhóm thảo luận phương án hoàn thiện sản phẩm cuối cùng dựa trên kết quả phiếu học tập - HS các nhóm thảo luận và tiếp tục hoàn thiện phiếu học tập và đưa ra phương án hoàn thiện sản phẩm cuối cùng **Bước 3:** Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời nhóm học sinh trình bày kết quả phiếu học tập của nhóm mình - HS trình bày kết quả hoạt động phiếu học tập: từng nhóm lên báo cáo kết quả phiếu học tập của nhóm mình. Có thể: + Nhóm 1 trình bày kết quả bảng phiếu học tập số 1 + Nhóm 2: Trình bày kết quả bảng phiếu học tập số 2 + Nhóm 3: Trình bày kết quả bảng phiếu học tập số 3 - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu có. **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét phần kết quả phiếu học tập của từng nhóm - HS các nhóm tự sửa vào phiếu học tập của nhóm mình	**2. Tìm hiểu về thực vật và động vật** a. Quan sát môi trường sống, vai trò của thực vật và động vật b. Quan sát hình thái, phân loại một số nhóm thực vật và động vật c. Tìm hiểu về cách bắt thả mẫu

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Đáp ứng được nhiệm vụ giáo viên đề ra có liên quan đến nội dung thực hành

b. Nội dung: Hoàn thành nhiệm vụ 2 ở phiếu học tập, làm tập san và sơ đồ tư duy

c. Sản phẩm: Tập san và sơ đồ tư duy của các nhóm.

d. **Tổ chức thực hiện:** Giao cho HS về nhà thực hiện theo nhóm.

Hình thức báo cáo bằng tập san, sơ đồ tư duy, khuyến khích ý tưởng trình bày sáng tạo.

Thời gian nộp sản phẩm vào tiết học sau.

Tiêu chí chấm sản phẩm:

TT	Tiêu chí	Yêu cầu	Số điểm
1	Nội dung	- Đầy đủ, ngắn gọn, chính xác (3 điểm) - Sắp xếp nội dung logic, sáng tạo (2 điểm)	
2	Hình thức	- Bố cục khoa học hợp lý (2 điểm)	

		- Có cả kênh chữ và kênh hình (1 điểm) - Hình ảnh minh họa, phù hợp, sinh động. (1 điểm)	
3	Ý thức tham gia	- Hoàn thành đúng thời gian (1 điểm)	
Tổng điểm			

* GV nhận xét kết quả hoạt động của học sinh trong cả buổi thực hành.

*** Hướng dẫn về nhà:** Làm tập san theo nhóm được phân công.

PHIẾU HỌC TẬP:

BÀI 39: TÌM HIỂU SINH VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm: …… Lớp: ……

Nhiệm vụ 1: Em hãy tìm hiểu thông tin về 10 loài thực vật có mặt ở tại địa điểm tham quan thiên nhiên và hoàn thành nội dung của bảng dưới đây

STT	**Tên loài**	**Môi trường sống**	**Đặc điểm (hãy thu thập một phần mẫu vật)**	
			Cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá)	**Cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt)**
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				

9				
10				

Nhiệm vụ 2: Dựa vào thông tin ở bảng trên, hãy hoàn thiện nội dung giới thiệu sự đa dạng của thực vật tại địa điểm tham quan thiên nhiên bằng hình thức làm tập san.

BÀI 39: TÌM HIỂU SINH VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm: …… Lớp: ……

Nhiệm vụ 1: Em hãy tìm hiểu thông tin về 10 loài động vật có mặt ở tại địa điểm tham quan thiên nhiên và hoàn thành nội dung của bảng dưới đây

STT	**Tên loài**	**Môi trường sống**	**Đặc điểm (hãy thu thập một số hình ảnh)**	
			Đặc điểm (kích thước, màu sắc, số lượng, giới tính, …)	**Hình ảnh**
1				
2				
3				
4				
5				
6				

7				
8				
9				
10				

Nhiệm vụ 2: Dựa vào thông tin ở bảng trên, hãy hoàn thiện nội dung giới thiệu sự đa dạng của động vật tại địa điểm tham quan thiên nhiên hình thức làm bài tập san.

BÀI 39: TÌM HIỂU SINH VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nhóm: …… Lớp: ……

Nhiệm vụ 1: Em hãy tìm hiểu thông tin về môi trường và thống kê các giới sinh vật có ở công viên Bách Thảo vào bảng dưới đây

STT	**Tên loài**	**Môi trường sống**	**Phân tích đặc điểm thích nghi với môi trường sống của nó**	**Thuộc giới**
1				Khởi sinh
2				Khởi sinh
3				Nguyên sinh
4				Nguyên sinh
5				Nấm
6				Nấm

7				Thực vật
8				Thực vật
9				Động vật
10				Động vật

Nhiệm vụ 2: Dựa vào thông tin ở bảng trên, hãy hoàn thiện nội dung giới thiệu sự đa dạng và khả năng thích nghi của sinh vật tại địa điểm tham quan thiên nhiên bằng hình thức sơ đồ tư duy thể hiện trên giấy A_0.

Ngày soạn:28/3/2022
Ngày dạy: 1/4/2022

Tiết 44: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
- Nêu lại được đặc điểm nhận biết của mỗi nhóm thực vật.
- Kể tên các loài động vật có xương sống và động vật không xương sống.
- Vai trò của động vật và thực vật

2. Về năng lực:
- Nêu được đặc điểm nhận biết mỗi ngành động vật
- Nêu lại được đặc điểm nhận biết của mỗi nhóm thực vật.

3. Về phẩm chất:
- Rèn Cho Hs ý thức tự học và trugn thực trong làm bài

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Giáo viên:
- GV chuẩn bị đề

2. Học sinh:
- Ôn tập kĩ các bài học thực vật và động vật

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
Đề và đáp án kèm theo Sở GD ra

IV. Nhận xét đánh giá

Gv nhận xét tinh thần thái độ làm bài của học sinh

Ngày soạn: 1/4/2022
Ngày dạy: *:2/4/2022*

Tiết 48: TÌM HIỂU SINH VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Sau khi học xong bài này HS

- Quan sát được các loài sinh vật, môi trường sống và các đặc điểm hình dạng đặc trưng của các loài động, thực vật.
- Biết cách thu mẫu ngoài thiên nhiên (đối với động vật).
- Phân loại được các loài thực vật, động vật quan sát được vào các lớp/ngành phù hợp.
- Phát triển được các kĩ năng làm việc nhóm, quan sát, phân tích, thu thập, xử lí; năng lực hợp tác, tìm tòi, khám phá, trình bày, giải thích, vận dụng.

2. Về năng lực

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác

- Năng lực riêng:

- Năng lực nghiên cứu khoa học
- Năng lực phương pháp thực nghiệm.
- Năng lực trao đổi thông tin.
- Năng lực cá nhân của HS.

3. Về phẩm chất

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học: chịu khó tìm hiểu các thông tin trong các nguồn tham khảo cũng như các thông tin thông qua việc trực tiếp quan sát mẫu vật là các cơ thể sống khác nhau.
- Trung thực, cẩn thận trong quá trình học tập, trong quá trình hoạt động nhóm.
- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ các loài sinh vật sống quanh mình góp phần bảo vệ đa dạng sinh học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Giáo viên: Phần quà, phiếu tiêu chí đánh giá sản phẩm

2. Học sinh: Sản phẩm tập san, sơ đồ tư duy của các nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề, kiểm tra bài cũ, khởi động, mở đầu

Trợ giúp của giáo viên/ Hướng dẫn - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
Học sinh tham gia trò chơi "Sinh vật ngoài thiên nhiên" Thể lệ trò chơi: - Có 3 đội chơi, mỗi đội gồm 2 bạn. - Các đội chơi lần lượt viết tên các sinh vật mình thấy và quan sát được trong buổi tham quan vào giấy. Trong thời gian 2 phút, đội nào viết được nhiều tên sinh vật nhất đội đó chiến thắng. - GV nhận xét quá trình tham gia chơi của các cặp học sinh và trao quà cho cặp học sinh giành chiến thắng. - GV nối vào bài: Từ việc tham gia trò chơi Sinh vật ngoài thiên nhiên, hôm nay cô trò chúng ta cùng khám phá các sản phẩm độc đáo của các nhóm khi trải nghiệm ngoài thiên nhiên.	- Kết quả trò chơi của học sinh, đội giành chiến thắng sẽ nhận được phần quà.

2. Hoạt động 2: Tiến hành báo cáo kết quả của buổi ngoại khóa

*** Mục tiêu:** Trình bày được nội dung hoàn thiện của sản phẩm của nhóm mà trước đó được phân công

***Tổ chức thực hiện:**

Trợ giúp của giáo viên/ hướng dẫn của giáo viên - Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- GV yêu cầu các nhóm hoạt động để báo cáo sản phẩm của nhóm mình. - HS các nhóm chuẩn bị nội dung báo cáo, trình bày sản phẩm của nhóm mình - GV hỗ trợ học sinh khi khó khăn. - HS báo cáo sản phẩm của nhóm mình - HS khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho nhóm báo cáo. - GV nhận xét, góp ý cho sản phẩm, đánh giá và cho điểm sản phẩm của mỗi nhóm.	Sản phẩm của các nhóm.

- HS ghi nhớ để chỉnh sửa sản phẩm của nhóm.	

Tiêu chí chấm sản phẩm:

TT	Tiêu chí	Yêu cầu	Số điểm
1	Nội dung	- Đầy đủ, ngắn gọn, chính xác (3 điểm) - Sắp xếp nội dung logic, sáng tạo (2 điểm)	
2	Hình thức	- Bố cục khoa học hợp lý (2 điểm) - Có cả kênh chữ và kênh hình (1 điểm) - Hình ảnh minh họa, phù hợp, sinh động. (1 điểm)	
3	Ý thức tham gia	- Hoàn thành đúng thời gian (1 điểm)	
Tổng điểm			

3. Hoạt động 3: Vận dụng, củng cố

*** Mục tiêu:** Đáp ứng được nhiệm vụ giáo viên đề ra có liên quan đến nội dung thực hành

***Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu
- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập: Thực hiện nhiệm vụ học tập, vẽ bức tranh của mình

Hoàn thành bức tranh về vườn Quốc Gia Ba Vì theo góc nhìn của em.

Chia sẻ bức tranh của mình với cả lớp.

* GV nhận xét kết quả hoạt động của học sinh trong cả buổi thực hành.

*** Hướng dẫn về nhà:** Tiếp tục hoàn thiện bức tranh, tìm hiểu, thu thập, tập ép mẫu thực vật.

Ngày soạn: 15/4/2022
Ngày dạy: 18/4/2022

Tiết 43: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu lại được đặc điểm nhận biết của mỗi nhóm thực vật.
- Vai trò của thực vật

2. Về năng lực:

- Nêu lại được đặc điểm nhận biết của mỗi nhóm thực vật.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thức hiện nhiệm vụ cá nhân nhằm hệ thống lại những kiến thức về sự đa dạng của thực vật.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thảo luận để hoàn thành các câu hỏi và bài tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Hình ảnh về thực vật
- Bài tập về thực vật.
- HS hoạt động nhóm vẽ sơ đồ tư duy khái quát về các nhóm thực vật.

2. Học sinh:

- Ôn tập kĩ các bài học thực vật

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là tổng kết về thực vật

* Mục tiêu: Giúp học sinh xác đinh được vấn đề học tập là thực vật trong tự nhiên vô cùng phong phú và đa dạng.

* Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên chia lớp thành 2 đội chơi. Mỗi đội sẽ lần lượt trả lời 2 câu hỏi.
- Lượt chơi: Mỗi đội có 2 phút để thảo luận và kể tên các loài cây ở câu hỏi 1 vào giấy. Mỗi đáp án đúng được 10 điểm.
- Sau lượt chơi đội nào được nhiều điểm hơn đội đố chiến thắng.

Hoạt động 2: Bạng bài tập 1

* Mục tiêu: HS các nhóm vẽ được sơ đồ tư duy tổng kết về các ngành thực vật

*Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV phát phiếu học tập lớn và yêu cầu HS các nhóm thảo luận hoàn thành sơ đồ tư duy về 4 nhành thực vật trong thời gian 13’ - GV yêu cầu đại diện 1 nhóm làm nhanh	- HS thảo luận nhóm hoàn thành bài tập. - Đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả,

nhất báo cáo kết quả, các nohms còn lại nhẫn ét đánh giá kết quả của nhóm bạn. - GV đánh giá kết quả hoạt động của học sinh	các nhóm khác nhận xét bổ sung - HS chú ý lắng nghe hoàn chỉnh thông tin kiến thức.

.

Hoạt động 3: Dạng bài tập 2

* Mục tiêu: HS làm tốt các bài tập trắc nghiệm về thực vật dạng điền từ còn thiếu và chọn câu trả lời chính xác.

*Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Gv yêu cầu Hs gấp sách và vở, ghi nhớ kiến thức và hoàn thành các bài tập trắc nghiệm. - Mỗi bài 1 HS lên chữa Bài 1: Thực vật ……1…. Khắp mọi nơi trên trái đất. Thực vật gồm nhiều loài có kích thước và …2… sống khác nhau. Bài 2: Thực vật không có mạch gồm những loài mà cơ thể không có…1…..Rêu cũng là nhóm thực vật sống trên cạn …..2…..Chúng thường sống nơi …3…., ít ánh sáng. Cơ thể rêu nhỏ bé, chỉ cao khoảng 1-2 cm, có …4…giả, thân và lá không có ….5…. Rêu sinh sản bằng …6… Bài 3: Thực vật hạt …1….là những cây gỗ có kích thước lớn với hệ mạch dẫn …2…., chưa có….3…và …4…, sinh sản bằng …5... nằm lộ trên các lá noãn hở. Bài 4: Những ngành nào sinh sản bằng bào tử? a. Rêu và hạt trần b. rêu và dương xỉ c. hạt kín và hạt trần dương xỉ và hạt trần Bài 5: Cơ quan sinh sản của thực vật hạt kín là	1. Bài tập điền từ vào chỗ trống Bài 1: 1. Sống ở, 2. Môi trường Bài 2: 1. Mạch dẫn 2. Đầu tiên 3. ẩm ướt 4. rễ 5. mạch dẫn. 6. Bào tử Bài 3: 1. Trần 2. Phát triển 3. Hoa 4. Quả 5. Hạt 2. Bài tập lựa chọn câu trả lời đúng

a. Bào tử b. Nón c. Hạt d. Quả Bai 6: Vai trò của thực vật với môi trường? a. Cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxid b. Giảm nhiệt độ môi trường, điều hòa không khí c. Giảm hiệu ứng nhà kính, bảo vệ nguồn nước và hạn chế lũ lụt, sạt lở đất d. Làm tăng hàm lượng khí carbon trong không khí. - HS trả lời GV chốt lại kiến thức.	

Hoạt động 4: Luyện tập:

* Mục tiêu:

Hs nhìn tranh ảnh nêu được tên và nhóm của các loài thực vật

* Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.
- GV đưa hình mảnh một số nhóm thực và và động vật yêu cầu HS gọi tên và cho biết thuộc nhóm nào?
- Kết luận: GV nhận xét và chốt đáp án

Ngày soạn: 22/4/2022
Ngày dạy: 25/2/2022

Tiết 50: ÔN TẬP HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhắc lại được đặc điểm nhận biết của mỗi nhóm thực vật.
- Nhắc lại được đặc điểm nhận biết của mỗi nhóm động vật.
- HS nêu được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và biện pháp khắc phục.

2. Về năng lực:

- Ghi nhớ thông tin về đặc điểm nhận biết của mỗi nhóm thực vật và động vật.

- Biết đề xuất các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thức hiện nhiệm vụ cá nhân nhằm hệ thống lại những kiến thức về sự đa dạng của thế giới sống.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thảo luận để hoàn thành các câu hỏi và bài tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Hình ảnh về một số loài thực vật và động vật.
- Phiếu học tập phiếu học tập số 1, 2

2. Học sinh:

- Ôn tập kĩ các bài học thực vật, động vật và đa dạng sinh học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là nội dung keiens thức trong học kì II.

* Mục tiêu: Giúp học sinh xác đinh được vấn đề học tập là các loài sinh vật trong tự nhiên vô cùng phong phú và đa dạng.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên- Hoạt động của HS	Nội dung
Học sinh chơi trò chơi: "NHANH NHƯ CHỚP" **Câu hỏi 1:** Kể tên các loại cây bắt đầu bằng chữ "C" **Câu hỏi 2:** Kể tên các loại động vật bắt đầu bằng chữ "N" – Giáo viên chia lớp thành 2 đội chơi. Mỗi đội sẽ lần lượt trả lời 2 câu hỏi. – Lượt chơi 1: Mỗi đội có 2 phút để thảo luận và kể tên các loài cây ở câu hỏi 1 vào giấy. Mỗi đáp án đúng được 10 điểm. – Lượt chơi 2: Mỗi đội có 2 phút để thảo luận và kể tên các loài động vật ở câu hỏi 2 vào giấy. Mỗi đáp án đúng được 20 điểm. – Sau 2 lượt chơi đội nào được nhiều điểm hơn đội đố chiến thắng.	HS kể đúng tên các sinh vật theo yêu cầu

Hoạt động 2: Bài tập 1

*Mục tiêu: Gv cho HS chơi trò chơi cùng ôn tập kiến thức về động vật

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Gv tổ chức cho Hs chơi trò chơi tiếp sức tìm đặc điểm nhận biết của các nhóm động vật. - Luật chơi: chia lớp thành 2 đội mỗi đội chọn 4 hs tham gia trò chởi, lần lượt các em lên lựa chọn câu trả lời cho đến khi hết lượt. - Lớp nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm. - Gv cho HS làm một số bài tập trắc nghiệm về động vật. Bài 1: Cơ thể đối xứng tỏa tròn là của: a. Sứa b. Giun tròn c. Giun dẹp d. Giun đốt Bài 2: Đặc điểm nổi bật của chân khớp là a. Cơ thể phân đốt b. Phần phụ phân đốt c. Thở bằng mang d. Sống ở nước. Bài 3: Cơ thể rất mềm, thường có vỏ đá vôi bao bọc là của ngành A. Ruột khoang B. Chân khớp C. Giun đốt D. Thân mềm Bài 4: Sán lá gan có đặc điểm a. Cơ thể dẹp, đối xứng 2 bên b. Cơ thể đối xứng tỏa tròn c. Cơ thể phân đốt d. Cơ thể hình trụ không phân đốt.	- HS sắp xếp đúng đại diện với đặc điểm chugn của nhóm. - Mỗi bài 1 Hs trả lời, lớp nhận xét.

Hoạt động 3: Bài tập 2

*Mục tiêu: Nhắc lại đặc điểm nhận biết của các nhóm thực vật

*Tổ chức thực hiện:

–

Trợ giúp hướng dẫn của giáo viên/ Hoạt	Nội dung

động của HS	
- GV: Phát phiếu học tập số 1 cho các nhóm. - HS: Thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2. - GV gọi ngẫu nhiên một nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến. Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chốt nội dung Gv cho Hs làm một số bài tập tắc nghiệm: Bài 1: Những ngành nào sinh sản bằng bào tử? a. Rêu và hạt trần b. rêu và dương xỉ c. hạt kín và hạt trần dương xỉ và hạt trần Bài 2: Cơ quan sinh sản của thực vật hạt kín là a. Bào tử b. Nón c. Thân và lá d. Hoa và quả Bài 3: Vai trò của thực vật với môi trường? a. Cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxid b. Giảm nhiệt độ môi trường, điều hòa không khí c. Giảm hiệu ứng nhà kính, bảo vệ nguồn nước và hạn chế lũ lụt, sạt lở đất d. Làm tăng hàm lượng khí carbon trong không khí. Bài 4: Cây hạt trần cơ quan sinh sản là: a. Bào tử b. Thân c. Lá d. Nón	- Kq trong phiếu học tập.

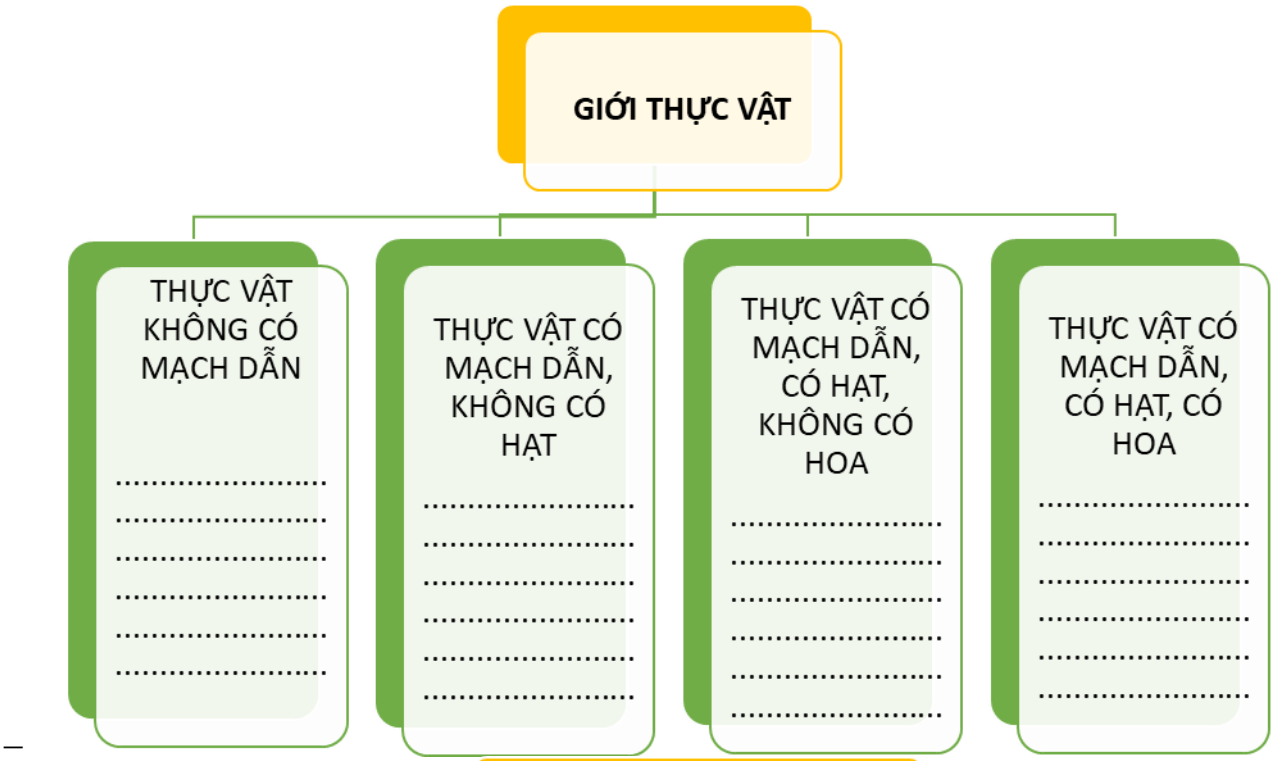

Hoạt động 4: Ôn tập về đa dạng sinh học

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của HS	Nội dung
Bài 1: Đa dạng sinh học là gì? a. Thể hiện đa dạng về môi trường sống b. Thể hiện sự đa dạng về số cá thể c. Thể hiện sự đa dạng về số lượng loài	Mỗi bài 1 HS trả lời Bài 1. C Bài 2. C Bài 3. D

e. Đa dạng về số ác thể đực và cái. Bài 2: Hậu quả của đa dạng sinh học a. Làm cho số loài đa đạng hơn b. Làm cho số cá thể con giảm nhanh c. Làm giảm nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, lũ lụt hạn hán… d. Làm cho một loài bị mất Bài 3: Để bảo vệ đa dạng sinh học cần a. Trồng rừng và bảo vệ rừng b. Nghiêm cấm khai thác, buôn bán sản phẩm từ động thực vật quý hiếm c. Tuyên truyền để mọi người cùng bảo vệ đa dạng sinh học. d. cả a, b, c	

Hoạt động 5: Hướng dẫn về nhà

- Ôn tập lại các phần nội dung đã được ôn trong tiết 49.
- Xem kĩ lại bài động vật và bài khóa lưỡng phân.

Ngày soạn: 2/5/2022
Ngày dạy: 5/5/2022

Tiết 52: ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Củng cố lại nội dung kiến thức đã được học ở giới thực vât, động vật và sự đa dạng sinh học.

2. Về năng lực:

- Ghi nhớ thông tin về đặc điểm nhận biết của mỗi nhóm thực vật và động vật.
- Biết cashs bảo vệ sự đa dạng sinh học

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thức hiện nhiệm vụ cá nhân nhằm hệ thống lại những kiến thức về sự đa dạng của thế giới sống.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thảo luận để hoàn thành các câu hỏi và bài tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Hình ảnh về một số loài thực vật và động vật.

2. Học sinh:

- Ôn tập kĩ các bài học thực vật, động vật và đa dạng sinh học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là nội dung kiến thức trong học kì II.

* Mục tiêu: Giúp học sinh xác đinh được vấn đề học tập là các loài sinh vật trong tự nhiên vô cùng phong phú và đa dạng.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên- Hoạt động của HS	Nội dung
Học sinh chơi trò chơi: "NHANH NHƯ CHỚP" **Câu 1:** Đâu là tên một loài thực vât: **a.** Cóc **b.** Nhái **c.** Cào cào **d.** ếch **Câu 2:** Loại quả nào mà người ta dùng để gội đầu a. Bồ hòn b. Bồ kết c. Lộc vừng d. Mướp Câu 3: Hạt loài cây nào có cánh để bay	HS kể đúng tên các sinh vật theo yêu cầu

a. Bàng b. Ổi c. Đậu đen d. Hoa sữa **Câu 4:** Câu thơ sau nói về loài cây nào? Lá sắc như dao Thân dài lắm đốt Ép cốt nấu cao a. Dừa b. Tre c. Nứa d. Mía **Câu hỏi 5:** Kể tên các loại động vật bắt đầu bằng chữ "N" và chữ "T" mỗi chữ cái ít nhất 3 loài thời gian là 2' – Giáo viên chia lớp thành 2 đội chơi. Mỗi đội sẽ lần lượt trả lời 2 câu hỏi. – Lượt chơi 1: Mỗi đáp án đúng được 10 điểm. – Lượt chơi 2: Mỗi đội có 2 phút để thảo luận và kể tên các loài động vật ở câu hỏi 2 vào giấy. Mỗi đáp án đúng được 10 điểm. – Sau 2 lượt chơi đội nào được nhiều điểm hơn đội đố chiến thắng.	

Hoạt động 2: Ôn tập về động vật

*Mục tiêu: Gv cho HS chơi trò chơi cùng ôn tập kiến thức về động vật

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	**Nội dung**
- Gv tổ chức cho Hs chơi trò chơi ***"Ai nhớ nhanh hơn"*** tìm đặc điểm nhận biết của các nhóm động vật. - Luật chơi: chia lớp thành 2 đội mỗi đội chọn 2 hs tham gia trò chơi, lần lượt các em lên lựa chọn câu trả lời cho đến khi hết lượt. - Lớp nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm.	- HS sắp xếp đúng đại diện với đặc điểm chung của nhóm.

- Gv cho HS làm một số bài tập trắc nghiệm về động vật. **Bài 1**: Cơ thể dẹp đối xứng hai bên là của: a. Sứa b. Giun tròn c. Giun dẹp d. Giun đốt Bài 2: Nhện thuộc nhóm chân khớp vì a. Cơ thể phân đốt b. Phần phụ phân đốt c. Thở bằng mang d. Sống ở nước. **Bài 3:** Cơ thể rất mềm, thường có vỏ đá vôi bao bọc là của ngành E. Ruột khoang F. Chân khớp G. Giun đốt H. Thân mềm **Bài 4:** Loài nào hô hấp bằng mang và thở bằng vây. a. cá heo b. cá sấu c. ếch d. cá chép **Bài 5:** Loài động vật nào hô hấp bằng phổi và da a. cá chép b. giun đất c. ếch d. cá voi **Bài 6:** mình có lông vũ bao phủ là của a. Thỏ b. Chuột c. Gà d. Thăng lằn.	- Mỗi bài 1 Hs trả lời, lớp nhận xét.

Hoạt động 3: Bài tập 2

*Mục tiêu: Nhắc lại đặc điểm nhận biết của các nhóm thực vật

*Tổ chức thực hiện:

–

Trợ giúp hướng dẫn của giáo viên/ Hoạt động của HS	Nội dung
- GV: yêu cầu các nhóm vẽ sơ đồ tư duy về các nhóm thực vật và nêu đặc điểm đặc	- Kq trong sơ đồ tư duy

trưng nhất về nhóm đó - HS: Thảo luận nhóm hoàn thành sơ đồ tư duy - GV gọi ngẫu nhiên một nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến. Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chốt nội dung Gv cho Hs làm một số bài tập tắc nghiệm: Bài 1: Những ngành nào sinh sản bằng bào hạt? a. Rêu và hạt trần b. Rêu và dương xỉ c. Hạt kín và hạt trần d. dương xỉ và hạt trần Bài 2: Thực vật hạt kín tiến hóa hơn hạt trần ở đặc điểm a. Có bào tử b. Có nón c. Thân và lá thật d. Có hoa và quả Bài 3: Vai trò của thực vật với môi trường? a. Cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxid b. Tăng nhiệt độ môi trường, điều hòa không khí c. Giảm hiệu ứng nhà kính, bảo vệ nguồn nước và hạn chế lũ lụt, sạt lở đất d. Làm tăng hàm lượng khí carbon trong không khí. Bài 4: Cây hạt trần cơ quan sinh sản là: e. Bào tử f. Thân g. Lá h. Nón Bài 5: Ngành nào có sự phát triển nhất a. Hạt trần b. Rêu c. Dương xỉ d. Hạt kín	Bài 1: c Bài 2: d Bài 3: c Bài 4: d Bài 5: d

Hoạt động 4: Ôn tập về đa dạng sinh học

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của HS	Nội dung

- GV yêu cầu HS làm một số bài tập trắc nghiêm - Mỗi bài1 HS đứng tại chố nêu đáp án Bài 1: Đa dạng sinh học là gì? a. Thể hiện đa dạng về môi trường sống b. Thể hiện sự đa dạng về số cá thể c. Thể hiện sự đa dạng về số lượng loài e. Đa dạng về số cá thể đực và cái. Bài 2: Hậu quả của suy giảm đa dạng sinh học a. Làm cho số loài đa đạng hơn b. Làm cho số cá thể con giảm nhanh c. Làm giảm nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, lũ lụt hạn hán… d. Làm cho một loài bị mất Bài 3: Để bảo vệ đa dạng sinh học cần a. Trồng rừng và bảo vệ rừng b. Nghiêm cấm khai thác, buôn bán sản phẩm từ động thực vật quý hiếm c. Tuyên truyền để mọi người cùng bảo vệ đa dạng sinh học. d. cả a, b, c Bài 4: Vai trò của đa dạng sinh học a. Cung cấp ổn định nguồn nước, lương thực, thực phẩm b. Tạo cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp c. Giúp con người thích ứng với biến đổi khí hậu d. A và B e. Cả a, b, c	Mỗi bài 1 HS trả lời Bài 1. C Bài 2. C Bài 3. D Bài 4: e

Hoạt động 5: Hướng dẫn về nhà

- Ôn tập lại các phần nội dung đã được ôn trong tiết 52

Ngày soạn: 13/5/2022
Ngày dạy: 16/5/2022

Tiết 53: ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Củng cố lại nội dung kiến thức đã được học ở trong chương trình học kì I

2. Về năng lực:

- Ghi nhớ thông tin về các kiến thức cơ bản trong học kì I
- Biết cách bảo vệ các loài sinh vật.

3. Về phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thức hiện nhiệm vụ cá nhân nhằm hệ thống lại những kiến thức đã hcoj trong học kì I
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thảo luận để hoàn thành các câu hỏi và bài tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Bài tập các dạng liên quan đến nội dung kiến thức học kì I

2. Học sinh:

- Ôn tập kĩ các bài hđã học trogn học kì I

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là nội dung kiến thức trong học kì I.

* Mục tiêu: Giúp học sinh xác đinh được vấn đề học tập là các loài sinh vật trong tự nhiên vô cùng phong phú và đa dạng.

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên- Hoạt động của HS	Nội dung
- HS tham gia chơi trò chơi đuổi hình bắt chữ, nhìn hình gọi tên các bộ phân	HS xác định đúng tên gọi cho accs hình ảnh có liên quan

cấu tạo của cơ thể, các cấp độ tổ chức cơ thể ….. - Mỗi HS xác định đúng và nhanh được 10 điểm, kết thúc bạn nào giành nhiều điểm sẽ được điểm 10.	

Hoạt động 2: GV cho HS làm một số dạng bài tập điền khuyết hoặc ghép cột

*Mục tiêu: Gv cho HS chơi trò chơi cùng ôn tập kiến thức cơ bản trong học kì I

* Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp/ hướng dẫn của giáo viên – Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Gv tổ chức cho Hs chơi trò chơi ***"Ai nhớ nhanh hơn"*** 1. Tìm các thành phần cấu tạo của tế bào - GV đưa ra tên một số thành phần và yêu cầu HS lựa chọn: màng tế bào, nhân, tế bào chất, vùng nhân, vật chất di truyền, tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực, nhân hoặc vùng nhân - 1 Hs trả lời, lớp nhận xét đánh giá 2. Bài tập điền từ còn thiếu vào chỗ trống **Bài 1**: Các tế bào con có ……1……, nhờ quá trình ……2…… mà chúng ….3….. thành tế bào trưởng thành. Tế bào …4… đến một kích thước nhất định thì ….5…. (từ một tế bào mẹ thành 2 tế bào con). Sự sinh sản này làm tăng số lượng …6…., thay thế các tế bào già, các tế bào bị tổn thương, các tế bào chết, giúp cơ thể ….7… (sinh trưởng) và phát triển. **Bài 2**: Cơ thể chỉ là một cá thể …1… có khả năng thực hiện các …2…. sống cơ bản: cảm ứng, sinh trưởng và sinh sản……. Hầu hết cơ thể sinh vật có …3…. Khác nhau là do cơ thể chúng có số lượng tế bào …4…. Cơ thể …5… được cấu tạo từ một …6… tế bảo này thực hiện …7… các quá trình sống Cơ thể đa bào được cấu tạo từ ….8… ,	- HS sắp xếp đúng đại diện với đặc điểm chung của nhóm. - Mỗi bài 1 Hs trả lời, lớp nhận xét. Bài 1: 1. Kích thước nhỏ 2. Trao đổi chất 3. Lớn dần 4. Lớn 5. Sinh sản 6. Tế bào 7. Lớn lên Bài 2: 1. Sinh vật 2. Quá trình 3. Kích thước 4. Khác nhau 5. Đơn bào 6. Tế bào 7. Tất cả 8. Nhiều tế bào 9. Qúa trình sống

các tế bào này phối hợp với nhau cùng thực hiện các ….9…. của cơ thể. **Bài 3:** Cơ thể đa bào được cấu tạo từ nhiều …1… thực hiện các …2… khác nhau. Các tế bào phối hợp qua một số cấp độ tổ chức (tế bào → mô→ cơ quan → hệ cơ quan) để tạo thành cơ thể Mô gồm nhiếu tế bào có …3… giống nhau và cùng thực hiện một chức năng. Cơ quan được cấu tạo từ hai hay nhiều …4…, cùng thực hiện một hoạt động sống. hệ cơ quan gồm nhóm các …5… cùng thực hiện một quá trình sống. Các hệ cơ quan phối hợp với nhau thực hiện đầy đủ các …6…. Sống cơ bản, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của cơ thể. **Bài 4:** Phân loại sinh học là sự sắp xếp các đối tượng …1… có những đặc điểm chung vào từng nhóm theo trật tự nhất định. Phân loại sinh học giúp ta xác định được …2… của các loài sinh vật trong thế giới sống và ….3… chúng giữa các nhóm sinh vật dễ dàng hơn. Ngoài ra phân loại sinh học còn cho thấy sự …4… và …5… của các nhóm đối tượng phân loại., ….6… sự giống nhau đó và mối quan hệ giữa các nhóm sinh vật	Bài 3: 1. Tế bào 2. chức năng 3. cấu tạo 4. mô 5. cơ quan 6. quá trình **Bài 4:** 1. sinh vật 2. vị trí 3. tìm ra 4. giống 5. khác nhau 6. nguyên nhân

Hoạt động 3: HS chới trò choi kiến thức ai là triệu phú

*Mục tiêu: Nhắc lại các kiến thức đã học

*Tổ chức thực hiện:

Trợ giúp hướng dẫn của giáo viên/ Hoạt động của HS	Nội dung
- GV yêu cầu HS trong lớp chuẩn bị sẵn các đáp án A, B, C ,D - Mỗi dãy chọn 1 HS làm chuyên gia để theo dõi đáp án của cả lớp. - Mỗi HS sẽ giơ đáp án của mình cho các	- Kết quả cho các câu hỏi

câu hỏỏ, mỗi câu đúng HS xe nhận 1 dấu – - Kết quả 8 HS có thành tích tốt nhất sẽ nhận được phần quà từ GV - HS tham gia chơi trò chơi, nhóm chuyên gia làm việc đảm bảo tính công bằng khách quan. **Câu 1:** Sinh vật nào dưới đây là đơn bào? A. Người. B. Cây chuối. C. Cây hoa hướng dương. D. Tảo lục. **Câu 2:** Nhóm sinh vật đa bào gồm A. trùng roi, cây ổi, con ngựa vằn. B. cây bắp cải, con rắn, con ngựa vằn. C. Cây bắp cải, vi khuẩn, con rắn. D. cây bắp cải, trùng giày, con cua đỏ. **Câu 3:** Trong cơ thể người, loại tế bào nào có kích thước dài nhất? A. Tế bào thần kinh . B. Tế bào cơ vân. C. Tế bào xương. D. Tế bào da. **Câu 4:** Ở người tim, gan và tai là ví dụ cho cấp tổ chức nào của cơ thể? A. mô. B. tế bào. C. cơ quan. D. hệ cơ quan. **Câu 5:** Vi khuẩn là các cơ thể có cấu tạo A. đa bào, nhân sơ. B. đơn bào, nhân sơ. C. đa bào, nhân thực. D. đơn bào, nhân thực. **Câu 6:** Từ một tế bào sau khi phân chia liên tiếp tạo 32 tế bào con. Hãy cho biết số lần phân chia từ tế bào ban đầu? A. 5 B. 4 C. 3 D. 2 **Câu 7:** Ở người trưởng thành loại tế bào không có nhân là A. tế bào cơ. B. tế bào hồng cầu. C. tế bào gan. D. tế bào thần kinh. **Câu 8:** Trong cơ thể người, loại TB nào sau	Câu: 1. d 2. b 3. a 4. c 5. b 6. a 7. b 8. a

đây sau khi hình thành sẽ không phân chia thêm lần nào? A. Tế bào thần kinh. B. Tế bào gan. C. Tế bào da. a. D. Tế bào niêm mạc má.	

Hoạt động 5: Hướng dẫn về nhà